

LÀM NHÀ



The Phiet

PHONG THỦY

CÁ NHÂN

VŨNG TÀU

0913633976

I.	HƯỚNG NHÀ: HIỆU ĐÚNG VÀ ĐỦ	6
II.	HƯỚNG SÁT CẦN TRÁNH.....	11
2.1.	THÁI TUẾ SÁT.....	11
2.2.	TAM SÁT.....	11
2.3.	NGŨ HOÀNG ĐẠI SÁT.....	12
2.4.	SÁT NIÊN	13
2.5.	SÁT LONG.....	13
2.6.	TÌM LONG MẠCH.....	13
III.	Ý NGHĨA TÁM HƯỚNG VÀ 24 CUNG CÁT, HUNG.....	14
3.1.	Ý NGHĨA 24 CUNG CÁT HUNG.....	15
3.2.	LIỆT KÊ 16 ĐIỀU CẤM KỴ XẤU NHẤT KHI LẬP PHƯƠNG VỊ CÔNG CHÍNH, CỬA CHÍNH CHO CĂN NHÀ	16
IV.	THỜI ĐIỂM XÂY TÍNH THEO NĂM, THÁNG, NGÀY, GIỜ	18
2.1.	NĂM LÀM NHÀ.....	18
	NHỮNG NĂM SÁT KHÔNG NÊN LÀM NHÀ	18
	TÍNH MỆNH CHO TUỔI TỪNG NGƯỜI THEO NĂM SINH.....	19
	4.1- TỪ 19 TUỔI TRỞ NÊN MỚI CÓ TRẠCH LÀM NHÀ	28
	4.2.1- TUỔI HOANG ỐC	28
	4.2.2-TUỔI TAM TAI.....	28
	4.2.3 -TUỔI KIM LÂU.....	28
	NHỮNG NĂM SÁT KHÔNG NÊN LÀM NHÀ	30
2.2.	TÌM THÁNG ĐẠI LỢI TRAI LÀM NHÀ	30
	TUỔI GÌ? MẠNG GÌ?	30
	CHIÊM SAO HOANG ỐC (nhà bỏ hoang)	32
	LỤC THẬP HOA GIÁP NHẬT XUNG NIÊN TUẾ.....	32
2.3.	NGUYÊN TẮC CHỌN NGÀY LÀM NHÀ.....	34
1-	Nguyên tắc chung	34
2-	Kỵ Dương Công	34

3- Những Ngày Thiên Hỏa, Địa Hỏa.....	34
4- CHIÊM SAO HOANG ỐC (nhà bỏ hoang).....	35
5-MA ỐC (nhà ma ở).....	35
6- NHỮNG NGÀY XÍCH TÔNG TỬ GIÁNG HẠ.....	35
7- NHỮNG NGÀY THIÊN MA	35
8 -NHỮNG NGÀY NGUYỆT KỶ.....	36
9- NHỮNG NGÀY TRÙNG NHỊ KỶ	36
10- NHỮNG NGÀY LỖ BAN SÁT KỶ PHÁT MỘC	36
11-KỶ KHỞI CÔNG LÀM NHÀ PHỦ ĐẦU SÁT	36
I. BẢNG AN SAO CÁC THÁNG TRONG MỖI NĂM	40
7.3- Chọn ngày động thổ.....	55
7.4-Ngày khởi công - Định ,Thành, Khai nhật (trong tính ngày trực theo tiết khí... thập nhị trị:.....	55
7.5- Chọn ngày dựng cột, bắc xà	55
7.6 -Chọn ngày cất nóc, đổ mái nhà, lợp nhà	56
I- Các giờ trong ngày:.....	58
8.1 Giờ tốt	58
8.2 CÁC GIỜ TỐT THEO NGUYỆT LỆNH VÀ 12 SAO	58
TÂY UẾ-ĐIỀN HOÀN LONG MẠCH	60
LỄ VẬT	60
BÀI CÚNG	64
KHOA LỄ ĐIỀN HOÀN ĐỊA MẠCH.....	64
SỐ ĐỀN HOÀN LONG MẠCH	67
SẮC.....	68
ĐỘNG THÔ	71
BÀI VỊ	71
LỄ VẬT	72
KHOA CÚNG THỔ CÔNG.....	72

SỞ CÚNG VỚT ĐẤT.....	77
TÁU ĐỘNG THỔ	79
CÁT NÓC	82
1. Sắm lễ cát nóc nhà	82
2.SỞ THƯỢNG LƯƠNG	82
KHÁNH TRẠCH	84
LỄ VẬT	84
BÀI CÚNG- KHÁNH TRẠCH.....	85
KHOA CÚNG THỔ CÔNG.....	91
SỞ CÚNG VỚT ĐẤT.....	96

I. Phần 1

ĐỊNH NGÀY LÀM NHÀ

I. HƯỚNG NHÀ: HIỂU ĐÚNG VÀ ĐỦ

Bốn tiêu chí tốt xấu về hướng: Phong thủy có câu “nhất vị, nhị hướng”, tức là vị trí, cách xếp đặt quan trọng hơn cả, nếu gặp hướng không tốt thì có thể xoay trở vị trí để khắc phục. Mặt khác... hướng nhà phải được hiểu một cách toàn diện và duy vật, chứ không phải chỉ một chuyện hướng hợp tuổi như nhiều người lầm tưởng.

Trong môi trường thiên nhiên, các hướng vốn không đổi. Sở dĩ có lẫn lộn về hướng tốt xấu là vì có nhiều quan điểm khác nhau và thiếu giải thích rõ ràng. Thực ra, bốn phương tám hướng mà chúng ta biết đều có các đặc tính riêng tùy theo cách xem xét. Có bốn tiêu chí sau để đánh giá tốt xấu về hướng khi làm nhà:

1. Tốt xấu theo hướng khí hậu: ví dụ như hướng nam và lân cận nam (đông nam và tây nam) là những hướng tốt đối với điều kiện khí hậu Việt Nam, bởi đón được gió mát và nguồn ánh sáng ổn định, không khí ẩm áp. Trong khi đó, các hướng tây, tây bắc thì gặp nắng gắt vào buổi chiều; hướng đông thì chói vào buổi sáng và chịu thêm gió lạnh từ hướng đông bắc. Hướng bắc nằm giữa hai hướng tây bắc (nắng chiều) và đông bắc (gió lạnh) nên cũng không tốt lắm. Bởi thế, “làm nhà hướng nam” là một trong những kinh nghiệm xây dựng dân gian để đón được gió mát, tránh được gió lạnh.

2. Tốt xấu theo hướng mệnh trạch: có thể tham khảo các sách về Dịch học và văn hoá truyền thống phương Đông để dễ dàng tìm ra cung mệnh của mỗi người tương ứng với các phương hướng cát hung. Dịch học phương Đông quy định có 8 mệnh cung tương ứng với 8 hướng trong tự nhiên theo 8 quẻ của bát quái, phân thành hai nhóm là nhóm đông tứ mệnh và tây tứ mệnh. Nguyên tắc chung là người theo nhóm đông tứ mệnh thì ở nhà đông tứ trạch, người theo nhóm tây tứ mệnh ở nhà tây tứ trạch. Khi đi sâu vào từng hướng cụ thể, sẽ có thêm các phân tích ngũ hành sinh khắc để xác định hướng hợp và không hợp.

Dùng hình khối lồi thụt, mái che, cây xanh, mở cửa hạn chế... là những biện pháp hiệu quả khắc phục hướng khí hậu xấu

3. Tốt xấu theo hướng phương vị: là hướng của một vùng, một vật (hay người) ta xét so với một điểm gốc nào đó. Ví dụ nói “trước mặt thoáng đặng, sau lưng có chỗ dựa, tả long hữu hổ” là ý nói đến hướng xung quanh của một chủ thể ta xét. Khi chủ thể di chuyển, thay đổi, quay về đâu thì trước sau phải trái thay đổi theo.

Cùng một dãy nhà (tức là nhìn ra cùng một hướng) và cùng buôn bán giống nhau, nhưng có nhà thuận lợi có nhà khó khăn là vì mỗi nhà bên trong và bên ngoài, trước sau phải trái có phương vị khác nhau.

4. Tốt xấu theo hướng giao tiếp: ngoài việc ứng phó với môi trường thiên nhiên, con người cũng phải ứng xử với môi trường xã hội. Vì thế, nhà cần quay mặt (hoặc cửa, lối vào một không gian nào đó) ra những vị trí thuận lợi cho việc giao tiếp. Cha ông ta dạy nhất cận thị - nhị cận giang - tam cận lộ là nói lên những lợi điểm khi mua đất cất nhà, từ xưa đến nay vẫn không khác nhau bao nhiêu khi xét giá trị một bất động sản.

Như vậy, khi xem xét một ngôi nhà có hợp hướng hay không, ta phải xem xét trên cơ sở phân tích và tổng hợp cả bốn loại hướng, chứ không đơn giản là “nghe thầy nói hợp hướng đông bắc” thì cố tìm bằng được nhà hướng đông bắc, xem nhẹ các yếu tố khí hậu, giao tiếp và phương vị. Cần phân tích trước tiên xem bốn loại hướng trên tốt xấu bao nhiêu phần, khả năng khắc phục nhiều hay ít, có ảnh hưởng gì đến môi trường, con người, kết cấu xây dựng hay không.

Một ngôi nhà xoay hướng cửa ra vào bên hông để tránh hướng xấu. Cửa gara vẫn giữ hướng cũ

5. Phân tích và tổng hợp để chọn hướng cho nhà: Phân tích theo hướng mệnh trạch, mỗi người đều có đến 4 hướng cát và 4 hướng hung nên dễ dàng linh hoạt điều chỉnh để hướng mệnh trạch phối hợp tốt với hướng giao tiếp và hướng khí hậu. Thậm chí gia chủ (thường là người cha, người chồng) gặp hướng không hợp tuổi, nhưng các thành viên khác trong gia đình lại hợp thì ngôi nhà vẫn tốt cho đa số, chỉ cần thay đổi vị trí, phương hướng tại không gian của riêng gia chủ.

Phân tích theo hướng phương vị, nếu hoàn cảnh chung quanh trước sau không thuận tiện thì có thể xoay hướng nhìn (chỉnh cửa, đổi vị trí chức năng

phòng, đảo bếp...) sao cho phương vị thuận tiện hơn mà vẫn tuân thủ các hướng kia. Cần lưu ý nguyên tắc đa cát thắng thiếu hung để chọn giải pháp nào đạt nhiều điều tốt hơn chứ không nhất thiết phải đạt tốt tối đa!

Hướng khí hậu vốn không thay đổi, nên khi chọn nhà hợp mệnh mà gặp hướng nắng gắt (tây) thì vẫn có thể dùng kết cấu, hình khối lồi thụt để bao che, ngăn bớt bức xạ, mở cửa đón gió ở các hướng tốt hơn.

Thậm chí nhà phố hướng tây chưa chắc đã nóng vì mặt tiếp xúc hướng tây chỉ khoảng 4 đến 6m có thể dùng lam, trồng cây che chắn. Trong khi đó, mặt bên hông dài được hướng nam nếu khéo mở giếng trời hoặc cửa sổ trên cao thì vẫn lấy gió rất mát.

Phân tích theo hướng giao tiếp, khi một nhà nhìn ra hướng tốt so với tuổi gia chủ nhưng vị trí trong hẻm quá nhỏ, hoặc nằm bên đường xa lộ cao tốc khó rẽ vào được thì hướng giao tiếp của nhà đó cũng xấu đi. Hoặc có nhà ở bên cạnh xưởng máy ồn ào thì dù dễ đi ra đi vào, nhưng giao tiếp vẫn không thoải mái.

Tổng hợp các yếu tố về bản thân con người và môi trường người đó cư ngụ, ta sẽ có được giải pháp chọn lựa hướng nhà sao cho phù hợp nhất. Bốn loại hướng nêu trên phải được quan tâm và xử lý cụ thể từ xa đến gần chứ không đơn giản chỉ là hướng hợp tuổi (mệnh trạch).

Rõ ràng vai trò của người làm quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị rất quan trọng trong việc bảo đảm môi trường sống thuận tiện, an lành cho khu dân cư.

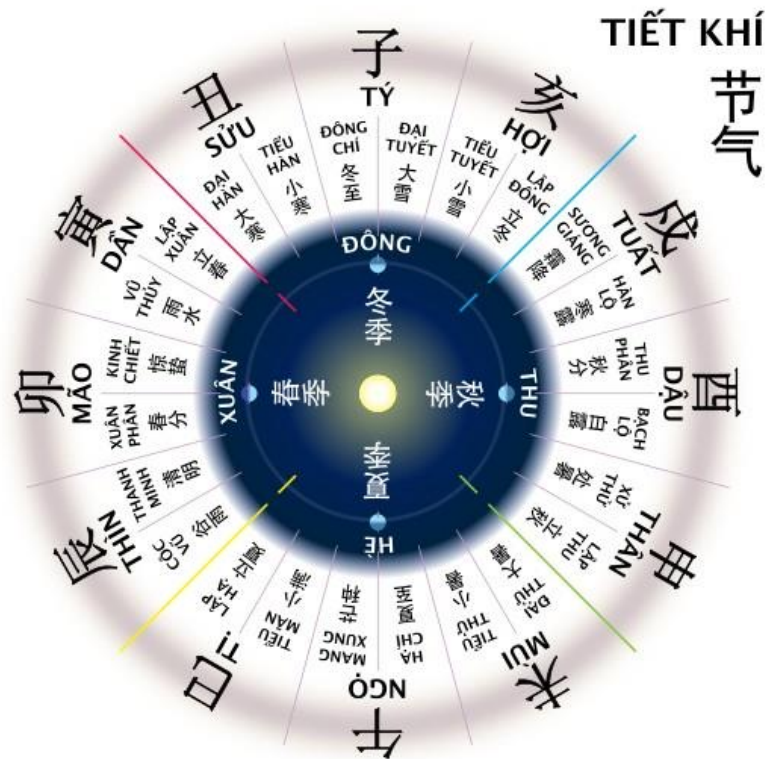
Khi đi vào từng ngôi nhà cụ thể, người kiến trúc sư sẽ quyết định cách xử lý về khí hậu, giao tiếp và phương vị (tức chiếm 3/4 loại hướng nêu trên) thông qua bố trí mặt bằng, phân khu chức năng, mở cửa, xử lý nội ngoại thất... mà chắc chắn không “thầy” địa lý nào có thể làm thay được.

Cứ cho là kiến trúc sư chưa rành về Dịch học hoặc không thích bấm tay xem tuổi giáp ất càn khôn thì anh ta vẫn có thể dùng bảng tính tuổi mà gia chủ cung cấp (đi xem thầy, coi sách...) như một cơ sở thông tin góp phần xử lý hoàn thiện phương án thiết kế.

SAU ĐÂY LÀ BẢNG TIẾT KHÍ VƯỢNG CHO TỪNG QUẾ HƯỚNG:

Hướng nhà	Thuộc Quẻ	Tiết khí xây nhà được vượng khí
Tây Bắc	Càn	Sương Giáng, Lập Đông, Tiểu Tuyết
Tây	Đoài	Bạch Lộ, Thu Phân, Hàn Lộ
Tây Nam	Khôn	Đại Thử, Lập Thu, Xử Thử
Nam	Ly	Mang Chủng, Hạ Chí, Tiểu Thử
Đông Nam	Tốn	Cốc Vũ, Lập Hạ, Tiểu Mãn
Đông	Chấn	Kinh Trập, Xuân Phân, Thanh Minh
Đông Bắc	Cấn	Đại Hàn, Lập Xuân, Vũ Thủy
Bắc	Khảm	Đại Tuyết, Đông Chí, Tiểu Hàn

Sau đó, trong mỗi tiết khí chọn ngày giờ tốt có Ngũ Hành hợp với bản mệnh và hướng nhà. Tóm lại, phải tùy từng trường hợp vận dụng cho linh hoạt.

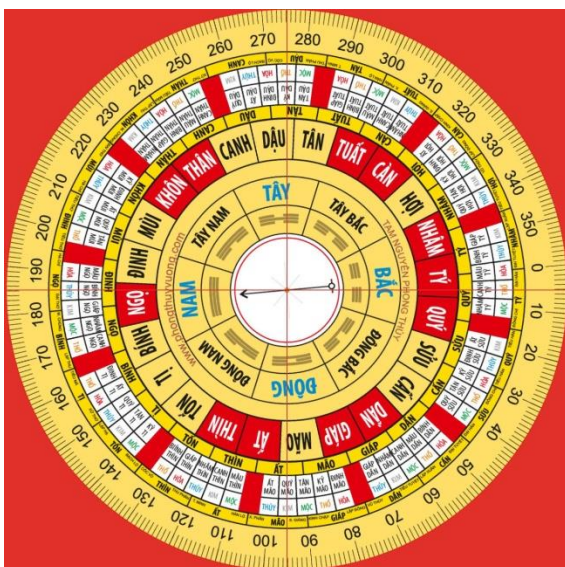


BẢNG TRA TRIẾT KHÍ TRONG NĂM (NGÀY DƯƠNG LỊCH)

315°	Lập xuân	từ ngày	4 - 5/2	đến ngày	18 - 19/2
330°	Vũ thủy	từ ngày	18 - 19/2	đến ngày	5 - 6/3
345°	Kinh trập	từ ngày	5 - 6/3	đến ngày	20 - 21/3
0°	Xuân phân	từ ngày	20 - 21/3	đến ngày	4 - 5/4
15°	Thanh minh	từ ngày	4 - 5/4	đến ngày	20 - 21/4
30°	Cốc vũ	từ ngày	20 - 21/4	đến ngày	5 - 6/5
45°	Lập hạ	từ ngày	5 - 6/5	đến ngày	21 - 22/5
60°	Tiểu mãn	từ ngày	21 - 22/5	đến ngày	5 - 6/6
75°	Mang chủng	từ ngày	5 - 6/6	đến ngày	21 - 22/6
90°	Hạ chí	từ ngày	21 - 22/6	đến ngày	7 - 8/7
105°	Tiểu thử	từ ngày	7 - 8/7	đến ngày	22 - 23/7
120°	Đại thử	từ ngày	22 - 23/7	đến ngày	7 - 8/8
135°	Lập thu	từ ngày	7 - 8/8	đến ngày	23 - 24/8
150°	Xử thử	từ ngày	23 - 24/8	đến ngày	7 - 8/9
165°	Bạch lộ	từ ngày	7 - 8/9	đến ngày	23 - 24/9
180°	Thu phân	từ ngày	23 - 24/9	đến ngày	8 - 9/10
195°	Hàn lộ	từ ngày	8 - 9/10	đến ngày	23 - 24/10
210°	Sương giáng	từ ngày	23 - 24/10	đến ngày	7 - 8/11
225°	Lập đông	từ ngày	7 - 8/11	đến ngày	22 - 23/11
240°	Tiểu tuyết	từ ngày	22 - 23/11	đến ngày	7 - 8/12
255°	Đại tuyết	từ ngày	7 - 8/12	đến ngày	21 - 22/12
270°	Đông chí	từ ngày	21 - 22/12	đến ngày	5 - 6/1
285°	Tiểu hàn	từ ngày	5 - 6/1	đến ngày	20 - 21/1
300°	Đại hàn	từ ngày	20 - 21/1	đến ngày	4 - 4 - 5/2

II. HƯỚNG SÁT CẦN TRÁNH

2.1. THÁI TUẾ SÁT



Năm tý: hướng bắc

Năm sửu, dần: hướng đông- bắc

Năm mão: hướng đông

Năm thìn, tỵ: hướng đông- nam

Năm ngọ: hướng nam

Năm mùi, thân: hướng tây-nam

Năm dậu: hướng tây

Năm tuất, hợi: hướng tây-bắc

2.2. TAM SÁT

Tam sát lưu niên

Năm Dần, Ngọ, Tuất sát tại Hợi, Tý, Sửu - hướng Bắc

Năm Nhâm, Thân, Tý sát tại Tỵ, Ngọ, Mùi - hướng Nam

Năm Tị, Dậu, Sửu sát tại Dần, Mão, Thìn - hướng Đông

Năm Hợi, Mão, Mùi sát tại Thân, Dậu, Tuất - hướng Tây

2.3. NGŨ HOÀNG ĐẠI SÁT

Đây là vị trí của Ngũ Hoàng trong chu kỳ 9 năm, sau đó nó bắt đầu trở lại.
Năm và Vị trí của Ngũ Hoàng trong nhà:

2003 Đông Nam

2004 Trung Tâm

2005 Tây Bắc

2006 Tây

2007 Đông Bắc

2008 Nam

2009 Bắc

2010 Tây Nam

2011 Đông

2012 Đông Nam

2013 Trung Tâm

2014 Tây Bắc

2015 Tây

2016 Đông Bắc

2017 Nam

2018 Bắc

2019 Tây Nam

2020 Đông

2021 Đông Nam

2022 Trung Tâm

2023 Tây Bắc

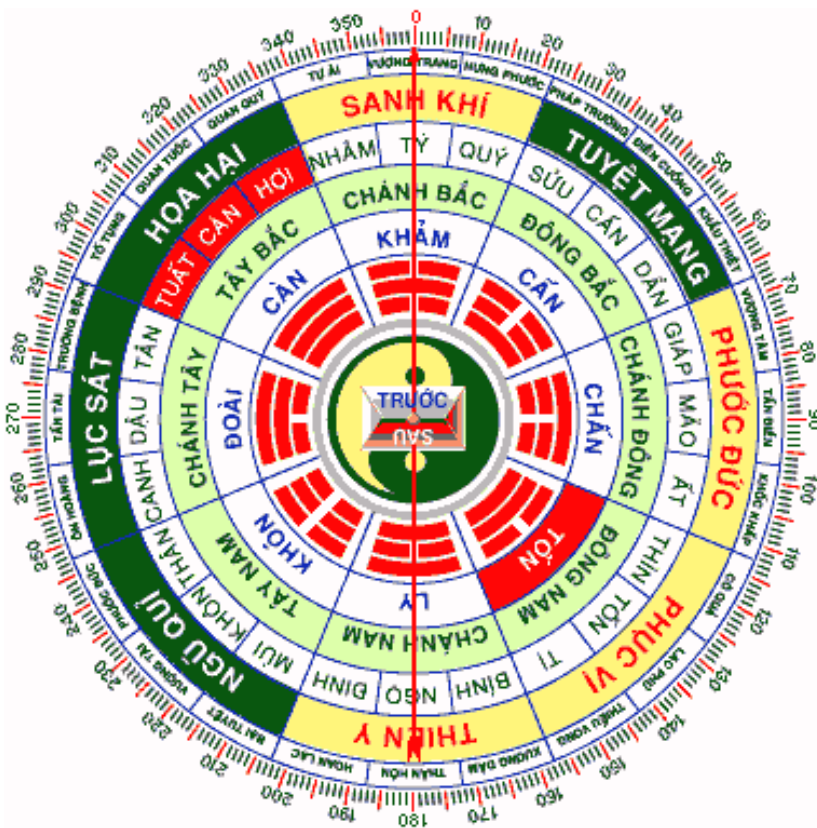
2024 Tây

2025 Đông Bắc

2026 Nam

2027 Bắc

III. Ý NGHĨA TÁM HƯỚNG VÀ 24 CUNG CÁT, HUNG



Sinh Khí: thuộc Tham lang tinh, Dương Mộc, Thượng kiết. Phàm cung mạng hiệp được phương Sinh Khí này lợi cho việc làm quan, làm ăn mau giàu, nhân khẩu tăng thêm, khách khứa tới đông, đến năm, tháng Hợi, Mão, Mùi thì được đại phát tài.

Thiên Y: thuộc Cự môn tinh, Dương Thổ, Thượng kiết. Nếu vợ chồng hiệp mạng được cung Thiên y và tạo tác nhà cửa, đường ra vào được Phương này thì giàu có ngàn vàng, không tật bệnh, nhơn khẩu, ruộng vườn, súc vật được đại vượng, khoảng một năm có cửa. Đến năm, tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì phát tài.

Diên Niên (Phúc Đức): thuộc Võ khúc tinh, Dương Kim, Thứ kiết. Vợ chồng hiệp mạng được cung này, đường ra vào, phòng, nhà miệng lò bếp xoay về phương Diên niên chủ về việc: trung phú, sống lâu, cửa cải, vợ chồng vui vẻ, nhơn khẩu, lục súc được đại vượng. Ứng vào năm, tháng Tý, Dậu, Sửu.

Phục Vị (Qui Hôn): thuộc Bồ chúc tinh, Âm Thủy, Thứ kiết. Phàm vợ chồng hiệp được cung Phục vị được Tiểu phú, Trung thọ, sanh con gái nhiều, con trai ít. Cửa lò bếp, trạch chủ nhà được phương Phục vị gặp năm có Thiên Ất Quý Nhơn đến Phục vị ất sanh con quý, dễ nuôi (Muốn cầu con nên đặt lò bếp day miệng về hướng này).

Tuyệt mạng: thuộc Phá quân tinh, Âm Kim, Đại hung. Bốn mạng phạm cung Tuyệt mạng có thể bị tuyệt tự, tổn hại con cái, không sống lâu, bệnh tật, thối tài, ruộng vườn súc vật bị hao mòn, bị người mưu hại (người hà bị mưu hại: thương hơn khẩu). Ứng vào năm, tháng Tỵ, Dậu, Sửu.

Ngũ Quỷ (Giao chiến): Liêm trinh tinh, Âm Hỏa, Đại hung. Bị hỏa hoạn, bệnh tật, khẩu thiệt, hao mòn ruộng vườn, gia súc, thối tài, tổn hơn khẩu. Lâm nạn vào năm, tháng: Dần, Ngọ, Tuất.

Lục Sát (Du Hồn): thuộc Văn khúc tinh, Dương Thủy, Thứ hung. Nếu phương hướng nhà cửa phạm nhằm thì bị: mất cửa, cãi vã, hao mòn gia súc vườn ruộng, thương tổn người nhà. Ứng vào năm, tháng: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Họa Hại (Tuyệt Thế): thuộc Lộc tồn tinh, Âm Thổ, Thứ hung. Phương hướng nhà cửa, cưới gả vân vân ... phạm vào thì bị quan phi, khẩu thiệt, bệnh tật, của cải suy sụp, thương hơn khẩu. Ứng hại vào năm, tháng: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

3.1. Ý NGHĨA 24 CUNG CÁT HUNG

1. Vượng tâm	Gia đạo an lạc
2. Tấn điền	Phước lớn không dứt, tài vật, ruộng vườn nhà cửa súc tích.
3. Khốc khấp	Người trong nhà chết non, phá hại tiền tài súc vật.
4. Cô quả	Trong nhà có quả phụ, người đi xa xứ
5. Vinh phú	Gia đình không có tai họa, phú quý vinh hiển
6. Thiếu vong	Con trai chết non, con gái tự vận hoặc là con cái chơi bời, phá gia
7. Xương dâm	Dâm dục, đắm say tửu sắc, vợ chuyên quyền
8. Thân hôn	Gia đạo hiền lương, tiền bạc, châu báu lâu dài
9. Hoan lạc	Tấn tài, lợi cho người nữ, điền sản, súc vật hưng vượng, phát phúc

10. Tuyệt bại	Cha con mỗi người một xứ, phá hại gia tài, tai nạn với nước, lửa
11. Vượng tài	Phú quý, phát đạt
12. Phước đức	Sinh con quý tử, thăng quan tiến chức, sản nghiệp tấn tới
13. Ôn hoàng	Bệnh dịch, nữ sinh nở khó toàn
14. Tấn tài	Của cải gia tăng, làm gì cũng thành công
15. Trường bệnh	Bệnh tật liên miên, tù tội lao khổ
16. Tổ tụng	Rước lấy tai ương, bị người phá hại gia đạo tranh giành, lòng không yên ổn
17. Quan tước	Quyền cao chức trọng, nhà cửa vượng phát
18. Quan quý	Gia chủ vang danh, tài vật nhiều, sinh con quý tử
19. Tự ái	Tai họa chiến tranh, kiện tụng, con trai thì bỏ xứ, con gái tai nạn lúc sinh nở
20. Vượng trang	Tiền bạc của quý đến nhà, nhân khẩu, điền sản gia tăng
21. Hưng phước	Sống thọ, ít tai nạn, may mắn
22. Pháp trường	Đại họa, chịu nhiều bi thương, lưu đày biệt xứ
23. Điên cuồng	Sinh ly tử biệt, dâm loạn điên cuồng, chơi bời trác tác, gia đạo chia lìa
24. Khẩu thiệt	Vợ chồng tranh nhau, anh em đấm đá, con cái bất hiếu

3.2.LIỆT KÊ 16 ĐIỀU CẤM KỶ XẤU NHẤT KHI LẬP PHƯƠNG VỊ CỔNG CHÍNH, CỬA CHÍNH CHO CĂN NHÀ

1. **Khảm Trạch** mở vào cung Càn hoặc Càn Trạch mở vào cung Khảm phạm vào Lục Sát : Chủ nam nữ dâm loạn, thanh gia không tốt, chủ đạo tặc, tai nạn thai sản.

2. **Chấn Trạch** mở vào cung Càn hoặc Càn Trạch mở vào cung Chấn phạm Ngũ Quỷ, sao Ngũ Quỷ thuộc Hoả sinh cung Chấn - Mộc nên càng xấu

hơn. Càn Kim khắc Chấn Mộc chủ thương tử, hại cho cha già, chủ hoả tai, đạo tặc, quan quỉ lao ngục, cha con bất hoà.

3. **Càn Trạch** mở vào Tốn cung, hoặc Tốn Trạch mở vào Càn cung phạm Hoạ Hại. Càn Kim khắc Tốn Mộc hại cho trưởng nữ, chủ tai nạn thai sản, nam sinh bệnh tật, huynh đệ bất hoà. Sao Hoạ Hại - Lộc Tồn thuộc Thổ sinh cho Kim Cung nên có tiền nhưng dễ mắc bệnh tật, tai hoạ.

4. **Càn Trạch** mở vào Ly cung hoặc Ly Trạch mở vào Càn cung phạm Tuyệt Mệnh. Ly - Hoả khắc Càn - Kim, sao cung lại tương khắc chủ hại cho cha già, thiếu phụ gặp tai ương, hoả hoạn đạo tặc, phá gia tuyệt tự.

5. **Khảm Trạch** mở vào Cấn cung hoặc Cấn Trạch mở vào Khảm cung phạm Ngũ Quỷ. Thủy Thổ tương khắc, chủ tai hoạ, tà ma xâm hại, tự tử, hoả tai, quan trường bất lợi, nam tử bất hiếu, hại cho trung nam dễ tự tử, yếu vong, xuất hiện quả phụ.

6. **Khảm Trạch** mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Khảm cung phạm Tuyệt Mệnh. Mậu khắc tử, chủ trung nam bất hoà, phụ nữ sinh khó, sảy thai, bại tài, quan phi khẩu thiệt, mắc bệnh tì vị, Âm vượng Dương suy tôi tớ sẽ nắm quyền trong nhà.

7. **Khảm Trạch** mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Khảm cung là phạm vào Hoạ Hại : sao khắc cung chủ trung nam bất lợi, quan phi khẩu thiệt, nữ dễ mắc sản nạn. Ngoại cung Đoài Kim sinh nội cung Khảm thuộc Thủy nên tử tôn tuy giàu có nhưng dễ mắc bệnh hoặc tàn tật cuối đời.

8. **Cấn Trạch** mở vào Chấn cung hoặc Chấn Trạch mở vào Cấn cung là phạm Lục Sát. Cấn - Thổ khắc Lục Sát - Thủy, nữ bị sản nạn, thiếu nam thiếu vong, nhân khẩu ít, bệnh tật ôn dịch hoành hành.

9. **Cấn Trạch** mở vào Tốn cung hoặc Tốn Trạch mở vào Cấn cung là phạm vào Tuyệt Mệnh. Mộc Thổ tương khắc, cung mở cổng cửa khắc cung toạ nên sẽ bất lợi cho thiếu nam, phụ nữ đoạ thai bệnh tật, phá tài, chủ nhân sinh chơi bời, phá bại.

10. **Cấn Trạch** mở vào Ly cung hoặc Ly Trạch mở vào Cấn cung là phạm vào Hoạ Hại. Sao và cung tuy tương sinh, nội cung sinh ngoại cung chủ cha con bất hoà, dâm loạn.

11. **Chấn Trạch** mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Chấn cung nên phạm vào Hoạ Hại chủ dâm loạn, cung tương khắc cung, tổn tiền bạc, nhân đinh suy thoái.

12. **Chấn Trạch** mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Chấn cung là phạm Tuyệt Mệnh, còn gọi là hai phương Long Hổ, Kim Mộc giao chiến, hại cho trưởng nam, trưởng nữ, quan phi đạo tặc xảy ra do sao và cung tương khắc.

13. **Tốn Trạch** mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Tốn cung phạm vào Ngũ Quỷ. Cung khắc cung cha mẹ nhiều tai họa, sản nạn, hoả tai, nữ nhân nắm quyền do Âm thịnh Dương suy.

14. **Tốn Trạch** mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Tốn cung là phạm vào Lục Sát. Cung khắc cung hại cho trưởng nam, con cháu điên loạn, phá bại, dâm loạn.

15. **Ly Trạch** mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Ly cung phạm Lục Sát. Cung khắc sao, Thủy Hoả Thổ tương khắc hỗn chiến nên tán tài, hại gia súc, đoạ thai, gia đình nội loạn.

16. **Ly Trạch** mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Ly cung phạm Ngũ Quỷ. Sao cung tương khắc, hại cho nữ nhân, cha mẹ ly biệt, tán tài, bệnh tật.

IV. THỜI ĐIỂM XÂY TÍNH THEO NĂM, THÁNG, NGÀY, GIỜ

Việc chọn thời điểm xây nhà là vô cùng quan trọng. Khi đã chọn được vị trí tốt để xây nhà, thiết kế hướng và các yếu tố trong ngôi nhà phù hợp, thì công việc còn lại là xác định thời điểm xây nhà, tức là xác định yếu tố "thiên thời". Nếu việc lựa chọn thời điểm xây dựng, tức ngày, giờ, tháng năm tốt sẽ khiến cho phong thủy nhà ở đã tốt càng tốt hơn gấp bội, gia chủ sẽ nhanh chóng thịnh vượng, tài vận hanh thông. Ngược lại, việc chọn ngày, giờ, tháng năm xây nhà không tốt, nhất là vi phạm các cấm kỵ phong thủy thì làm giảm sự tốt đẹp của phong thủy ngôi nhà, gây suy bại và nhiều điều xấu cho gia đình.

Để lựa chọn thời điểm chúng ta vẫn xác định theo bát quái và sự suy vượng của ngũ hành. Cụ thể là xác định dựa vào quẻ hướng nhà. Ví dụ : nhà hướng Nam tức quẻ hướng là quẻ Ly, quẻ Ly thuộc Hoả, Hoả vượng vào mùa Hạ, tức là các tiết khí Mang Chủng, Hạ Chí, Tiểu Thử. Sở dĩ cần xác định thời điểm xây dựng theo tiết khí vì sự phân định mùa được xác định theo tiết khí.

2.1. NĂM LÀM NHÀ

Năm làm nhà tính theo tuổi chủ nhà, tuổi chủ nhà theo mệnh

NHỮNG NĂM SÁT KHÔNG NÊN LÀM NHÀ

Dần, Ngọ, Tuất sinh người sát tại Sửu niên, Sửu nguyệt, Sửu thời

Ty, Dậu, Sửu sinh người sát tại Thìn niên, Thìn nguyệt, Thìn thời
 Hợi, Mão, Mùi sinh người sát tại Tuất niên, Tuất nguyệt, Tuất thời
 Thân, Tý, Thìn sinh người sát tại Mùi niên, Mùi nguyệt, Mùi thời
 Niên sát bất nghi tạo trạch
 Cường mà làm nhà không vượng

TÍNH MỆNH CHO TUỔI TỪNG NGƯỜI THEO NĂM SINH

Năm	Năm âm lịch	Giải nghĩa	Ngũ hành	Giải nghĩa	Cung mệnh nam	Cung mệnh nữ
1924	Giáp Tý	Ốc Thượng Chi Thử_Chuột ở nóc nhà	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1925	Ất Sửu	Hải Nội Chi Ngưu_Trâu trong biển	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1926	Bính Dần	Sơn Lâm Chi Hổ_Hổ trong rừng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1927	Đinh Mão	Vọng Nguyệt Chi Thỏ_Thỏ ngắm trăng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1928	Mậu Thìn	Thanh Ôn Chi Long_Rồng trong sạch, ôn hoà	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Ly Hoả	Càn Kim
1929	Kỷ Tỵ	Phúc Khí Chi Xà_Rắn có phúc	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Cấn Thổ	Đoài Kim
1930	Canh Ngọ	Thất Lý Chi Mã_Ngựa trong nhà	Lộ Bàng Thổ	Đất bên đường	Đoài Kim	Cấn Thổ
1931	Tân Mùi	Đắc Lộc Chi Dương_Dê có lộc	Lộ Bàng Thổ	Đất bên đường	Càn Kim	Ly Hoả
1932	Nhâm Thân	Thanh Tú Chi Hươu_Khỉ thanh tú	Kiểm Phong Kim	Vàng chuỗi kiếm	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1933	Quý Dậu	Lâu Túc Kê_Gà nhà gác	Kiểm Phong Kim	Vàng chuỗi kiếm	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1934	Giáp Tuất	Thủ Thân Chi Cẩu_Chó giữ mình	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1935	Ất Hợi	Quá Vãng Chi Trư_Lợn hay đi	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Khôn Thổ	Tốn Mộc

1936	Bính Tý	Điền Nội Chi Thử_Chuồn trong ruộng	Giản Hạ Thủy	Nước khe suối	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1937	Đinh Sửu	Hồ Nội Chi Ngưu_Trâu trong hồ nước	Giản Hạ Thủy	Nước khe suối	Ly Hoả	Càn Kim
1938	Mậu Dần	Quá Sơn Chi Hồ_Hồ qua rừng	Thành Đầu Thổ	Đất đắp thành	Cấn Thổ	Đoài Kim
1939	Kỷ Mão	Sơn Lâm Chi Thổ_Thỏ ở rừng	Thành Đầu Thổ	Đất đắp thành	Đoài Kim	Cấn Thổ
1940	Canh Thìn	Thứ Tính Chi Long_Rồng khoan dung	Bạch Lạp Kim	Vàng sáp ong	Càn Kim	Ly Hoả
1941	Tân Tỵ	Đông Tàng Chi Xà_Rắn ngủ đông	Bạch Lạp Kim	Vàng sáp ong	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1942	Nhâm Ngọ	Quân Trung Chi Mã_Ngựa chiến	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1943	Quý Mùi	Quần Nội Chi Dương_Dê trong đàn	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1944	Giáp Thân	Quá Thụ Chi Hầu_Khỉ leo cây	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1945	Ất Dậu	Xương Ngọ Chi Kê_Gà gáy trưa	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1946	Bính Tuất	Tự Miên Chi Cẩu_Chó đang ngủ	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Ly Hoả	Càn Kim
1947	Đinh Hợi	Quá Sơn Chi Trư_Lợn qua núi	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Cấn Thổ	Đoài Kim
1948	Mậu Tý	Thương Nội Chi Trư_Chuồn trong kho	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Đoài Kim	Cấn Thổ
1949	Kỷ Sửu	Lâm Nội Chi Ngưu_Trâu trong chuồng	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Càn Kim	Ly Hoả
1950	Canh Dần	Xuất Sơn Chi Hồ_Hồ xuống núi	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1951	Tân Mão	Ấn Huyệt Chi Thổ_Thỏ trong hang	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1952	Nhâm Thìn	Hành Vũ Chi Long_Rồng phun mưa	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1953	Quý Tỵ	Thảo Trung Chi Xà_Rắn trong cỏ	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1954	Giáp Ngọ	Vân Trung Chi Mã_Ngựa trong mây	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1955	Ất Mùi	Kính Trọng Chi Dương_Dê được quý mến	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Ly Hoả	Càn Kim

1956	Bính Thân	Sơn Thượng Chi Hầu_Khỉ trên núi	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Cấn Thổ	Đoài Kim
1957	Đinh Dậu	Độc Lập Chi Kê_Gà độc thân	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Đoài Kim	Cấn Thổ
1958	Mậu Tuất	Tiến Sơn Chi Cấu_Chó vào núi	Bình Địa Mộc	Gỗ đồng bằng	Càn Kim	Ly Hoả
1959	Kỷ Hợi	Đạo Viện Chi Trư_Lợn trong tu viện	Bình Địa Mộc	Gỗ đồng bằng	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1960	Canh Tý	Lương Thượng Chi Thử_Chuồn trên xà	Bích Thượng Thổ	Đất tò vò	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1961	Tân Sửu	Lộ Đồ Chi Ngưu_Trâu trên đường	Bích Thượng Thổ	Đất tò vò	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1962	Nhâm Dần	Quá Lâm Chi Hổ_Hổ qua rừng	Kim Bạch Kim	Vàng pha bạc	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1963	Quý Mão	Quá Lâm Chi Thổ_Thỏ qua rừng	Kim Bạch Kim	Vàng pha bạc	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1964	Giáp Thìn	Phục Đầm Chi Lâm_Rồng ẩn ở đầm	Phú Đăng Hỏa	Lửa đèn to	Ly Hoả	Càn Kim
1965	Ất Ty	Xuất Huyết Chi Xà_Rắn rời hang	Phú Đăng Hỏa	Lửa đèn to	Cấn Thổ	Đoài Kim
1966	Bính Ngọ	Hành Lộ Chi Mã_Ngựa chạy trên đường	Thiên Hà Thủy	Nước trên trời	Đoài Kim	Cấn Thổ
1967	Đinh Mùi	Thất Quần Chi Dương_Dê lạc đàn	Thiên Hà Thủy	Nước trên trời	Càn Kim	Ly Hoả
1968	Mậu Thân	Độc Lập Chi Hầu_Khỉ độc thân	Đại Trạch Thổ	Đất nền nhà	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1969	Kỷ Dậu	Báo Hiệu Chi Kê_Gà gáy	Đại Trạch Thổ	Đất nền nhà	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1970	Canh Tuất	Tự Quan Chi Cấu_Chó nhà chùa	Thoa Xuyên Kim	Vàng trang sức	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1971	Tân Hợi	Khuyên Dưỡng Chi Trư_Lợn nuôi nhốt	Thoa Xuyên Kim	Vàng trang sức	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1972	Nhâm Tý	Sơn Thượng Chi Thử_Chuồn trên núi	Tang Đố Mộc	Gỗ cây dâu	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1973	Quý Sửu	Lan Ngoại Chi Ngưu_Trâu ngoài chuồng	Tang Đố Mộc	Gỗ cây dâu	Ly Hoả	Càn Kim
1974	Giáp Dần	Lập Định Chi Hổ_Hổ tự lập	Đại Khe Thủy	Nước khe lớn	Cấn Thổ	Đoài Kim
1975	Ất Mão	Đắc Đạo Chi Thổ_Thỏ đắc đạo	Đại Khe Thủy	Nước khe lớn	Đoài Kim	Cấn Thổ

1976	Bính Thìn	Thiên Thượng Chi Long_Rồng trên trời	Sa Trung Thổ	Đất pha cát	Càn Kim	Ly Hoả
1977	Đinh Tỵ	Đầm Nội Chi Xà_Rắn trong đầm	Sa Trung Thổ	Đất pha cát	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ
1978	Mậu Ngọ	Cứu Nội Chi Mã_Ngựa trong chuồng	Thiên Thượng Hỏa	Lửa trên trời	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1979	Kỷ Mùi	Thảo Dã Chi Dương_Dê đồng cỏ	Thiên Thượng Hỏa	Lửa trên trời	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1980	Canh Thân	Thực Quả Chi Hầu_Khỉ ăn hoa quả	Thạch Lựu Mộc	Gỗ cây lựu đá	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1981	Tân Dậu	Long Tàng Chi Kê_Gà trong lồng	Thạch Lựu Mộc	Gỗ cây lựu đá	Khảm Thuỷ	Khôn Thổ
1982	Nhâm Tuất	Cổ Gia Chi Khuyển_Chó về nhà	Đại Hải Thủy	Nước biển lớn	Ly Hoả	Càn Kim
1983	Quý Hợi	Lâm Hạ Chi Trư_Lợn trong rừng	Đại Hải Thủy	Nước biển lớn	Cấn Thổ	Đoài Kim
1984	Giáp Tý	Ốc Thượng Chi Thử_Chuột ở nóc nhà	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Đoài Kim	Cấn Thổ
1985	Ất Sửu	Hải Nội Chi Ngưu_Trâu trong biển	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Càn Kim	Ly Hoả
1986	Bính Dần	Sơn Lâm Chi Hổ_Hổ trong rừng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ
1987	Đinh Mão	Vọng Nguyệt Chi Thổ_Thỏ ngắm trăng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1988	Mậu Thìn	Thanh Ôn Chi Long_Rồng trong sạch, ôn hoà	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1989	Kỷ Tỵ	Phúc Khí Chi Xà_Rắn có phúc	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1990	Canh Ngọ	Thất Lý Chi Mã_Ngựa trong nhà	Lộ Bàng Thổ	Đất đường đi	Khảm Thuỷ	Cấn Thổ
1991	Tân Mùi	Đắc Lộc Chi Dương_Dê có lộc	Lộ Bàng Thổ	Đất đường đi	Ly Hoả	Càn Kim
1992	Nhâm Thân	Thanh Tú Chi Hầu_Khỉ thanh tú	Kiểm Phong Kim	Vàng mũi kiếm	Cấn Thổ	Đoài Kim
1993	Quý Dậu	Lâu Túc Kê_Gà nhà gác	Kiểm Phong Kim	Vàng mũi kiếm	Đoài Kim	Cấn Thổ
1994	Giáp Tuất	Thủ Thân Chi Cẩu_Chó giữ mình	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Càn Kim	Ly Hoả
1995	Ất Hợi	Quá Vãng Chi Trư_Lợn hay đi	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Khôn Thổ	Khảm Thuỷ

1996	Bính Tý	Điền Nội Chi Thử_Chuồn trong ruộng	Giảm Hạ Thủy	Nước cuối nguồn	Tổn Mộc	Khôn Thổ
1997	Đinh Sửu	Hồ Nội Chi Ngưu_Trâu trong hồ nước	Giảm Hạ Thủy	Nước cuối nguồn	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1998	Mậu Dần	Quá Sơn Chi Hổ_Hổ qua rừng	Thành Đầu Thổ	Đất trên thành	Khôn Thổ	Tổn Mộc
1999	Kỷ Mão	Sơn Lâm Chi Thổ_Thỏ ở rừng	Thành Đầu Thổ	Đất trên thành	Khảm Thủy	Cấn Thổ
2000	Canh Thìn	Thử Tỉnh Chi Long_Rồng khoan dung	Bạch Lạp Kim	Vàng chân đèn	Ly Hoả	Càn Kim
2001	Tân Tỵ	Đông Tàng Chi Xà_Rắn ngủ đông	Bạch Lạp Kim	Vàng chân đèn	Cấn Thổ	Đoài Kim
2002	Nhâm Ngọ	Quân Trung Chi Mã_Ngựa chiến	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Đoài Kim	Cấn Thổ
2003	Quý Mùi	Quần Nội Chi Dương_Dê trong đàn	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Càn Kim	Ly Hoả
2004	Giáp Thân	Quá Thụ Chi Hươu_Khỉ leo cây	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Khôn Thổ	Khảm Thủy
2005	Ất Dậu	Xương Ngọ Chi Kê_Gà gáy trưa	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Tổn Mộc	Khôn Thổ
2006	Bính Tuất	Tự Miên Chi Cẩu_Chó đang ngủ	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Chấn Mộc	Chấn Mộc
2007	Đinh Hợi	Quá Sơn Chi Trư_Lợn qua núi	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Khôn Thổ	Tổn Mộc
2008	Mậu Tý	Thương Nội Chi Thư_Chuồn trong kho	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Khảm Thủy	Cấn Thổ
2009	Kỷ Sửu	Lâm Nội Chi Ngưu_Trâu trong chuồng	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Ly Hoả	Càn Kim
2010	Canh Dần	Xuất Sơn Chi Hổ_Hổ xuống núi	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Cấn Thổ	Đoài Kim
2011	Tân Mão	Ấn Huyệt Chi Thổ_Thỏ	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Đoài Kim	Cấn Thổ
2012	Nhâm Thìn	Hành Vũ Chi Long_Rồng phun mưa	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Càn Kim	Ly Hoả
2013	Quý Tỵ	Thảo Trung Chi Xà_Rắn trong cỏ	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Khôn Thổ	Khảm Thủy
2014	Giáp Ngọ	Vân Trung Chi Mã_Ngựa trong mây	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Tổn Mộc	Khôn Thổ

2015	Ất Mùi	Kính Trọng Chi Dương_Dê được quý mến	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Chấn Mộc	Chấn Mộc
2016	Bính Thân	Sơn Thượng Chi Hầu_Khỉ trên núi	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Khôn Thổ	Tốn Mộc
2017	Đinh Dậu	Độc Lập Chi Kê_Gà độc thân	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Khảm Thủy	Cấn Thổ
2018	Mậu Tuất	Tiến Sơn Chi Cấu_Chó vào núi	Bình Địa Mộc	Gỗ đồng bằng	Ly Hoả	Càn Kim

TÍNH XUNG KHẮC

Cách tính xung khắc

Kết hợp Lục thập hoa giáp với Âm Dương ngũ hành để tính tuổi xung khắc với ngày, tháng, năm can chi định chọn:

Tương xung:

Có Lục xung hàng chi:

- Tý xung Ngọ
- Sửu xung Mùi
- Dần xung Thân
- Mão xung Dậu
- Thìn xung Tuất
- Tị xung Hợi

Và tứ xung hàng can:

- Giáp xung Canh,
- Ất xung Tân,
- Bính xung Nhâm,
- Đinh xung Quý,

(Mậu Kỷ không xung).

Nhưng khi kết hợp lục thập hoa giáp theo hệ số 60, có 5 lần hàng chi (12) gặp 6 hàng can (10), quy vào ngũ hành tính tương sinh tương khắc thì có 1 lần tương hoà, 2 lần tương sinh, chỉ còn lại 2 lần xung khắc (hàng chi).

Thí dụ: Tính xem ngày (hoặc tháng, hoặc năm) giáp tý xung khắc với tuổi nào?

Tính hàng chi: tý xung ngộ, vậy giáp tý (xung với giáp ngộ, canh ngộ, bính ngộ, nhâm ngộ, và mậu ngộ)

Xem bảng "Kết hợp Lục thập hoa giáp với Ngũ hành" ta thấy:

Giáp tý thuộc kim:

Giáp ngộ thuộc kim vì thế tương hoà.

Canh ngộ thuộc thổ, bính ngộ thuộc thuỷ vì thế đều tương sinh chỉ có nhâm ngộ thuộc mộc, mậu ngộ thuộc hoả là tương khắc.

Tính hàng can: Giáp xung canh.

Giáp tý thuộc kim:

Canh tuất, canh thìn đều thuộc kim vì thế tương hoà

Canh tý, canh ngộ đều thuộc thổ đều tương sinh

Chỉ có canh Dần và canh thân thuộc mộc là tương khắc.

Vậy ngày (hoặc tháng năm), giáp tý chỉ có 4 tuổi xung khắc là nhâm ngộ, mậu ngộ, canh dần, canh thân:

Tương hình: Theo hàng chi có :

- tý và mao (một dương, một âm điều hoà nhau).

- Tý và dần thân (tị âm điều hoà được với dần thân dương, chỉ còn dần và thân tương hình nhau, nhưng đã tính ở lục xung).

Theo luật điều hoà âm dương, chỉ khắc nhau trong trường hợp cả hai đều âm hoặc cả hai đều dương. Vì vậy chỉ còn lại 2 trường hợp tự hình nhau:

Thìn với thìn, ngộ với ngộ.

Tương hại: cũng là xấu. có 6 cặp tương hại nhau:

Tý và mùi, sửu và ngộ, dần và tị, mao và thìn, thân và hợi, dậu và tuất.

Nhưng khi kết hợp với can chi, theo luật âm dương, tự triệt tiêu.

-**Tóm lại:** Tính cả xung, khắc, hình, hại, trong số 60 can chi, chỉ có 2-4 ngày không hợp mệnh thôi, hơn nữa còn tùy theo mức độ xung khắc mạnh hay yếu (tùy theo bản mệnh).

Bảng đối chiếu Lục thập hoa giáp ngũ hành và cách tính tuổi xung khắc
Số Ngày tháng năm Ngũ hành Tuổi xung khắc

- 1 Giáp tý Vàng trong biển (Kim) *mậu ngọ, nhâm ngọ, canh dần, canh thân*
- 2 Ất Sửu Kỷ mùi, *quí mùi, tân mao, tân dậu*
- 3 Bính dần Lửa trong lò (Hoả) *Giáp thân, nhâm thân, nhâm tuất, nhâm thìn*
- 4 Đinh mao ất dậu, *quí dậu, quí tị, quí hợi*
- 5 Mậu thìn Gỗ trong rừng (Mộc) *Canh tuất, bính tuất*
- 6 Kỷ tị *Tân hợi, đinh hợi*
- 7 Canh ngọ Đất ven đường (Thổ) *Nhâm tý, bính tý, giáp thân, giáp dần*
- 8 Tân mùi *Quý Sửu, đinh Sửu, ất dậu, ất mao*
- 9 Nhâm thân Sắt đầu kiếm (Kim) *Bính dần, canh dần, bính thân*
- 10 Quý dậu *Đinh mao, tân mao, đinh dậu*
- 11 Giáp tuất Lửa trên đỉnh núi (hoả) *Nhâm thìn, canh thìn, canh tuất*
- 12 Ất hợi *Quý tị, tân tị, tân hợi*
- 13 Bính tý Nước dưới lạch (Thủy) *Canh ngọ, mậu ngọ*
- 14 Đinh Sửu *Tân mùi, kỷ mùi*
- 15 Mậu dần Đất đầu thành (Thổ) *Canh thân, giáp thân*
- 16 Kỷ mao *Tân dậu, ất dậu*
- 17 Canh thìn Kim bạch lập (Kim) *Giáp tuất, mậu tuất, giáp thìn*
- 18 Tân tị *ất hợi, kỷ hợi, ất tị*
- 19 Nhâm ngọ Gỗ dương liễu (Mộc) *Giáp tý, canh tý, bính tuất, bính thìn*
- 20 Quý mùi *ất Sửu, tân Sửu, đinh hợi, đinh tị*
- 21 Giáp thân Nước trong khe (Thủy) *Mậu dần, bính dần, canh ngọ, canh tý*
- 22 Ất dậu *Kỷ mao, đinh mao, tân mùi, tân Sửu*
- 23 Bính tuất Đất trên mái nhà (Thổ) *Mậu thìn, nhâm thìn, nhâm ngọ, nhâm tý*
- 24 Đinh hợi *Kỷ tị, quí tị, quí mùi, quí Sửu*
- 25 Mậu tý Lửa trong chóp (Hoả) *Bính ngọ, giáp ngọ*
- 26 Kỷ Sửu *Đinh mùi, ất mui*
- 27 Canh dần Gỗ tùng Bách (Mộc) *Nhâm thân, mậu thân, giáp tý, giáp ngọ*
- 28 Tân mao *Quý dậu, kỷ dậu, ất Sửu, ất mùi*

- 29 Nhâm thìn Nước giữa dòng (Thủy) *Bính tuất, giáp tuất, bính dần*
30 Quý tị *Đinh Hợi, ất Hợi, đinh Mão*
31 Giáp Ngọ Vàng trong cát (Kim) *Mậu Tý, nhâm Tý, canh dần, nhâm dần*
32 Ất mùi *Kỷ Sửu, quý Sửu, tân Mão, tân Dậu*
33 Bính thân Lửa chân núi (Hỏa) *Giáp dần, nhâm thân, nhâm tuất, nhâm thìn*
34 Đinh Dậu *Ất Mão, quý Mão, quý tị, quý Hợi*
35 Mậu tuất Gỗ đồng bằng (Mộc) *Canh thìn, bính thìn*
36 Kỷ Hợi *Tân tị, đinh tị.*
37 Canh tý Đất trên vách (Thổ) *Nhâm Ngọ, bính Ngọ, giáp thân, giáp dần*
38 Tân Sửu *Quý Mùi, đinh Mùi, ất Dậu, ất Mão*
39 Nhâm dần Bạch kim (Kim) *Canh thân, bính thân, bính dần*
40 Quý Mão *Tân Dậu, đinh Dậu, đinh Mão*
41 Giáp thìn Lửa đèn (Hỏa) *Nhâm tuất, canh tuất, canh thìn*
42 Ất tị *Quý Hợi, tân Hợi, tân tị*
43 Bính Ngọ Nước trên trời (Thủy) *Mậu Tý, canh Tý*
44 Đinh Mùi *Kỷ Sửu, tân Sửu*
45 Mậu thân Đất vườn rộng (Thổ) *Canh dần, giáp dần*
46 Kỷ Dậu *Tân Mão, ất Mão*
47 Canh Tuất Vàng trang sức (Kim) *Giáp thìn, mậu thìn, giáp tuất*
48 Tân Hợi *Ất tị, kỷ tị, ất Hợi*
49 Nhâm tý Gỗ dâu (Mộc) *Giáp Ngọ, canh Ngọ, bính tuất, bính thìn*
50 Quý Sửu *Ất Mùi, tân Mùi, đinh Hợi, đinh Tý*
51 Giáp dần Nước giữa khe lớn (Thủy) *Mậu thân, bính thân, canh Ngọ, canh Tý*
52 Ất Mão *Kỷ Dậu, đinh Dậu, tân Mùi, tân Sửu*
53 Bính thìn Đất trong cát (Thổ) *Mậu tuất, nhâm tuất, nhâm Ngọ, nhâm Tý*
54 Đinh tị *Kỷ Hợi, quý Hợi, quý Sửu, quý Mùi*
55 Mậu Ngọ Lửa trên trời (Hỏa) *Bính Tý, giáp Tý*
56 Kỷ Mùi *Đinh Sửu, ất Sửu*
57 Canh Thân Gỗ thạch Lựu (Mộc) *Nhâm dần, mậu dần, giáp Tý, giáp Ngọ*
58 Tân Dậu *Quý Mão, kỷ Mão, ất Sửu, ất Mùi*
59 Nhâm tuất Nước giữa biển (Thủy) *Bính thìn, giáp thìn, bính thân, bính*

dần

60 Quý Hợi Đinh tị, ất tị, đinh mão, đinh dậu

TÍNH TUỔI PHẠM

4.1- TỪ 19 TUỔI TRỞ NÊN MỚI CÓ TRẠCH LÀM NHÀ

4.2-Nguyên tắc chung:

1. Tính tuổi Hoang ốc
2. Tính tuổi Kim Lâu
3. Tính tuổi Tam tai
4. Tính tuổi hạn sao Thái Bạch

4.2.1- TUỔI HOANG ỐC

Khẩu quyết: Nhất cát - nhị nghi - tam địa sát - tứ tẩn tài - ngũ thọ tử - lục hoang ốc.

Trong đó: Nhất cát, nhị nghi, tứ tẩn tài là tốt.

Cách tính như sau:

Tính đến các tuổi hàng chục, hết hàng chục vào hàng đơn vị.

ví dụ: 45 tuổi. Tính như sau: 10 tuổi - nhất cát; 20 tuổi - nhị nghi ; 30 tuổi - tam sát; 40 tuổi - tứ tài; 41 tuổi - ngũ tử; 42 - lục hoang ốc; 43 - nhất cát, 44 nhị nghi; 45 tam địa sát.

Không cần coi các cách tính khác; người tuổi 45 này không làm được nhà

4.2.2-TUỔI TAM TAI

Những tuổi sau phạm tam tai vào những năm:

Thân, Tý, Thìn - tam tai vào năm Dần - Mão - Thìn

Ty , Dậu, Sửu tam tai vào năm Hợi - Tý - Sửu

Dần , Ngọ, Tuất tam tai vào năm Thân - Dậu - Tuất.

Hợi, Mão Mùi tam tai vào năm Ty - Ngọ - Mùi

4.2.3 -TUỔI KIM LÂU

8 tuổi không sợ Kim lâu. gặp 8 tuổi này khỏi tính Kim lâu:

Tân Mùi, Nhâm Thân, Kỷ Sửu, Canh Dần, Tân Sửu, Nhâm Dần, Kỷ Mùi, Canh Thân

Cách tính tuổi Kim Lâu

Tuổi Kim lâu được tính theo 2 giai đoạn: Trước 50 Tuổi và Từ 50 tuổi trở đi.

Tính Kim Lâu trước 50 Tuổi

Khẩu quyết: Khôn - Đoài - Càn - Khảm - Cấn - Chấn - Tốn - Ly.

Cách tính cũng theo phương pháp "Đại - Tiểu liên tiết", trong đó :

Phạm cung Khôn: Nhất Kim lâu thân: Chính kỵ nhất.

Phạm cung Càn: Nhị Kim Lâu thân: kỵ người vợ.

Phạm cung Cấn: Tam Kim Lâu tử: kỵ cho con cái

Phạm cung Tốn: Tứ Kim Lâu lục súc: kỵ súc vật nuôi.

Các cung khác thì được.

Ví dụ: Người 32 tuổi, tính như sau:

10 tuổi tại khôn

20 tuổi tại Đoài

30 tuổi tại Càn

31 tuổi tại Khảm

32 tuổi tại Cấn

Người này không nên làm nhà vì làm nhà vào tuổi này sẽ ảnh hưởng tới con cái.

Tính Kim Lâu sau 50 tuổi.(Tính từ 50 trở đi).

Khẩu quyết: Trung cung - khôn - đoài - càn - khảm - cấn - chấn - tốn - ly.

Ví như 61 tuổi tính như sau:

50 tuổi tại trung cung (tuổi 50 này cũng không làm nhà được vì theo cách tính Hoang Ốc thì phạm Ngũ Thọ Tử)

60 tại khôn

61 tại Đoài.

Theo cách tính hoang ốc thì 61 tuổi thuộc Nhất cát: làm nhà được.

Cách tính tuổi Kim Lâu
Tuổi Kim lâu được tính theo 2 giai đoạn: Trước 50 Tuổi và Từ 50 tuổi trở đi.

4.2.4.TUỔI CÓ SAO THÁI BẠCH CHIẾU:

nam : 13-22-31-40-49-58-67-76-85-94

nữ : 17-26-35-44-53-62-71-80-89-98

NHỮNG NĂM SÁT KHÔNG NÊN LÀM NHÀ

Dần, Ngọ, Tuất	sinh người sát tại Sửu niên, Sửu nguyệt, Sửu thời
Ty, Dậu, Sửu	sinh người sát tại Thìn niên, Thìn nguyệt, Thìn thời
Hợi, Mão, Mùi	sinh người sát tại Tuất niên, Tuất nguyệt, Tuất thời
Thân, Tý, Thìn	sinh người sát tại Mùi niên, Mùi nguyệt, Mùi thời

2.2.TÌM THÁNG ĐẠI LỢI TRAI LÀM NHÀ

TUỔI GÌ? MẠNG GÌ?

	mệnh kim	Vàng dưới biển
1.Giáp tý- ất Sửu		
2.Bính dần- Đinh mão	mệnh hoả	Lửa trong lò
3.Mậu thìn- Kỷ ty	mệnh mộc	Cây rừng lớn
4.Canh Ngọ-Tân mùi	mệnh thổ	Đất đường lộ
5.Nhâm thân- Quý dậu	mệnh kim	Vàng gươm nhọn
6.Giáp tuất-Ất hợi	mệnh hoả	Lửa trên núi
7.Bính tý-Đinh sửu	mệnh thủy	Nước dưới sông
8.Mậu dần-Kỷ mão	mệnh thổ	Đất đầu thành
9.Canh thìn- Tân ty	mệnh kim	Vàng chân đèn
10.Nhâm Ngọ-Quý mùi	mệnh mộc	Cây dương liễu
11.Giáp thân- ất dậu	mệnh thủy	Nước trong giếng
12.Bính Tuất-Đinh Hợi	mệnh thổ	Đất nóc nhà
13.Mậu tý-kỷ sửu	mệnh hoả	Lửa sấm chớp
14.Canh dần- Tân mão	mệnh mộc	Cây tùng bá
15.Nhâm thìn-Quý tý	mệnh thủy	Nước chảy dài
16.Giáp ngọ- ất mùi	mệnh kim	Vàng trong cát
17.Bính dần- đinh dậu	mệnh hoả	Lửa dưới núi
18.Mậu tuất- kỷ hợi	mệnh mộc	Cây đất bằng
19.Canh tý- tân sửu	mệnh thổ	Đất tách nhà
20.Nhâm dần-Quý mão	mệnh kim	Vàng lá trắng
21.Giáp thìn-ất ty	mệnh hoả	Lửa ngọn đèn
22.Bính ngọ- Đinh mùi	mệnh thủy	Nước trên trời
23.Mậu thân-Kỷ dậu	mệnh thổ	Đất nền chòi
24.Canh tuất- Tân hợi	mệnh kim	Vàng đeo tay
25.Nhâm tý- Quý sửu	mệnh mộc	Cây dâu
26.Giáp Dần- Ất mão	mệnh thủy	Nước khe lớn
27.Bính Thìn- Đinh Tý	mệnh thổ	Đất trong cát
28.Mậu ngọ-Kỷ mùi	mệnh hoả	Lửa trên núi

29.Canh thân-Tân dậu
30.Nhâm Tuất- Quý Hợi

mệnh mộc
mệnh thủy

Cây lựu đá
Nước biển lớn

MÌNH KIM

Tháng 1 Chủ nghèo
Tháng 2 Con chết
Tháng 3 Cha mẹ ốm
Tháng 4 Giàu Sang
Tháng 5 Vợ con chết
Tháng 6 Đại cát

Tháng 7 Con nghèo
Tháng 8 Gia đình ốm
Tháng 9 Tốt
Tháng 10 Hưng
Tháng 11 Hưng
Tháng 12 Tán tài

MÌNH MỘC

Tháng 1 Hưng
Tháng 2 Phú
Tháng 3 Quý
Tháng 4 Bệnh
Tháng 5 Phú
Tháng 6 Hưng

Tháng 7 Nghèo
Tháng 8 Tán
Tháng 9 Tài
Tháng 10 Hưng
Tháng 11 Tán tài
Tháng 12 Con cháu hay

MÌNH THỦY

Tháng 1 Sát
Tháng 2 Phú
Tháng 3 Hưng
Tháng 4 Bệnh
Tháng 5 Suy
Tháng 6 Tiền tài

Tháng 7 Không vong
Tháng 8 Bệnh
Tháng 9 Phú
Tháng 10 Quý
Tháng 11 Sát
Tháng 12 Tán tài

MÌNH HỎA

Tháng 1 Hưng
Tháng 2 Phú
Tháng 3 Tử
Tháng 4 Tiến tài
Tháng 5 Mất của
Tháng 6 Phú

Tháng 7 Sát
Tháng 8 Quý
Tháng 9 Sát
Tháng 10 Phúc
Tháng 11 Hưng
Tháng 12 Đại phú

MÌNH THỔ

Tháng 1 Bát tràng
Tháng 2 Bần
Tháng 3 Thất vật

Tháng 7 Hưng
Tháng 2 Suy
Tháng 9 Tiến tài

Tháng 4 Phú quý

Tháng 10 Con bệnh

Tháng 5 Sát

Tháng 11 Vợ chồng chẳng hòa

Tháng 6 Đại cát

Tháng 12 Con bệnh

CHIÊM SAO HOANG ỐC (nhà bỏ hoang)

Mùa xuân ngày Thìn

Mùa Hạ ngày Mùi

Mùa Thu ngày Tuất

Mùa Đông ngày Hợi

MA ỐC (nhà ma ở)

Mùa xuân ngày Thân Mùa Thu ngày Ty

Mùa Hạ ngày Dần Mùa Đông ngày Hợi

Xuân Thân, Hạ, Dần tạo ốc ma

Thu Ty, Đông, Hợi bất cư gia

Bất mãn Tam niên gia thất bại

Ngư sư bất tức hại người da

LỤC THẬP HOA GIÁP NHẬT XUNG NIÊN TUẾ

(Ngày xung năm tuổi)

Ngày Giáp Tý xung tuổi Mậu, Nhâm Ngọ

.....Ất Sửu.....Kỷ, Quý Mùi

.....Bính Dần.....Canh, Nhâm Thân

.....Đinh Mão.....Tân, Quý Dậu

.....Mậu Thìn.....Nhâm, Bính Tuất

.....Kỷ Ty.....Quý, Đinh Hợi

.....Canh Ngọ.....Giáp, Bính Tý

.....Tân Mùi.....Ất, Đinh Sửu

.....Nhâm Thân.....Bính, Canh Dần

.....Quý Dậu.....Đinh, Tân Mão

Ngày Giáp Tuất xung tuổi Mậu, Canh Thìn

.....Ất Hợi.....Kỷ, Tân Ty

.....Bính Tý.....Canh, Mậu Ngọ

.....Đinh Sửu.....Tân, Kỷ Mùi

.....Mậu Dần.....Nhâm, Giáp Thân

.....Kỷ Mão.....Quý, Ất Dậu

.....Canh Thìn.....Giáp, Mậu Tuất

.....Tân Ty.....Ất, Kỷ Hợi

.....Nhâm Ngọ.....Bính, Canh Tý

.....Quý Mùi.....Đinh, Tân Sửu

Ngày Giáp Thân xung tuổi Mậu, Bính Dần

.....Ất Dậu.....Kỷ, Đinh Mão
.....Bính Tuất.....Canh, Nhâm Thìn
.....Đinh Hợi.....Tân, Quý Tỵ
.....Mậu Tý.....Nhâm, Giáp Ngọ
.....Kỷ Sửu.....Quý, Ất Mùi
.....Canh Dần.....Giáp, Mậu Thân
.....Tân Mão.....Ất, Kỷ Dậu
.....Nhâm Thìn.....Bính, Giáp Tuất
.....Quý Tỵ.....Đinh, Ất Hợi

Ngày Giáp Ngọ xung tuổi Mậu, Nhâm Tý

.....Ất Mùi.....Kỷ, Quý Sửu
.....Bính Thân.....Canh, Nhâm Dần
.....Đinh Dậu.....Tân, Quý Mão
.....Mậu Tuất.....Nhâm, Bính Thìn
.....Kỷ Hợi.....Quý, Đinh Tỵ
.....Canh Tý.....Giáp, Bính Ngọ
.....Tân Sửu.....Ất, Đinh Mùi
.....Nhâm Dần.....Bính, Canh Thân
.....Quý Mão.....Đinh, Tân Dậu

Ngày Giáp Thìn xung tuổi Mậu, Canh Tuất

.....Ất Tỵ.....Kỷ, Tân Hợi
.....Bính Ngọ.....Canh, Mậu Tý
.....Đinh Mùi.....Tân, Kỷ Sửu
.....Mậu Thân.....Nhâm, Giáp Dần
.....Kỷ Dậu.....Quý, Ất Mão
.....Canh Tuất.....Giáp, Mậu Thìn
.....Tân Hợi.....Kỷ, Đinh Tỵ
.....Nhâm Tý.....Bính, Canh Ngọ
.....Quý Sửu.....Đinh, Tân Mùi

Ngày Giáp Dần xung tuổi Mậu, Bính Thân

.....Ất Mão.....Kỷ, Tân Dậu
.....Bính Thìn.....Canh, Nhâm Tuất
.....Đinh Tỵ.....Tân, Quý Hợi
.....Mậu Ngọ.....Nhâm, Giáp Tý
.....Kỷ Mùi.....Quý, Ất Sửu
.....Canh Thân.....Giáp, Mậu Dần
.....Tân Dậu.....Ất, Kỷ Mão
.....Nhâm Tuất.....Bính, Mậu Thìn
.....Quý Hợi.....Đinh, Ất Tỵ

2.3. NGUYÊN TẮC CHỌN NGÀY LÀM NHÀ

1- Nguyên tắc chung

Việc chọn ngày làm nhà có ảnh hưởng khá lớn đến cuộc sống tâm linh của Gia chủ.

Hầu hết khi tiến hành làm nhà người ta thường chọn ngày có các sao: Sát cống, Thanh long, Hoàng đạo và quan trọng là phải hợp với tuổi của Gia chủ. Phải tránh các ngày Hắc đạo, Ly sào, tránh thời gian xung với tuổi của Gia chủ. Bên cạnh đó cũng cần tránh các ngày xấu như Sát chủ, Thụ tử, Tam nường, Nguyệt kỵ, Kim thần thất sát.

2- Kỵ Dương Công

Tháng 1 ngày 13	Tháng 7 ngày 8-29
Tháng 2 ngày 12	Tháng 8 ngày 27
Tháng 3 ngày 9	Tháng 9 ngày 25
Tháng 4 ngày 7	Tháng 10 ngày 23
Tháng 5 ngày 5	Tháng 11 ngày 21
Tháng 6 ngày 3	Tháng 12 ngày 19

3- Những Ngày Thiên Hỏa, Địa Hỏa

Tháng 1 : Thiên hỏa ngày Tý, Địa hỏa ngày Tỵ

Tháng 2 : Thiên hỏa Ngày Mão, Địa hỏa ngày Ngọ

Tháng 3 : Thiên hỏa ngày Ngọ, Thiên lôi ngày Tuất, Địa hỏa ngày Mùi

Tháng 4 : Thiên hỏa ngày Dậu, Thiên lôi ngày Mão, Địa hỏa ngày Thân

Tháng 5 : Thiên hỏa ngày Tý, Địa hỏa ngày Dậu,

Tháng 6 : Thiên hỏa ngày Mão, Thiên lôi ngày Hợi

Tháng 7 : Thiên hỏa ngày Ngọ, Thiên lôi ngày Hợi, Địa hỏa ngày Hợi

Tháng 8 : Thiên hỏa ngày Dậu Thân, Địa hỏa ngày Dậu Tý

Tháng 9 : Thiên hỏa ngày Tý, Thiên lôi ngày Mão

Tháng 10: Thiên hỏa ngày Mão, Thiên lôi ngày Tý

Tháng 11: Thiên hỏa ngày Ngọ, Thiên lôi ngày Tuất

Tháng 12: Thiên hỏa ngày Dậu

4- CHIÊM SAO HOANG ỐC (nhà bỏ hoang)

Mùa xuân ngày Thìn

Mùa Hạ ngày Mùi

Mùa Thu ngày Tuất

Mùa Đông ngày Hợi

5-MA ỐC (nhà ma ở)

Mùa xuân ngày Thân

Mùa Thu ngày Ty

Mùa Hạ ngày Dần

Mùa Đông ngày Hợi

Xuân Thân, Hạ, Dần tạo ốc ma

Thu Ty, Đông, Hợi bất cư gia

Bất mãn Tam niên gia thất bại

Ngư sư bất tức hại người da

6- NHỮNG NGÀY XÍCH TÒNG TỬ GIÁNG HẠ

Tháng Giêng ngày 7 và ngày 11

Tháng 7 ngày 8 và ngày 9

Tháng 2 ngày 9 và ngày 10

Tháng 8 ngày 18 và ngày 29

Tháng 3 ngày 15 và ngày 16

Tháng 9 ngày 2 và ngày 23

Tháng 4 ngày 9 và ngày 22

Tháng 10 ngày 1 và ngày 14

Tháng 5 ngày 9 và ngày 14

Tháng 11 ngày 2 và ngày 21

Tháng 6 ngày 10 và ngày 20

Tháng 12 ngày 1 và ngày 30

Thiên quân trì mãn giai lưu huyết

Khởi ốc điền địa tận gia diệt

Mai tang, khốc thanh tràng bất tuyệt

Phu phụ hôn nhân tảo biệt ly

7- NHỮNG NGÀY THIÊN MA

Xuân : Mùi, Tuất, Hợi

Hạ : Thìn, Tỵ, Ty

Thu : Thân, Dậu, Sửu

Đông : Dần, Mão, Ngọ

8 -NHỮNG NGÀY NGUYỆT KỶ

Tứ MẠNH tháng 1,4,7,10 vào ngày 5

Tứ TRỌNG tháng 2, 5, 8, 11 vào ngày 14

Tứ QUÝ tháng 3, 6, 9, 12 vào ngày 23

Ngày này ông Lý Khan ra nhà mới chết 3 người con trai

Sở ngũ, thập tử, nhị thập tam

Lý Nhan tạo ốc tháng tam nam

Vậy hàng tháng 5, 14, 23 là những ngày kỵ

Thơ rằng

Mùng 5, 14, 23 đi buôn cũng thiệt nữa là đi chơi

Mồng 5, 14, 23 ai về thăm mẹ thăm cha thì đừng

Những ngày tam cường thiên ma 8, 18, 28

Tháng nào cũng vậy, năm nào cũng thế những ngày như kể trên là những ngày kỵ làm nhà cưới vợ

Ngày 30 và 1: ngày sóc vọng

Ngày 14 và 15: Ngày hồi huyền Ngày 15 rằm nguyên tiêu

Ngày 30 Ngày Nguyệt Tân Ngày thiên ất quý người

9- NHỮNG NGÀY TRÙNG NHỊ KỶ

10- NHỮNG NGÀY LỖ BAN SÁT KỶ PHÁT MỘC

Xuân ngày TÝ Thu ngày Ngọ

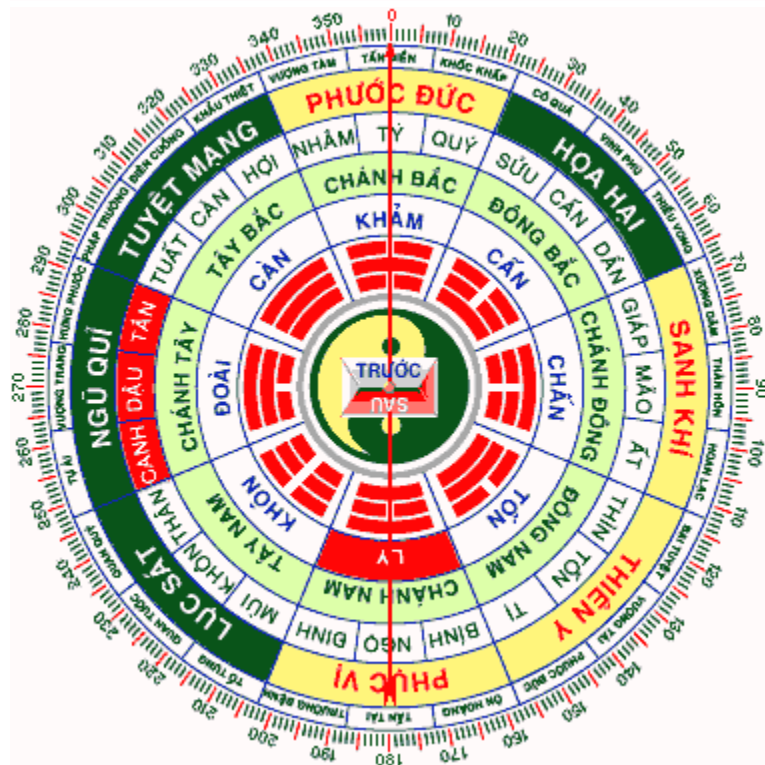
Hạ ngày Mão Đông ngày Dậu

11-KỶ KHỞI CÔNG LÀM NHÀ PHỦ ĐẦU SÁT

Xuân ngày Thìn Thu ngày Ngọ

Hạ ngày Mùi Đông ngày Dậu

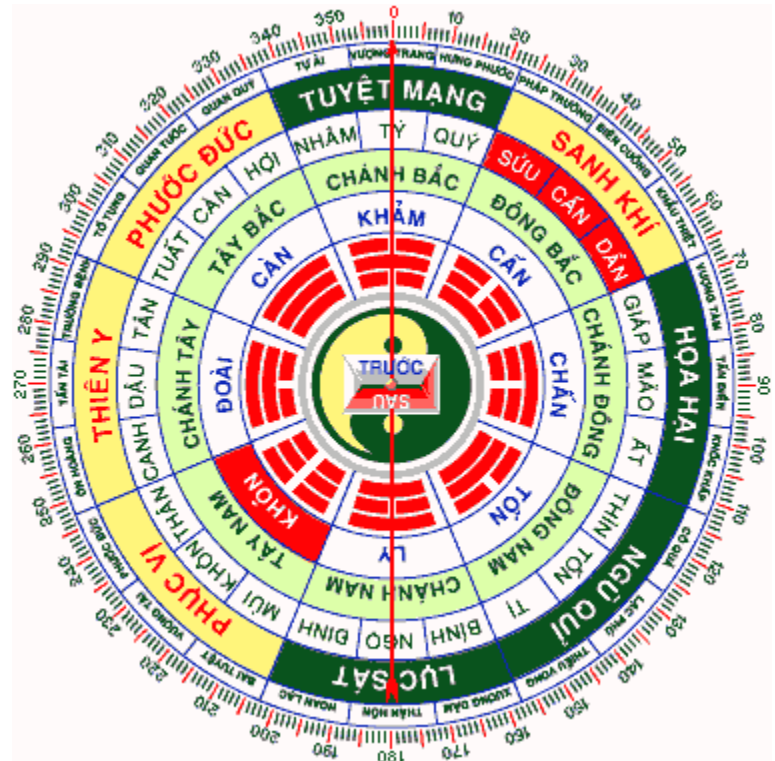
1



1

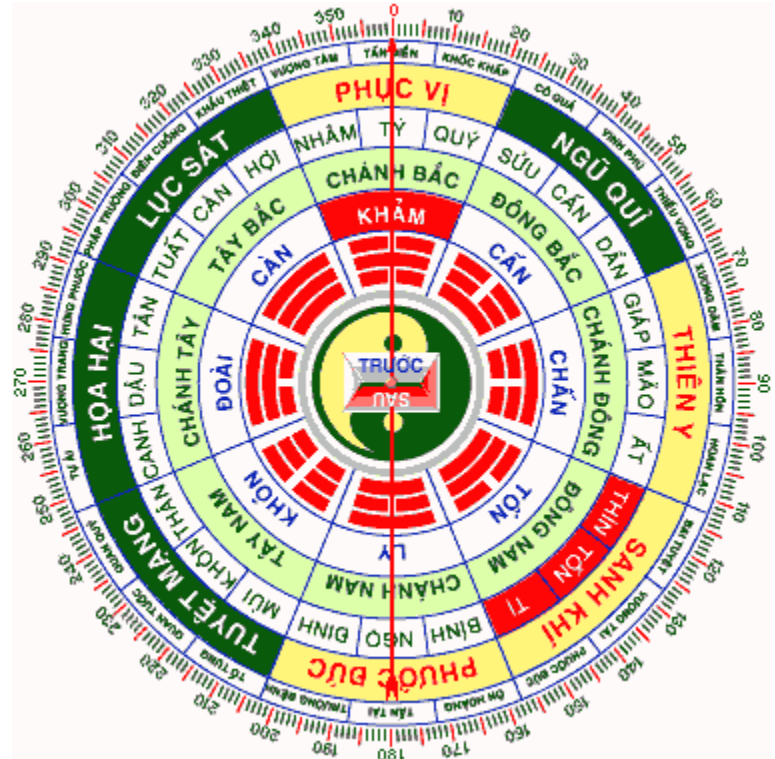
KHÔN

-



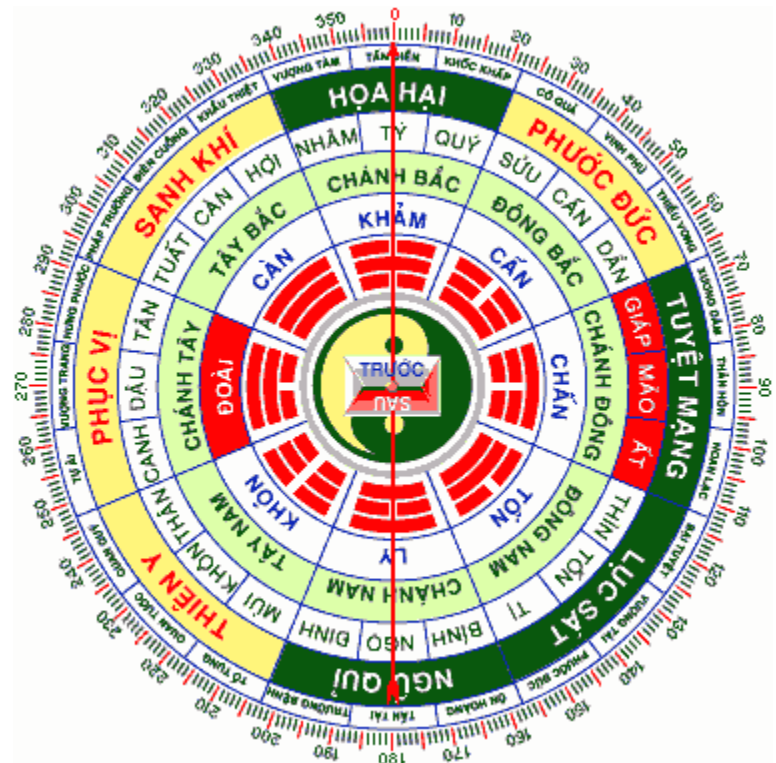
KHẨM

+



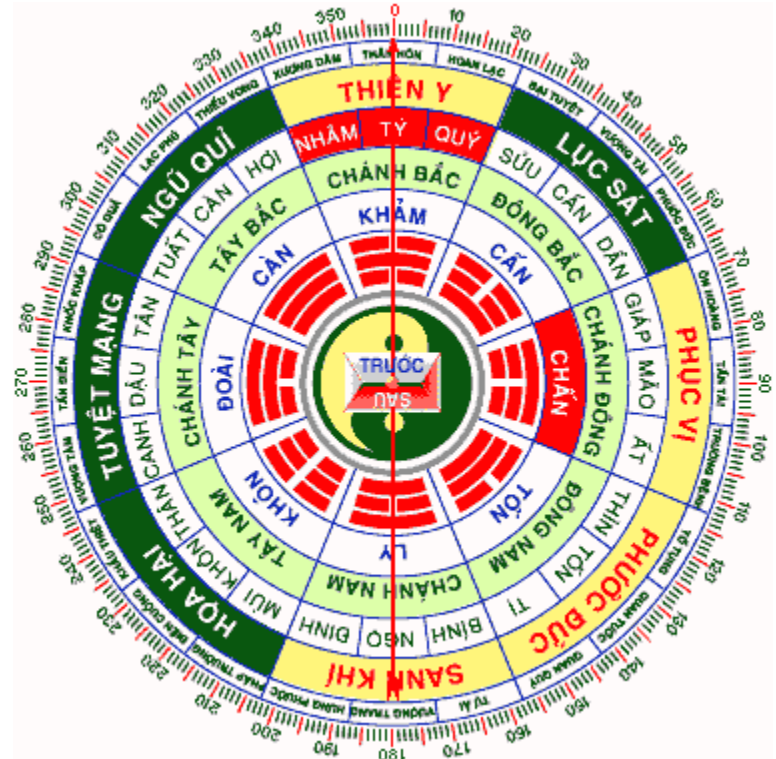
ĐOÀI

-

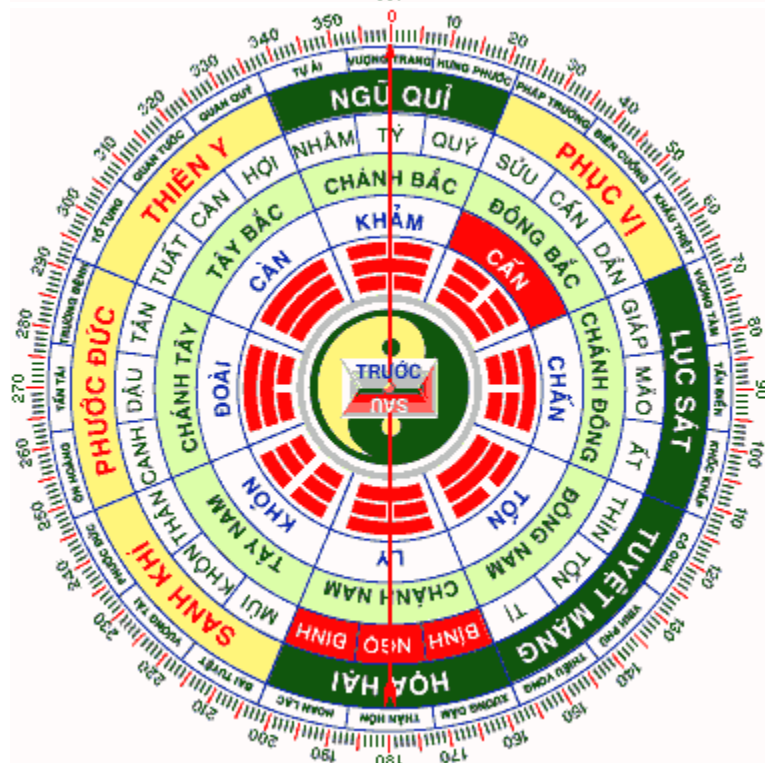


CHẤN

+



+



+

40

	TỶ * THIÊN ĐỨC HOÀNG ĐẠO -Kim đường - Địa tài - Hoạt diệu - Sát chủ -Thiên cương -Tiểu hồng sa- Bạng tiêu- Tiểu hao- Hoang Vu-Thần cách- Nguyệt hoá - Độc hỏa-Nguyệt hình-Ngũ hư-	NGO * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO - Thiên mã- Nguyệt tài- Tam hợp- Dân nhật- thời đức Đại hao - Hoàng sa - Ngũ quỷ - Tội chỉ- Bạch hổ	MÙI * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên thành - Kính tâm - Thiên ôn-Tứ thời đại mộ-	THÂN * THIÊN LAO HẮC ĐẠO - Nguyệt giải - Giải thần - Dịch mã - Minh tinh - Hội hộ Nguyệt phá	
	THÌN * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO Lộc khổ Thổ ôn - Quả tú- - Phù đầu sát - Thiên tặc- Tam tang- Không phòng- Cửu không	THÁNG 1		DẬU * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO - Âm đức - Phúc sinh - Cát khánh - Thiên lai- Hoang vu-Nhân Cách- Huyền vũ- Ly sàng	
	MÃO * CHU TƯỚC HẮC ĐẠO Nguyệt kiến chuyên sát - Thiên địa chính chuyển- Thiên địa chuyển sát			TUẤT * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO - Thiên hỷ- Hoàng ân - Tam hợp- Thiên quan Thụ tử - Cô thần- Nguyệt yếm đại họa- Âm thác- Quỷ khốc	
	DẦN * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO - Thiên xá - Yển an - Phúc hậu- Mãn đức tinh - Lục bất thành - Thổ phù - Thổ kỵ - Vãng vong - Lôi công- Dương thác	SỬU * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Tuế hợp - Đại hồng sa- Tục thế - Địa tặc - Nguyệt sát - Hoang vu- tứ thời cô quân-- Hoả tai	TÝ * THANH LONG HOÀNG ĐẠO Mẫn thương - Ích hậu - Sinh khí- Đại hồng sa Thiên ngục- Phi ma sát-Lỗ ban sát -Thiên hoả	HỢI * CÂU TRẬN HẮC ĐẠO Ngũ phúc - Thánh tâm - Mẫn thượng - Lục hợp- Vi tinh - Kiếp sát - Câu giải- Câu trận- Thổ cấm - Địa phá- Hà khô	

	TỶ * CHU TƯỚC HOÀNG ĐẠO Dịch mã - Thiên phú Nguyệt tài- - Thánh tâm - Lộc khổ Thiên cầu- Hoang vu- Câu trận- Không phòng- Quả tú - Vãng vong	NGỌ * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO - Thiên tài - ích hậu - Dân nhật - Thiên lại- Hà khôì - Câu giáo- Lục bất thành-	MÙI KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Tam hợp - Tục thế- Âm Đức - Mẫn đức tình Đại hao - Tiểu hao - Hoả tai - Tử khí - Quan phù- Nhân cách- Tứ thời đại mộ	THÂN * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO - Thiên đức - Nguyệt giải - Thiên mã- Địa tài- Giải thần Yến an Kiếp sát	
	THÌN * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO U vi tinh - Thụ tử - Nguyệt hoả - Độc hoả- Phủ đầu sát- Tam tang	THÁNG 2			DẬU * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Thiên Thành Thiên tặc - Nguyệt yến Đại họa - Tiểu hồng ba- Phi ma sát- Nguyệt phá- Hoang vu Ngũ hư- Ly sang
	MÃO * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Quan nhật - Phúc sinh Thiên ngục - Thổ phủ - Thiên hoả - Thần cách – Nguyệt kiến chuyển sát- Dương thác- Thiên địa chính chuyển- Thiên địa chuyển sát	<i>Nguyệt đức: Giáp</i> <i>Nguyệt đức hợp: Kỷ</i> <i>Thiên quý: giáp, ất</i> <i>Thiên xá: Mậu</i> <i>Thiên phúc: Mậu</i> <i>Nguyệt không: Canh</i> <i>Nguyệt ân: Đinh</i>	<i>Thiên địa chính chuyển: quý</i> <i>Thiên địa chuyển sát: Ất</i> <i>Tứ thời đại mộ: Ất</i> <i>Âm thác: Tân</i> <i>Dương thác: Ất</i> <i>Trùng tang: Ất</i> <i>Trùng phục: Tân</i> <i>Con nước: 3, 17, 29</i>	TUẤT * THIÊN LAO HẮC ĐẠO - Lục hợp - Minh tinh - Hoạt diệu Thiên ôn -Nguyệt hư- Quỷ khốc	
	DẦN * THANH LONG HOÀNG ĐẠO Thiên xá- Ngũ phúc - Phổ hộ - Phúc hậu- Cát khánh - Hoàng sa - Ngũ quý -	SỬU * CÂU TRẬN HẮC ĐẠO Hoàng ân - Kính tâm - Sinh khí- Đại hồng sa Hoang vu- Tứ thời cô quả- Cửu không	TÝ * TỰ MỆNH HOÀNG ĐẠO Thiên đức hợp- Thiên quan - Mẫu thương - Tuế hợp-Đại hồng sa – Thiên cương - Sát chủ - Tội chí- Địa phá - Địa tặc- Băng tiêu ngoại hãm- Nguyệt hình- Lỗ ban sát	HỢI * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO Tam hợp- Mẫu thương - Thiên hỷ - Thổ cấm - Cô thần Huyền vũ – Lôi công- Âm thác	

	TÝ * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Ngũ phúc – Minh đường-- Âm đức - Nguyệt tài Kiếp sát -Hoang vu - Nhân cách- Huyền vũ- Lôi công	NGỌ * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO Lộc khố-Thiên phù - Dân nhật - Thổ ôn - Quả tú - Thiên hoả- Phi ma sát Đại sát	MÙI * CHU TƯỞC HẮC ĐẠO Hoạt diệu - Sát chủ - Thiên cương Tiểu hao- Nguyệt hư -Tội chí- Tứ thời đại mộ- Nguyệt sát	THÂN * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO Tam hợp - Thiên tài - Kính tâm - Đại hao - Nguyệt yếm đại họa- Âm thác	
	THÌN * THANH LONG HOÀNG ĐẠO Mẫn đức tinh Thiên ôn - Thổ Phù - Ngũ quý- Nguyệt hình- Phủ đầu sát- Tam tang- Dương thác	THÁNG 3			DẬU * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Lục hợp - Phổ hộ - Địa tài- Nguyệt giải Hoang vu- Văn vong- Ly sàng
	MÃO * CÂU TRẦN HẮC ĐẠO Yếu an Nguyệt hoả Thiên lại- Độc hoả- Nguyệt kiến chuyên sát-Thiên địa chính chuyển-	Thiên đức, Nguyệt đức: Nhâm Nguyệt ân: Canh Thiên đức hợp: Đinh Nguyệt đức hợp: Nhâm Thiên quý: Giáp, Ất Thiên xá:Mậu Nguyệt không: Bính	Trùng tang: Kỷ Trùng phục: Kỳ Thiên địa chính chuyển: Kỷ Tứ thời đại mộ:Ất Âm thác: Canh Dương thác: Giáp Con nước: 13, 17	TUẤT * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO Phúc sinh - Thiên mã-Giải thần Lục bất thành- Quỷ khốc - Nguyệt phá – Cửu không	
	DẦN * TỬ MỆNH HOÀNG ĐẠO Hoàng ân - - Dịch mã- Thiên xá- Thiên quan - Sinh khí - Tục thế Phúc hậu Thiên tặc - Hoả tai	SỬU * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO Ích hậu – U vi tinh- Đại hồng sa Thần cách- Ngũ hư- Địa phá- Bể tiêu ngọa hãm- Tiểu hồng sa- Hoang vu- Tứ thời cô quản	TÝ * THIÊN LAO HẮC ĐẠO Mẫu thương - Tam hợp - Thánh tâm- Minh tinh - Thiên hỷ- Đại hồng sa Cô thần - Hoàng sa- Lỗ ban sát-Không phòng	HỢI * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Mẫn thương - Tuế hợp - Cát khánh - Thiên thành Thụ tử - Địa tặc- Thổ cấm	

	TỶ * CẦU TRẬN HẮC ĐẠO Hoàng ân - Phúc hậu- Đại hồng sa - Thụ tử - Thổ phủ - Tiểu hồng sa-Lục bát thành-Dương thác	NGỌ * THANH LONG HOÀNG ĐẠO Thiên xá- Thánh tâm- Cát khánh - U vi tinh Hoàng sa- Ly sàng-Nguyệt kiến chuyển sát	MÙI * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Nguyệt tài - Thiên phú - Lộc khố - Ích hậu - Nguyệt yếm Đại hỏa - Thiên tặc - Quả tú - Cửu không- Phủ đầu sát- Tam tang- Âm Thắc	THÂN * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO Lục hợp - Ngũ phú - Tục thể Phản sự - Hoả tai-- Tiểu hao -Hoang vu - Hà khô- Cầu giao- Lôi công - Nguyệt hình- Ngũ hư	
	THÌN * TỰ MỆNH HOÀNG ĐẠO Thiên quan - Phúc sinh - Đại hồng sa Hoang vu- Nguyệt sát- Tứ thời cô quả	THÁNG 4			DẬU * CHU TƯỞC HẮC ĐẠO - Mãn đức tinh - Yến an - Dân nhật, thời đức - Nguyệt giải Đại hao- Thiên hoả - Thiên ngục - Ngũ quý
	MÃO * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO - Âm đức - Phổ hộ - Mãn thượng - Sinh khí- Kính tâm - Sát chủ -Nhân cách- Phi ma sát-Huyền vũ- Thiên địa chính chuyển- Lỗ ban sát	<i>Nguyệt đức: Canh Nguyệt đức hợp: Ất Thiên đức: Tân Thiên đức hợp: Bính Thiên quý: Bính Đinh Thiên xá: Giáp Nguyệt Ân:Kỷ Nguyệt không: Giáp Thiên phúc: Tân, Quý</i>	<i>Trùng Tang: Bính Trùng phục: Nhâm Thiên địa chính chuyển:Ất Âm thắc: Đinh Dương thắc:Đinh Tứ thời đại mộ: Bính Con nước: 11, 25</i>	TUẤT * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO - Thiên tài - Tuế hợp-Giải thần - Địa tặc- Tứ thời đại mộ - Không phòng- Quý khố Phản chủ	
	DẦN * THIÊN LAO HẮC ĐẠO Mãn thượng- Minh tinh - Tam hợp Thiên cương-Kiếp sát - Thiên ôn - Nguyệt hoả - Độc hoả- Bãng tiêu ngọa hãm- Thổ cấm-Ly sàng- Địa phá	SỬU * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên thành - Thiên hỷ - Tam hợp - Cô thần - Tội chí - Cầu trận	TÝ * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO - Hoạt diệu- Thiên mã(<i>xấu</i>)- Thiên lai - Hoang vu	HỢI * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Dịch mã - Địa tài Nguyệt phá - Thần cách - Vãng vong - Thổ kỵ	

	TỶ * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO Phúc hậu -Đại hồng sa	NGO * TƯ MỆNH HẮC ĐẠO Thiên quan - Mãn đức tinh - Quan nhật Thiên ôn - Thổ phủ - Nguyệt yếm - Nguyệt hình-Đại họa - Nguyệt kiến chuyển sát Thiên địa chính chuyển Thiên địa chuyển sát - Ly sang- Âm thác- Dương thác	MÙI * CÂU TRẬN HẮC ĐẠO - Lục Hợp- Minh Đường Phú đầu sát- Tam tang - Sát Sư	THÂN * THANH LONG HOÀNG ĐẠO Dịch mã - Thiên phú - Lộc khổ- - Sát chủ - Tội chí - Thổ ôn-Hoang vu - Quả tú	
	THÌN * THIÊN LAO HẮC ĐẠO Yến an -Minh tinh - Sinh khí - Hoang vu- Tứ thời cô quả	THÁNG 5			DẬU * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Hoàng ân -Tam hợp - Nguyệt tài - Dân nhật - - Kính tâm - Hoạt diệu - Tuế hợp -Thiên cương - Phản sư - Địa tặc - Thiên lại - Tiểu hao - Thần cách- Lục bất thành - Tiểu hồng sa
	MÃO * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên thành - Tục thể - U vi tinh - Mẫn Thương - Hà khô Cầu giáo-Địa phá - - Thổ kỵ -Vân vong - Cửu không- Lỗ ban sát-Ngũ quý - Hoả tai- Băng tiêu ngọa hãm	<i>Thiên Quý: Bính, Đinh</i> <i>Nguyệt Ân: Mậu</i> <i>Thiên phúc: Tân, Nhâm</i> <i>Nguyệt đức: Bính</i> <i>Nguyệt đức hợp: Tân</i> <i>Nguyệt không: Nhâm</i>	<i>Trùng tang: Đinh</i> <i>Trùng phục: Quý</i> <i>Thiên địa chính chuyển : Bính</i> <i>Thiên địa chuyển sát : Bính</i> <i>Âm thác: Bính</i> <i>Dương thác: Bính</i> <i>Tứ thời đại mộ: Bính</i> <i>Nguyệt không: Nhâm</i> <i>Con nước: 9, 23</i>	TUẤT * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO - Tam hợp - Nguyệt giải - Phú hộ Đại hao -Quý khốc- Tứ thời đại mộ	
	DẦN * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO Thiên đức hợp - Thiên hỷ - Mẫn Thương- Thiên mã - - Ích hậu - Cô thần - Thổ cấm- Ly sang- Hoàng sa - Lôi công	SỬU * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thánh tâm - Địa tài - Cát khánh- Âm đức - - Nguyệt hoả - Độc hoả - Nguyệt hư - Nhân ách- Huyền vũ	TÝ * KIM QUỲ HOÀNG ĐẠO - Thiên tài- Giải thần - Thụ tử - Thiên hoả- Thiên ngục - Phi ma sát - Thiên tặc - Nguyệt phá- Hoang vu- Ngũ hư	HỢI * CHU TƯỚC HẮC ĐẠO Thiên đức - Ngũ phú - Phúc sinh Kiếp sát- Không phòng	

	TỶ * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Dịch mã - Thiên thành - Phúc hậu - Sinh khí- Đại hồng sa Thiên tặc - Nguyệt yếm - Đại hoả-Âm thác	NGỌ * THIÊN LAO HẮC ĐẠO - Thiên Xá - Lục hợp- Minh tinh - Cát khánh - Thụ tử - Sát sư - Thiên lai-Vãng vong -Ly sàng- Nguyệt kiến chuyên sát- Thiên địa chính chuyển Thiên địa chuyển sát	MÙI * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO - Thánh tâm - Thổ phủ - Thần cách- Phù đầu sát- Tam tang- Không phòng- Dương thác	THÂN * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO - Thiên quan- U vi tinh - Ích hậu -Kiếp sát - Địa Tặc - Ngũ quý- Hoang vu-	
	THÌN * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO - Phúc sinh - Phổ hộ - Đại hồng sa- Thiên mã Thiên cương- Địa phá - Ngũ hư-Hoang vu- Tứ thời cô quả	THÁNG 6		DẬU * CÁU TRẬN HẮC ĐẠO - Thiên phú - Tục thể - Lộc khổ- Tuế hợp-Dân nhật, thời đức - Hoả tai - Thổ ôn - Quả tú - Phi ma sát	
	MÃO * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Mẫn thương -Tam hợp - Hoàng ân- Thiên hỷ- Kính tâm- Địa tài - Thiên hoả - Phản chủ - Thiên ngục- Cô thần- Lỗ ban sát	Thiên Đức, Nguyệt đức: <i>Giáp</i> Thiên đức hợp: Kỷ Nguyệt đức hợp: Kỷ Thiên quý: Bính, Đinh Thiên xá: Giáp Nguyệt Ân: Tân Nguyệt không: canh	Trùng tang: Kỷ Trùng phục: Mậu <i>Thiên địa chính chuyển: Bính</i> <i>Thiên địa chuyển sát: Bính-</i> <i>Tứ thời đại mộ: Bính</i> <i>Âm thác: Đinh</i> <i>Dương thác: Đinh</i> <i>Nguyệt không: Canh</i> <i>Con nước: 7, 20</i>	TUẤT * THANH LONG HOÀNG ĐẠO Yến an - Nguyệt giải - Sát chủ - Tiểu hao - Nguyệt hư- Bãng tiêu ngoại hãm- Hà khô câu giáo- Tứ thời đại mộ- Quý khốc	
	DẦN * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO - Ngũ phú- Mẫn thương - Thiên tài- Hoạt diệu Thổ cấm- Ly sàng- Tội chí	SỬU * CHU THUỐC HẮC ĐẠO Nguyệt phá - Lục bất thành- Tiểu hồng sa- Nguyệt hình	TỶ * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO - Giải thần - Nguyệt hoả - Độc hoả- Hoàng sa- Cửu không - Thiên ôn	HỢI * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Tam hợp - Mẫn đức tinh - Nguyệt tài - Âm đức - Đại hao- Hoang vu- Nhân cách - Lôi công -	

	TỶ * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Ngũ phú - Yển an - Lục hợp - U vi tinh - Địa tài Kiếp sát- Sát sự - Thổ cấm - Lôi công-Tiểu hồng sa-- Thần cách - Hà khôì - Câu giáo- Địa phá	NGO * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO - Thiên mã - Sinh khí - Nguyệt tài- Đại Hồng sa - Thiên ngục-Thiên hoá- Hoàng sa - Phi ma sát- Lỗ ban sát	MÙI * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên thành - Đại Hồng sa - Tuế hợp . Hoang vu- Địa tặc - Nguyệt sát- Tứ thời cô quả	THÂN * THIÊN LAO HẮC ĐẠO -Thiên xá- Phúc hậu - Mãn đức tinh Minh tinh(xấu)-Thổ phủ - Lục bất thành	
	THÌN * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO Tam hợp - Mậu thương- Thiên hỷ Thiên tài- Tục thế Nguyệt yển- Đại họa - Cô thần - Hỏa tai-Âm Thác	THÁNG 7		DẬU * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO - Âm đức - Thiên ôn -Nhân cách -Tội chi - Văn vong-Nguyệt kiến chuyển sát-Thiên địa chính chuyển -Thiên địa chuyển sát- Cửu không -Phủ đầu đất.	
	MÃO * CHU TƯỚC HẮC ĐẠO - Cát khánh - Ích hậu - Thiên lai-Hoang vu	Thiên đức: Quý Thiên đức hợp:Mậu Nguyệt đức:Nhâm Nguyệt đức hợp: Đinh Thiên quý: Canh, Tân Thiên xá: Mậu Thiên phúc: Ất Nguyệt ân: Nhâm Nguyệt không:Bính	Trùng tang: Canh Trùng phục: Giáp Thiên địa chính chuyển : Đinh Tứ thời đại mộ:Tân Âm Thác: Giáp Dương thác: canh, tân Thiên địa chuyển sát: Đinh Con nước: 5, 19	TUẤT * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO Thiên quan - Thiên phú - Lộc khổ - Kính tâm Thổ ôn -Quả tú- Tam tang- Ly sang- Quỷ khốc- Thiên tặc	
	DẦN * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO Dịch mã - Thánh tâm - Giải thần - Nguyệt phá - Nguyệt hình- Không phòng	SỬU * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Mẫu thương Thụ tử - Sát chủ - Ngũ quý- Tứ thời đại mộ	TỶ * THANH LONG HOÀNG ĐẠO Tam hợp - Hoàng ân - Phúc sinh-Dân nhật, thời đức Đại hao	HỢI * CÂU TRẬN HẮC ĐẠO - Nguyệt giải - Phổ hộ - Hoạt diệu Thiên cương -Nguyệt hoá- Băng tiêu ngọa hãm- Ngũ hư- Độc hoá - Tiểu hao - Hoang vu	

	TỶ * CHU TƯỞC HẮC ĐẠO Tam hợp - Thiên hỷ - Phổ hộ -Nguyệt tài Cô thần - Ngũ quý -Câu trận- Thổ cấm	NGO * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Hoàng ân - Phúc sinh- Đại hồng sa-- Thiên tài - Tuế hợp Thiên cương - Địa phá - Cửu không - Băng tiêu Ngọa hãm - Lỗ ban sát- Địa tặc-	MÙI * THIÊN ĐỨC HOÀNG ĐẠO - Sinh khí - Địa tài- Âm đức-Đại hồng sa Thụ tử - Hoang vu- Nhân cách-Tứ thời cô quả	THÂN * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO Ngũ phú - Thiên xá- Thiên mã -Cát khánh - Thánh tâm- Phúc hậu Thiên ôn -Lôi công	
	THÌN * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO - Lục hợp - Mẫu thượng- Hoạt diệu - Kính tâm - Nguyệt phá -Nguyệt hư- Sát sư	THÁNG 8			DẬU * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên thành - Ích hậu- Quan nhật Thiên hoả - Thiên ngục- Nguyệt hình-- Thổ phủ - Tiểu hồng sa- Nguyệt kiến chuyên sát-Thiên địa chính chuyển-Thiên địa chuyên sát-Phủ đầu sát- Dương thác
	MÃO * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Thiên tặc - Nguyệt phá- Hoang vu- Tội chí- Nguyệt yếm đại họa - Thần cách - Phi ma sát- Ngũ hư- Không phòng- Âm Thác	<i>Nguyệt đức: Canh</i> <i>Nguyệt đức hợp: Ất</i> <i>Thiên quý: Canh, Tân</i> <i>Thiên xá: Mậu</i> <i>Nguyệt ân: Quý</i> <i>Thiên phúc: Giáp</i> <i>Nguyệt không: Giáp</i>	<i>Trùng tang: Tân</i> <i>Trùng phục: Ất</i> <i>Thiên địa chính chuyển:</i> <i>Đinh</i> <i>Thiên địa chuyên sát:</i> <i>Đinh</i> <i>Tứ thời đại mộ: Tân</i> <i>Âm Thác: Ất</i> <i>Dương thác: Tân</i> <i>Con nước: 3, 17, 29</i>	TUẤT * THIÊN LAO HẮC ĐẠO Minh tinh- U vi tinh - Tục thể Nguyệt hoả - Hoả tại- Độc hoả - Tam tang- Ly sàng- Quỷ khốc	
	DẦN * THANH LONG HOÀNG ĐẠO - Thiên đức - Giải thần Kiếp sát - Hoàng sa	SỬU * CÂU TRẬN HẮC ĐẠO Mẫu thương- Tam hợp- Mãn đức tinh -Đại hao-Tứ thời đại mộ	TÝ * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO - Thiên quan - Dân nhật, thời đức Vãng vong - Tiểu hao- Thiên lai - Câu giáo - Hà khôi - Lục bất thành	HỢI * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO - Yến an - Dịch mã - - Thiên đức hợp Thiên phú - Lộc khổ- Nguyệt giải Sát chủ - Thổ ôn - Hoang vu- Quả tú	

	TY * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO - Nguyệt tài - Âm đức - Cát khánh - Tục thể - Tuế hợp - Địa tặc - Nhân cách - Thiên ôn-Hỏa tai- Thổ cấm	NGỌ * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO Tam hợp - Yên an - Nguyệt giải - Thiên hỷ - Đại hồng sa - Sát chủ - Cô thần- Lỗ ban sát- Không phòng	MÙI * CHU TƯỞC HẮC ĐẠO - U vi tinh- Đại hồng sa Địa phá - Hà khôi cầu giáo-Nguyệt hình -Ngũ hư- Tứ thời cô quả-	THÂN * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO Dịch mã- Thiên xá - Sinh khí - Thiên tài - Phúc hậu Thiên tặc- Bạng tiêu ngoại hãm- Hoang vu	
	THÌN * THÀNH LONG HOÀNG ĐẠO Mẫu thương - Giải thần - Ích hậu - Nguyệt phá - Vãng vong- Lục bất thành	THÁNG 9			DẬU * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Địa tài - Thiên lại - Nguyệt hoá- Nguyệt kiến chuyên sát- Thiên địa chính chuyển - Thiên địa chuyển sát:- Phủ đầu sát- Độc hỏa
	MÃO * CÂU TRẦN HẮC ĐẠO - Thánh tâm - Lục hợp -Hoang vu- Âm thác	Thiên đức, Nguyệt đức: Bính Thiên đức hợp: Tân Nguyệt đức hợp: Tân Thiên quý: Canh Tân Thiên xá: Mậu Nguyệt ân: Canh Nguyệt không: Nhâm	Trùng tang: Kỷ Trùng phục: Kỷ Thiên địa chính chuyển: Đinh Thiên địa chuyển sát: Tân Tứ thời đại mộ:Tân Âm Thác: Giáp Dương thác: Canh Con nước: 13, 27	TUẤT * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO - Thiên mã - Mãn đức tinh - Thổ phù - Tội chí- Tam tang- Ly sang-Dương thác- Quỷ khốc	
	DẦN * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO - Thiên quan - Tam hợp - Thụ tử - Đại hao - Cửu không -Nguyệt yếm đại họa- Lôi công -	SỬU * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO - Mẫu thương - Hoạt diệu - Phúc sinh - Thiên cương - Nguyệt sát- Tiểu hao - Thần cách- Tiểu hồng sa- Tứ thời đại mộ	TÝ * THIÊN LAO HẮC ĐẠO - Thiên phú - Phổ hộ - Minh tinh - Lộc khổ- Dân nhật-Thời đức - Quả tú - Thiên hoá - Ngũ quý - Thiên ngục- Hoàng sa - Thổ ôn - Phi ma sát	HỢI * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Thiên thành - Ngũ phú - Hoàng ân- Kính tâm Kiếp sát- Hoang vu	

	TỶ * CÂU TRẬN HẮC ĐẠO - Dịch mã - Kính tâm Tiểu hồng sa- Nguyệt phá- Ly sàng	NGỌ * THANH LONG HOÀNG ĐẠO - Nguyệt giải - Hội hộ - Phổ hộ- Hoạt diệu - Hoàng sa - Thiên lai- Hoang vu	MÙI * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Tam hợp - Thiên hỷ - Phúc sinh - Nguyệt tài - Thổ kỵ- Vãng vong - Cô thần	THÂN * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO Mẫu thương- Đại hồng sa Thụ tử - Thiên cương- Kiếp sát- Nguyệt hoá- Độc hoả - Địa phá-Băng tiêu ngoại hãm- Thổ cấm-Không phòng -	
	THÌN * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO Hoàng ân - Thiên quan- Giải thần-Tuế hợp Địa tặc - Tội chỉ - Tứ thời đại mộ	THÁNG 10		DẬU * CHU TƯỚNG HẮC ĐẠO Mẫu thương - Sinh khí - Thánh tâm Sát chủ - Phi ma sát-Lỗ ban sát	
	MÃO * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO Tam hợp - Âm đức - Mãn đức tinh-Dân nhật, thời đức - Đại hao - Tử khí - Quan phù- Thiên ngục - Thiên hoả- Nhân cách	Thiên đức: Ất Nguyệt đức: Giáp Thiên đức hợp: Canh Nguyệt đức hợp: Kỷ Thiên quý: Nhâm Quý Thiên phúc: Đinh Tiểu xá: Giáp Nguyệt ân: Ất Nguyệt không: Canh	Trùng tang: Nhâm Trùng phục: Nhâm Tứ thời đại mộ: Nhâm Thiên địa chính chuyển: Canh Thiên địa chuyển sát: Nhâm Âm thác: Quý Dương thác: Quý Con nước: 11 và 25	TUẤT * KIM QUÝ HOÀNG ĐẠO Ích hậu - Thiên tài-Đại hồng sa- Cát khánh Nguyệt sát - Nguyệt hư - Quý khốc-Hoang vu-Tứ thời cô quả	
	DẦN * THIÊN LAO HẮC ĐẠO Ngũ phú- Lục hợp Minh tinh(xấu)-Hoang vu- Ngũ hư- Hà khô- Cầu giáo - Tiểu hao	SỬU * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên thành - Lộc khổ - Thiên phú Quả tú - Thiên cầu-CÂU TRẬN- Nguyệt yếm - Đại họa- Thiên tặc - Thổ ôn- Tam tang-Âm thác	TÝ * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO Yến an - Thiên xá - U vi tinh- Thiên mã Nguyệt kiến chuyên sát- Thiên địa chính chuyển- Thiên địa chuyển sát- Phủ đầu sát	HỢI * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Địa tài - Phúc hậu - Tục thể - Cửu không - Lục bất thành - Hoả tai - Thổ phù-Nguyệt hình- Thiên ôn - Thần cách - Ngũ quý-Dương thác- Lôi công	

	TỶ * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO	NGỌ * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO	MÙI * CÂU TRẬN HẮC ĐẠO	THÂN * THANH LONG HOÀNG ĐẠO	
--	---	---	--	---	--

	Thiên đức - Ngũ phú - Ích hậu Kiếp sát - Lôi công - Ly sáng	- Giải thần - Tục thể - Thiên quan Thiên ngục - Thiên hoá - Thiên tặc - Nguyệt phá - Hỏa tai - Hoang vu - Phi ma sát - Ngũ hư	Yến an - Cát khánh - Nguyệt giải Nguyệt hỏa - Độc hoá - Ngũ quý - Nguyệt hư -	Hoàng ân - Tam hợp - Mẫu thương - Thiên đức hợp - Thiên hỷ - Đại hồng sa - Thổ cầm - Cô thần - Cửu không	
	THÌN * THIÊN LAO HẮC ĐẠO - Tam hợp - Thánh tâm Đại hao - Minh tinh (xấu) - Tứ thời đại mộ	THÁNG 11			DẬU * MINH ĐỨC HOÀNG ĐẠO Mẫu thương - Nguyệt tài - U vi tinh Địa phá - Thần cách - Hà khô - Cầu giáo - Tiểu hồng sa - Bể tiêu ngoại hãm - Lỗ ban sát - Không phòng
	MÃO * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên thành - Tuế hợp - Hoạt diệu - Dân nhật, thời đức - Thiên cương - Thụ tử - Tiểu hao - Địa tặc - Thiên lại - Nguyệt hình - Lục bất thành	Nguyệt ân: Giáp Nguyệt không: Bính Thiên phúc: Bính Nguyệt đức: Nhâm Thiên quý: Nhâm, quý Nguyệt đức hợp: Đinh	Trùng tang: Quý Trùng phục: Quý Thiên địa chính chuyển: Đinh Thiên địa chuyển sát: Tân Tứ thời đại mộ: Nhâm Âm thác, dương thác: Nhâm Con nước: 9 và 23	TUẤT * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO - Sinh khí - Đại hồng sa Vãng vong - Thổ kỵ - Hoang vu - Tứ thời cô quả - Quý khốc	
	DẦN * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO Dịch mã - Thiên mã - Lộc khố - Phúc sinh - Thiên phú . Sát chủ - Quả tú - Hoàng sa - Thổ ôn - Hoang vu	SỬU * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Lục hợp - Âm đức - Địa tài - Phổ hộ - Hội hộ Nhân cách - Tam tang - HUYỀN VŨ	TÝ * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO - Kính tâm - Thiên tài - Mãn đức tinh - Quan nhật Thổ phù - Thiên ôn - Nguyệt yếm - Đại họa Nguyệt kiến chuyên sát - Thiên địa chính chuyển - Thiên địa chuyển sát - Phủ đầu sát - Âm thác - Dương thác	HỢI * CHU TƯỐC HẮC ĐẠO Phúc hậu Tội chí	

	TỶ * NGỌC ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Mãn đức tinh - Thiên thành - Tam hợp Đại hao - Cửu không - Tội chí - Ly sàng	NGO * THIÊN LAO HẮC ĐẠO - Minh tinh- Giải thần - Kính tâm Hoang vu- Nguyệt hoá - Độc hoá	MÙI * HUYỀN VŨ HẮC ĐẠO Hoàng ân - Nguyệt giải - Phổ hộ Nguyệt phá - Lục bất thành- Thần cách	THÂN * TƯ MỆNH HOÀNG ĐẠO - Thiên quan - Mẫn thương - Ngũ phú - Phúc sinh - Hoạt diệu- Đại hồng sa Lôi công - Thổ cầm	
	THÌN * BẠCH HỔ HẮC ĐẠO Thiên mã Sát chủ - Nguyệt hư - Tiểu hao- Bãng tiêu ngọa hãm - Hà khô- Cầu giao - Tứ thời đại mộ	THÁNG 12			DẬU * CÂU TRẦN HẮC ĐẠO Mẫn thương - Tam hợp - Thiên hỷ Thụ tử - Cô thần - Thiên ngục-- Thiên hoá- Lỗ ban sát
	MÃO * KIM ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO - Thiên phú - Địa tài - Lộc khố- Dân nhất, Thời đức - Phi ma sát- Thổ ôn - Thiên ôn - Quả tú	<i>Thiên đức, nguyệt đức:</i> Canh <i>Nguyệt ân: Tân</i> <i>Thiên quý: Nhâm, Quý</i> <i>Nguyệt không: Giáp</i> Thiên đức hợp: Ất Nguyệt đức hợp: Ất Thiên xá: Giáp	<i>Trùng tang: Kỷ</i> <i>Trùng phục: Kỷ</i> <i>Thiên địa chính chuyên: Canh</i> <i>Tứ thời đại mộ: Nhâm</i> <i>Thiên địa chuyển sát: Nhâm</i> <i>Âm thác: Quý</i> <i>Dương thác: Quý</i> <i>Con nước: 7 và 21</i>	TUẤT * THANH LONG HOÀNG ĐẠO - Thánh tâm - Đại hồng sa- Thiên cương - Ngũ quý- Ngũ hư- Địa phá - Hoang vu- Nguyệt hình- Tứ thời cô quả- Quý khố	
	DẦN * KIM QUỶ HOÀNG ĐẠO - Tuế hợp - U vi tinh - Thiên tài Kiếp sát - Địa tặc Hoang vu	SỬU * CHU TƯỚC HẮC ĐẠO - Yến an Thổ phù - Thổ kỵ-- Vãng vong - Tiểu hồng sa- Tam tang- Không phòng	TÝ * THIÊN HÌNH HẮC ĐẠO Thiên xá - Lục hợp - Tục thể - Cát khánh - Thiên lai- Hỏa tai - Hoàng sa- Nguyệt kiến chuyên sát Thiên địa chính chuyên- Thiên địa chuyển sát- Phủ đầu sát	HỢI * MINH ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO Dịch mã - Phúc hậu - Sinh khí - Âm đức - Nguyệt tài - Ích hậu Nguyệt yếm- Đại họa - Thiên tặc- Nhân cách, Âm thác	

MÙA XUÂN

TÝ Sát ngày Bính Ngọ Vương nhật	NGỌ Ngũ hư Ly sào Cô thần Quả tú	MÙI Chính tứ phế ngày Canh	THÂN Thủ nhật
THÌN Lỗ ban sát Diêu sương	MÙA Dao chém sát Thiên đức Diêu sương	XUÂN	DẬU Vượng ngày Giáp Ất Thiên quý ngày Giáp Ất Thiên xá ngày Mậu Dần Thiên khôi tinh ngày Giáp Thìn
MÃO Sát sư ngày Đinh tỵ thuộc hoả vượng Chính tứ phế ngày Nhâm tỵ Tứ tuyệt trước Lập Hạ 1 Ngày Thiên địa chuyển sát ngày Bính- Mậu- Ngọ			TUẤT Lỗ ban sát Diêu sương TÝ Dao chém sát Thiên Đức Diêu sương
DẦN Tướng nhật	SỬU Trùng tam tang Tường nhật Tam tan		HỢI Đại sát Phúc hậu Thiên địa chuyển Quan nhật Niêm sát Vương nhật

MÙA HẠ

TÝ Lỗ ban sát	NGỌ Diêu sương	Không sài MÙI Phủ đầu sát Ngũ hư	THÂN Dân nhật
THÌN Thuộc Kim Vượng Sát sư ngày Tân Mùi Chính tứ phế ngày Giáp Dần Ngũ hư Thủ nhật Không sài Đại sát	MÙA Chính phương tứ phế ngày Giáp	HẠ Nguyệt đức Tường nhật	DẬU Vượng ngày Bính Đinh Thiên quý ngày Bính Đinh Thiên xá ngày Giáp Ngọ Khôi tinh ngày Canh Thìn
MÃO Tứ tuyệt trước Lập thu 1 ngày Tứ ly trước Thu Phân 1 ngày Thiên địa chuyển sát ngày Tân Quý Dậu			TUẤT Ngũ hư Sát chủ TÝ
DẦN Nguyệt đức Mẫu sương	SỬU Sát chủ Diêu sương Ly sào, Cô thần		HỢI Dao chém sát Thiên đức

MÙA THU

TỶ Ngũ hũ Thù nhật Đại sát	NGỌ Nguyệt đức	Quả tú MÙI Ngũ hũ Phúc hậu Vương nhật Thiên xá ngày Mậu	THÂN Phủ đầu sát Dậu nhật Vương nhật
MÃO Thiên địa chuyển sát ngày Nhâm Bính Tý	MÙA Sát chủ Ngũ hũ	THU Tam lang Diểu sương Trùng tang	DẬU Canh Tân Thiên quý ngày Canh Tân Thiên xá ngày Mậu thân Khôi tinh ngày Giáp tuất
THÌN Thuộc Thủy vượ ng Dân nhật Tướng nhật	Sát sư ngày Nhâm ngọ Chính tứ phế ngày Bính ngọ Tứ tuyệt trước Lập đông 1 ngày Tứ ly trước Đông Chí 1 ngày		TUẤT Dân nhật Tướng nhật
DẦN Tam tang Trùng tang Không sái	SỬU	TỶ Ngũ hũ Tướng nhật	HỢI

MÙA ĐÔNG

		MÙI Dao chém sát Thiên đức Mẫu sương	THÂN Lỗ ban sát Mậu sương Tướng nhật
		ĐÔNG Ngũ hũ Cô quỉ Ly sào	DẬU Nhâm quý Thiên quý ngày Nhâm Quý Thiên xá ngày Giáp tý Khôi tinh ngày Canh Tuất
			TUẤT Thiên địa Thiên xá Chuyển sát (ngày Giáp) Ngày Nhâm-Bính - Tý
		TỶ Niêm sát Phúc hậu	HỢI

7.3- Chọn ngày động thổ

Theo truyền thuyết thì lễ động thổ do Hán Vũ Đế lập ra. Không mang hình thức phức tạp như trước kia mà lễ động thổ ngày nay được tiến hành trước khi xây cất 1 công trình. Người ta quan niệm rằng: Trên có Ngọc Hoàng, dưới sông có Hà Bá, đất đai thì có Thổ thần, do đó muốn xây dựng bất cứ công trình nào trên đất cũng cần xin phép và được sự đồng ý của **Thổ thần**.

Nên tránh các ngày có sao: Thổ cấm, Thổ kỵ, Ly sào, Nguyệt kiến, Nguyệt phá, Sát chủ, Hoang ốc, Trục phá, Trục trù.

7.4- Ngày khởi công - Định ,Thành, Khai nhật (trong tính ngày trực theo tiết khí... thập nhị tri:

“KIẾN, TRỪ, MÃN, BÌNH, **ĐỊNH**, CHẤP, PHÁ, NGUY, **THÀNH**, THU, **KHAI**, BẾ”

Sau tiết ...

	GIÊNG	HAI	BA	BỐN	NĂM	SÁU	BẢY	TÁM	CHÍN	MƯỜI	MỘT	CHẤP
	Lập xuân	Kinh trập	Thanh minh	Lập hạ	Mang chủng	Tiểu thử	Lập thu	Bạch lộ	Hàn lộ	Lập đông	Đại tuyết	Tiểu hàn
KIẾN	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu
TRỪ	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần
MÃN	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão
BÌNH	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn
ĐỊNH	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ
CHẤP	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ
PHÁ	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi
NGUY	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân
THÀNH	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu
THU	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất
KHAI	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
BẾ	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý

7.5- Chọn ngày dựng cột, bắc xà

Ngày/tháng

Giáp Tý 3,4,7,10	Ất Sửu 4,8	Bính Dần 2,4,6,11,12	Đinh Mão 4	Mậu Thìn 7,8	Kỷ Tỵ 3,8,12	Canh Ngọ 1,4,9,10	Tân Mùi 2,5,7,10	Nhâm Thân 11	Quý Dậu 10
Giáp Tuất 5,9	Ất Hợi 2,6	Bính Tý 3,4,7,10	Đinh Sửu 4	Mậu Dần 2,6,11	Kỷ Mão 4	Canh Thìn 7	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ 1,4,9,10	Quý Mùi 2,5
Giáp Thân 3,6,11,12	Ất Dậu 1,10	Bính Tuất	Đinh Hợi 2,6	Mậu Tý	Kỷ Sửu 8	Canh Dần 11	Tân Mão 4	Nhâm Thìn 8	Quý Tỵ 8,12

				3,4,7,1 0					
Giáp Ngọ 1,4, 9,10	Ất Mùi 2,5,10	Bính Thân 3, 6,11,12	Đinh Dậu 10	Mậu Tuất 5	Kỷ Hợi 2	Canh Tý 3,4,7,1 1	Tân Sửu	Nhâm Dần 11,12	Quý Mão 4
Giáp Thìn 11	Ất Tý 3,12	Bính Ngọ 1,4,9	Đinh Mùi 2,5,7,1 0	Mậu Thân 11	Kỷ Dậu 1,10	Canh Tuất 5,9	Tân Hợi 2,6	Nhâm Tý 3,7,10	Quý Sửu 1
Giáp Dần 2,5, 6,12	Ất Mão 4	Bính Thìn 7,8,11	Đinh Tý 8	Mậu Ngọ 4	Kỷ Mùi 2,5,7	Canh Thân 6,11,12	Tân Dậu 10	Nhâm Tuất 5	Quý Hợi 8

7.6 -Chọn ngày cất nóc, đổ mái nhà, lợp nhà

Bên cạnh việc chọn ngày đẹp, giờ đẹp để tiến hành làm nhà, xây cất nhà, cũng cần quan tâm đến việc chọn ngày giờ đổ mái. Chọn ngày có các sao tốt tương tự như ngày động thổ nhưng kỵ các sao: Thiên hỏa, Hỏa tai, Nguyệt phá, Trục phá.

Ngày/tháng:

Giáp Tý 3,4,7,10	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão 4	Mậu Thìn 7	Kỷ Tý 5	Canh Ngọ	Tân Mùi 2,5,10	Nhâm Thân	Quý Dậu 1,3,6
Giáp Tuất 6,9	Ất Hợi	Bính Tý 3,4,5,7	Đinh Sửu 4	Mậu Dần	Kỷ Mão 4,9	Canh Thìn	Tân Tý	Nhâm Ngọ	Quý Mùi 2
Giáp Thân 2,3,11	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý 3,4,7,10	Kỷ Sửu	Canh Dần 2, 5,8,11	Tân Mão 4,9	Nhâm Thìn	Quý Tý
Giáp Ngọ	Ất Mùi 10	Bính Thân	Đinh Dậu 1,3,6	Mậu Tuất 9	Kỷ Hợi 2,8	Canh Tý 3,10	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão 4,9
Giáp Thìn	Ất Tý	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân 2	Kỷ Dậu 1	Canh Tuất	Tân Hợi 2,6,8,9	Nhâm Tý 10	Quý Sửu
Giáp Dần	Ất Mão 4	Bính Thìn 7	Đinh Tý	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi 2	Canh Thân 6,11	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi 9

Sau tiết ...

	GIÊNG	HAI	BA	BỐN	NĂM	SÁU	BẢY	TÁM	CHÍN	MƯỜI	MỘT	CHÁP
	Lập xuân	Kinh trập	Thanh minh	Lập hạ	Mang chủng	Tiểu thử	Lập thu	Bạch lộ	Hàn lộ	Lập đông	Đại tuyết	Tiểu hàn
ĐINH	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tý
THÀNH	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tý	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu

KHAI	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
------	----	-----	-----	-----	------	----	-----	-----	------	-----	------	-----

Kỵ: Thiên hỏa, Hỏa tinh và ngày Ngọ. Ngày Bát phong: Đinh: sửu, mùi. Giáp: thân, tuất, thìn, dần. Kỷ dậu, Tân mùi.

Nên: Chọn các ngày sau đây mà dùng (các tháng y nhau): 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28.

7.7 -Ngày nhập trạch là ngày dọn đến 1 ngôi nhà mới, có thể là nhà mới xây hoặc mới mua

Ngày nhập trạch nên là ngày có các sao: Thiên âm, Thiên hỷ, Thiên giải, Nguyệt tài, Thiên phú. Các sao tốt được chọn giống như với ngày Động thổ tránh các ngày có sao Chu tước, hay ngày Hắc đạo

Kỵ ngày mùng 1 và 25.

Muốn về nhà mới, khi tìm được ngày tốt rồi, ta nên theo đồ dưới đây mà điểm, nếu cũng tốt thì lại càng hay, bằng như xấu ta nên chọn ngày khác cho được toàn khiết, trường hợp kẹt lắm không có ngày thì tạm dùng cũng được.

Khi điểm nếu gặp: Thanh, Đạo, Thạnh, Phúc, Nguyệt, Lương, Ngọc, Tài là tốt. Còn gặp: Đồ, Tùng, Vong, Ly, Hao, Vũ, Hình là xấu.

Tháng đủ khởi THANH thuận hành, tháng thiếu khởi NGỌC nghịch hành.

Muốn cho dễ nhận chữ tốt, xấu, ta dùng khoanh trống (o) để chỉ chữ khiết, điểm đen (●) để chỉ chữ hung.

Từ tháng giêng đến tháng mười hai người ta chỉ dùng một đồ biểu mà thôi.

Vậy hãy theo đồ biểu ở trang sau mà tính.

Đồ biểu tính ngày về nhà mới

Cũng nên tránh ngày KHƯỚC SÁT và BÌNH ĐẦU SÁT vì tu tạo kỵ khắc thiê.

KHƯỚC SÁT: Ất tỵ, Đinh tỵ và Kỷ tỵ.

BÌNH ĐẦU SÁT: Là 4 cung đi liền nhau ví như: Năm GIÁP, tháng ẤT, ngày BÍNH, giờ ĐINH.

Coi ngày làm mả sửa mả lại phải tránh thêm ngày Đại không vong và Tiểu không vong (trong lịch Tàu có ghi sẵn).

I- Các giờ trong ngày:

8.1 Giờ tốt

Giờ Ngày	Giờ Tý	Giờ Sửu	Giờ Dần	Giờ Mão	Giờ Thìn	Giờ Ty	Giờ Ngọ	Giờ Mùi	Giờ Thân	Giờ Dậu	Giờ Tuất	Giờ Hợi
Giáp	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
Kỷ	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
Canh	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Bính	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
Tân	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Đinh	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
Nhâm	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Mậu	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Quý	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi

8.2 CÁC GIỜ TỐT THEO NGUYỆT LỆNH VÀ 12 SAO

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hàn	ÁM	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý
Cốc	ÁM	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu
Thời	MINH	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần
Huyền	MINH	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão
Định	ÁM	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn
Noãn	MINH	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty
Hối	MINH	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ
Song	ÁM	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi
Hiếu	MINH	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân
Sắc	ÁM	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu
Tu	ÁM	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất
Minh	MINH	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi	Sửu	Mão	Ty	Mùi	Dậu	Hợi

Phần II

THỦ TỤC LÀM NHÀ

TÂY UẾ-ĐIỀN HOÀN LONG MẠCH

LỄ VẬT

Lễ vật dùng Tạ Thổ

5 miếng thịt lợn có da, chia ra 5 phần . (mỗi phần khoảng 1 lạng)
5 quả trứng chia 5 phần
5 trái lê hay quýt chia 5 phần
25 cục đường thẻ chia 5 phần
25 hạt táo đỏ chia 5 phần (táo tàu khô)
25 hạt đậu phộng chia 5 phần
5 bộ giấy áo quần ngũ sắc chia 5 phần
5 bộ giấy tiền vàng bạc, chia 5 phần
5 thẻ tre dài 1 m để làm sắc lệnh chẩn
5 thẻ hương
1 can 10-20 lít nước sông Linh cảm

Khi cúng vái long thần thổ địa ngũ giác chư thần

Bộ lễ vật giấy áo vàng để trung ương (giữa nhà/nghĩa địa)
Bộ lễ vật giấy áo xanh để góc đông nam
Bộ lễ vật giấy áo đỏ hay tím để góc tây nam
Bộ lễ vật giấy áo trắng để góc hướng tây bắc
Bộ lễ vật giấy áo đen để góc hướng đông bắc
Trung cung cúng trước kế mấy chỗ kia, mỗi chỗ

Chuẩn bị phù thức:

Có 5 đạo bùa dùng để trấn giữ long mạch sau khi đã hàn lại. Gồm:

Phương đông có viết chữ: Ngọc Hoàng sắc hạ Đông phương già la thanh tướng thái ất trường sinh phụng trấn.

Phương nam có viết chữ: Ngọc Hoàng sắc hạ nam Phương xích tướng Bá Thiên La phụng trấn.

Phương tây có viết chữ: Ngọc Hoàng sắc hạ tây phương bạch tướng Bạch Xà Thiên Sắc phụng trấn.

Bắc phương có viết chữ: Ngọc Hoàng sắc hạ bắc phương hắc tướng Già La Lý Nghĩa Thái phụng trấn.

Trung Ương có viết chữ: Ngọc Hoàng sắc hạ trung ương hoàng tướng Già la Thiên La Khanh Kim Thân phụng trấn.

Cách luyện bùa:

Bùa viết trên giấy vàng, viết bằng mực đen. Bàn vẽ bùa quay về hướng đông. Khi mặt trời vừa nhô lên thì viết, mỗi đạo bùa thì tay viết miệng niệm chú:

Thiên địa tự nhiên. Uế khí tiêu tán. Đồng trung huyền hư. Hoảng lãng thái nguyên.

Bát phương uy thần. Sử ngô tự nhiên. Linh bảo phù mệnh. Phổ cáo cứu thiên.

Can la đất la. Đồng cương thái huyền. Trảm yêu phục tà. Sát quỷ vạn thiên.

Trung san thần chú. Nguyên thủy ngọc văn. Trì tụng nhất biến. Khước quỷ diên niên.

Ấn hành ngũ nhạc. Bát hải tri văn. Ma vương thúc thủ. Đãi vệ ngã hiên.

Hung uế tiêu tán. Đạo khí trường tồn. Cấp cấp như luật lệnh.

Lưu ý: Phải tập luyện thật thành thục trước khi vẽ bùa, khi vẽ thì lấy 1 hơi dài, chỉ đọc câu thần chú qua kẽ chân răng.

Vẽ xong thì sắp bùa lên bàn thư chữ "án" bằng Phạn tự, chữ "tốc nhập" bằng Hán tự, thư tứ tung ngũ hoành.

thư xong đọc thần chú Kim quang:

*thiên địa huyền tông。 vạn khí bốn căn。 nghiêm tu vạn kiếp。 chứng ngộ
thần thông。
tam giới nội ngoại。 duy đạo độc tôn。 đỉnh hữu kim quang。 phúc ánh ngộ
thân。
thị chi bất kiến。 thính chi bất văn。 bao la thiên địa。 dưỡng dục quần
sinh。
thụ trì vạn biến。 thân hữu quang minh。 tam giới thị vệ。 ngũ đế ti
nghênh。
vạn thần triều lễ。 dịch sử lô đình。 quý yêu tang đảm。 tinh quái vong
hình。
nội hữu phích lịch。 lô thanh ẩn minh。 đồng tuệ giao triệt。 ngũ khí đẳng
đẳng。
kim quang tốc hiện。 phúc hộ chân nhân。 cấp cấp như ngọc hoàng quang
giáng luật lệnh。*

Sau khi chuẩn bị bùa thì phải lấy Đất Ngũ Linh Thổ.
Đất Ngũ linh thì lại có thể thay đổi tùy theo xu thế phát triển của chủ nhà,
nhưng nhất thiết phải là 5 thứ đất.

Nếu chủ nhà đang làm quan thì gồm 5 loại sau: Đất cơ quan, đất dọc đường
lên, đất chùa, đất đền quan lớn, đất chỗ giao nhau của đại lộ.

Nếu chủ nhà là người Kinh doanh thì: Đất chợ, đất ngã ba sông, đất chùa,
đất đền, đất ngã ba đường.

Nếu chủ nhà là người làm công tác có học vị thì: Đất nhà thầy, đất chùa, đất
đền, đất cơ quan, đất dốc lên.

Nếu chủ nhà làm nông nghiệp: Đất chùa, đất đền, đất ruộng, đất gò, đất chợ.

....

Sau khi chuẩn bị đất Ngũ Linh thì chuẩn bị chỉ ngũ sắc: xanh - đỏ - trắng -
tím - vàng

Chuẩn bị 13 cây kim khâu.

Chuẩn bị nước Tam Giang Thủy.

Chuẩn bị Thất Bảo (có bán sẵn ở các tiệm phong thủy)

Chuẩn bị 1 miếng vàng thiệt.

Chuẩn bị nước ngũ vị gồm: Đinh hương, quế, hồi, ngũ vị tử, long não chuẩn bị gói thuốc xông và muối hột.

và cuối cùng chúng ta cần chuẩn bị những thức cần thiết nhất là: Chu Sa - Thần sa - Hùng hoàng - A Giao - A Ngủy.

lưu ý: A Ngủy có 2 loại, loại bán trong tiệm thuốc bắc là loại nhựa cây A Ngủy ra. Loại A Ngủy của thầy pháp thì là loại chảy từ mỡ động vật và tinh chất long mạch trong các mạch đất trên núi.

Nấu nước tam giang thủy với ngũ vị hương, lấy 1 phần trộn với đất ngũ linh thổ rồi nặn thành hình 1 con rùa. cho miếng vàng vào đầu rùa, cho các thức khác vào lòng rùa. cài 1 cây kim dọc theo mai rùa, còn lại cài mỗi bên 6 cây kim. Sau khi khai quang thì, chôn rùa vào giữa nhà cùng với bùa trung ương, 4 góc chôn 4 bùa cho 4 hướng.

BÀI CÚNG

KHOA LỄ ĐIỀN HOÀN ĐỊA MẠCH

Chí tâm đỉnh lễ, Cửu Thiên Thượng Đế, thánh chúng, cấp chư tư Minh Vương Chúa Tể, Địa Vương Thần Kỳ. Nhất tâm kỳ khẩn đảo, tận giáo ty, bảo an các sứ cộng thù phúc, lý vĩnh dân, đại đức Bản Tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát ma ha tát.

*Khâm duy ngũ phương địa hoàng kỳ.
Thần trí khô khô bất khai ngôn.
Lục biến cửu châu, huy tự chu,
Công bằng ngũ nhạc, chấn ngôn lưu,*

*Sơn xuyên sứ sứ hồi thiên chúng,
Phong thủy trùng trùng đáo hải môn.
Ngã đẳng thiên thành cung kính lễ.
Hoàng thù phúc lộc vĩnh trường tồn.*

Thiết dĩ: pháp duyên khai thuyết cung nghinh, hiền thánh dĩ lai lâm, địa trạch an bài, thảo đẳng yên phân nhi thủy thích, tu bằng pháp thủy, quán sái hương duyên, phù thủy giả, phái xuất khô tào, nguyên lưu vạn lý, đông tây trạch thủy, đắc lợi lạc, phương ngưng đại thiếu chiêm nhu, các các ư sứ sứ, giáo hữu tịnh uế chân ngôn cần đương trì tụng.

*Hiệu hiệu kim ba hàm ngọc trấn,
Phi phi bạch lộ tán quỳnh tương,
Kim bằng bí ngữ lực gia trì,
Biến sái đàn tràng tất thanh tịnh,
Án bắc đế tra, thiên thần la na, địa tra sa hạ (7 lần)*

Thiết dĩ: hồng môn vĩ phán, bản cổ sơ khai, định tam tài tạo hóa chí công, chu toàn ngũ thể, bấm nhất khí huyền linh chi diệu, la liệt vạn phương, thế giới tự nhiên, các định dĩ thế hữu thường tuyên, bất nhi chú sái ư kim niên, nguyệt, nhật, thời, hoặc kiến hoặc doanh, sự kinh động địa lũy thế vu kim, khủng nhân sở phạm, dục miễn an toàn phong thổ, cung tạ bồi hoàn, nhưng kỳ khẩn đảo thần công, cánh kỳ ư bảo hiệu.

Cung văn: giới hương giữ tuệ hương, giải thoát, giải thoát, chi kiến hương, quang minh vân đài biến pháp giới, phụng hiến gia trì lực, tín niệm, tín thành tự, lực hàm dung, mãn túc ư trần thiếu, dĩ thử bảo hương, phổ đồng cúng

dàng, lục tự tại, ngũ nhân chủ chi, đại thánh đại từ, u minh giáo chủ Bản Tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát, bảo hương cúng dàng, Ngũ Phương Ngũ Đế, Hậu Thổ Nguyên Quân, Ngũ Nhạc Ngũ Thiên Thánh Đế Quân, Đương Phương Địa Thổ Địa Thổ Phù Thần Kỳ, Nhị Thập Tứ Khí Thần Quan, Nhị Thập Tứ Long Địa Mạch Thần Quan Nhị Thập Địa Mạch Thần Quan, Nhị Thập Tứ Sơn Địa Mạch Thần Quan, Nhị Thập Tứ Hướng Địa Mạch Thần Quan, Nhị Thập Tứ Địa Mạch Thần Quan, Nhị Thập Tứ Hướng Địa Mạch Thần Quan, Thanh Long Bạch Hổ, Thổ Bá Thổ Hầu, Thổ Mãnh Thổ Trọng Thần Quan, Thổ Phụ Thổ Mẫu, Thổ Lương Thổ Gia Thần Quan, Thổ Tử Thổ Tôn Thổ Khảm Thổ Khôn Thần Quan, Thổ Kỳ Ngũ Phương Bát Quái, Chư Thần Gia Quyển Thuộc Kim Niên Hành Khiển Chí Đức Tôn Thần, Đương Cảnh Thành Hoàng, Bản Thổ Đại Vương, nhất thiết uy linh, chư tư bộ chúng.

+ Cẩn tấu Việt Nam Quốc, Hà Tĩnh tỉnh,.....huyện xã thôn.
Kim vi đệtuế thứ, chi niên nguyệt nhật
Tín chủ:.....

Kim bằng tốc xuất, sở bị địa kỳ, địa mạch chi chung, dục miễn an ninh, cung trần lễ tạ. Thủ kim nguyệt cát nhật, kiên thỉnh pháp sư tụng vu nghĩa địa chi gia xứ. Tu thuyết lễ hoàn địa mạch, pháp đàn nhất duyên nhi tán, cung y khoa giáo pháp sự tuyên hành, ngưỡng vọng thánh đức dĩ lai lâm, biểu hương chuyễn nhi đạt tím, giáo hữu nhiên hương chân ngôn cần đương trì tụng.

Dĩ thử linh thanh thần triệu thỉnh.
Thổ thần địa mạch nguyện văn tri
Ngưỡng bằng tam bảo lực gia trì
Nguyện tại kim thời lai giáng phó.
Nam mô bộ bộ đế ly đá ly đất đá nga đá da (7 lần)

Thượng lai triệu thỉnh chân ngôn tuyên dương di kinh chúng đẳng kiên thành kiên thân bái thỉnh.

*** Nhất tâm phụng thỉnh:** Chu toàn ngũ nhạc, thành duy vạn vật cho cơ, biến lịch chư tư, thiện sát nhất thời chi sự.

Duy nguyện: ngũ phương ngũ đế, hậu thổ nguyên quân, ngũ nhạc thượng thiên thánh đế, phổ thí uy đức, đại bá âm quang, giáng phó đạo tràng chứng minh công đức.

*** Nhất tâm phụng thỉnh.** Uy thừa thượng đế. Vận danh thái chi hành niên, chức trưởng nhân gian, sát tai tường phụng sự, cung duy đương niên thái tuế, mỗ vương hành khiển. Chí đức tôn thần, đương cảnh thành hoàng lý vực chân quân nhất thiết đẳng chư bộ chúng.

Duy nguyện: sâm sâm vũ chí, tế tế phong lai, giáng phó hương duyên chứng minh công đức, *hương hoa thỉnh.*

Thượng lai triệu thỉnh chan ngôn tuyên dương dĩ kính an tọa chân ngôn cần đương trì tụng.

Thánh chúng tòng không lai giáng hạ

Khoát nhiên tâm nguyệt thính gia đà

Tùy phương ứng hiện biến quang minh.

Nguyện giáng hương duyên an vị tọa

Án tra ma la sa ha (7 lần)

* Phục vọng: thánh hiền tuy viễn, phạm hữu cảm dĩ giai thông, u hiển nhược thù, cố hà cầu nhi tất ứng, nguyện giám đàn thành, thượng hương phụng hiến. Giáo hữu biến thực chân ngôn cần đương trì tụng.

(Chú biến thực phổ cúng dàng cam lộ thủy)

Nam mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha. Án, Tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, Ta bà ha.(3)

Cung duy tôn thần lân mẫn, hoàng thủy bảo dưỡng chi ân, tỷ khốn canh hoàng tại nương cầu chí khẩn, tư bằng thánh đức, tuyên diễn chân ngôn, ngưỡng hồng đạt dục, phủ nguyện, chứng minh ư vi diệu, dục sử phương ngưng chi tĩnh, khu ương diệt chi tai hung, cách kỳ nhân vật bình an, thần minh bảo hộ, thổ phủ hưng long. Địa mạch phong đẳng, cánh bình phục, toàn an chi nghĩa, toàn an chi nghĩa, sơn xuyên chung thấu, ích tướng sinh hàm lợi, chi nguyện âm âm giao thái, chi kỳ. Tứ thời long long hồi hoàn thiện, thu vĩnh ẩm, kim thời lễ tạ sở hữu sở văn cần đương tuyên đọc.

(Đọc xong - tụng bát nhã hồi hương)

Quán-tự-tại Bồ-tát, hành thâm Bát-nhã Ba-la mật-đa thời chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệt phục như thị. Xá-Lợi-Tử! Thị chư Pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức;

vô nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới, nãi chí vô ý-thức-giới, vô vô-minh diệt, vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề tát-đỏa y Bát-nhã-ba-la mật-đa cố tâm vô quái-ngại; vô quái-ngại cố vô hữu khủng-bố; viễn ly điên-đảo mộng tưởng; cứu cánh Niết-bàn, Tam-thế chư Phật, y Bát-nhã-ba-la mật-đa cố đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại-thần chú, thị đại minh chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư. Cố thuyết Bát-nhã-ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết: Yết-đế Yết-đế, Ba-la yết-đế, Ba-la-tăng yết-đế, Bồ-đề. Tát bà ha.

Thượng lai văn số tuyên đọc dĩ chu. Số đối đàn tiền phó lô thiên hóa.

Kim hữu thổ sinh khí thổ phù thiếu hàm thi trung phật tiền, tam kim chi hộ thần linh thổ đồng, tam chi thủy hữu trử đăng đăng tô trà, đăng bử ngũ đắc dĩ tướng thông, tu luyện kim khí thành linh khí. Bồi hoàn vi tân, cự tinh, duy nguyên, hoa cái sơn thần, thổ địa đẳng thần tu tai báo ứng cấp sắp như luật lệnh.

Đông phương già la thanh tướng thái ất trường sinh điền hoàn thổ pháp, tróc quỷ diệt hình cấp cấp sa hạ.

Nam phương già la, xích tướng bá thiện la, điều hoàn thổ pháp phục quỷ diệt hình cấp cấp sa hạ.

Tây phương già la, bạch xà thiên sắc, khu thổ điền hoàn thổ pháp phục quỷ diệt hình cấp cấp như luật lệnh.

Bắc phương già la, lý nghĩa thái tướng quân, điền hoàn thổ pháp phục quỷ diệt hình cấp cấp như luật lệnh.

Trung ương già la, thiền khánh kim thân, điền hoàn thổ pháp phục quỷ diệt hình cấp cấp da hạ.

Nam mô tiêu tai giáng kiết tường bồ tát. Ma ha tát (3 lần)

SỐ ĐỀN HOÀN LONG MẠCH

Kim nhật tú lệ sám tạ. Điền hoàn long mạch thiết niệm giám bội khai xuyên hoặc giá minh phạm ư phương ngộ cự sứ hành tạng tinh tự tạo dung

Tuân phụng

Như Lai di giáo đệ tử thần khế thu khẩu thủ bách bách cần phụng vị

Việt Nam quốc, Ư vulinh đàn,

thượng phụng Phật cúng giành đương thiên tiến lễ sám tạ. Điền hoàn long

mạch kỳ phúc duyên sinh trường thọ sự . Kim thần tín
chủ.....

Tình chỉ kỳ vị; Kim nhật thủ lễ sám tạ điền hoàn long mạch thiết niệm giám
bội khai xuyên hoặc giá minh phạm ư phương ngộ cự sứ hành tạng tinh tự
tạo dựng mộ phần

Ư ượng ngoại tư tướng lễ tạ cần dụng điền hoàn khất kỳ bình hậu ư cố
nguyên nguyện bảo gia môn nhi cát khánh

Cần thủ kim nguyệt. Nhật kiên thỉnh pháp sư tụng vu sớ. Tu thiết lễ tạ hoàn
thổ pháp đàn nhất diên nhi tán. Kim tắc pháp diên dĩ biện. Khoa phạm
tuyên hành cần cụ sớ văn phụng thượng.

Nam mô đại thánh đại từ đại bi địa tạng vương bồ tát. Liên toạ hạ

Ngũ hành ngũ đế hậu thổ nguyên quân. Toạ hạ

Đương xứ thổ địa thần kỳ nhất thiết bộ giá. Vị tiền

Thánh từ đồng thủy chiếu giám. Phục nguyện

Địa kỳ điện vi thổ phủ hoàn phương sơn nhạc phú khí dĩ phong long địa
mạch hoàn nguyện nhi vĩnh cô tứ thần bình liệt bát tướng thu tạng.

Hậu ấn phúc mộ trường thủy đức nghiệp.

Gia môn hưng vượng bản mệnh bình an

Đẫn thần hạ tình vô nhậm khích thiết bình doanh chi chí cần sớ

Thiên vậnniên..... nguyệt..... nhật

Thần khấu đầu bách bái thượng sớ

SẮC



玉皇敕下東方迦羅



玉皇敕下南方迦羅



玉皇敕下西方迦羅



玉皇敕下北方迦羅



玉皇敕下中央迦羅

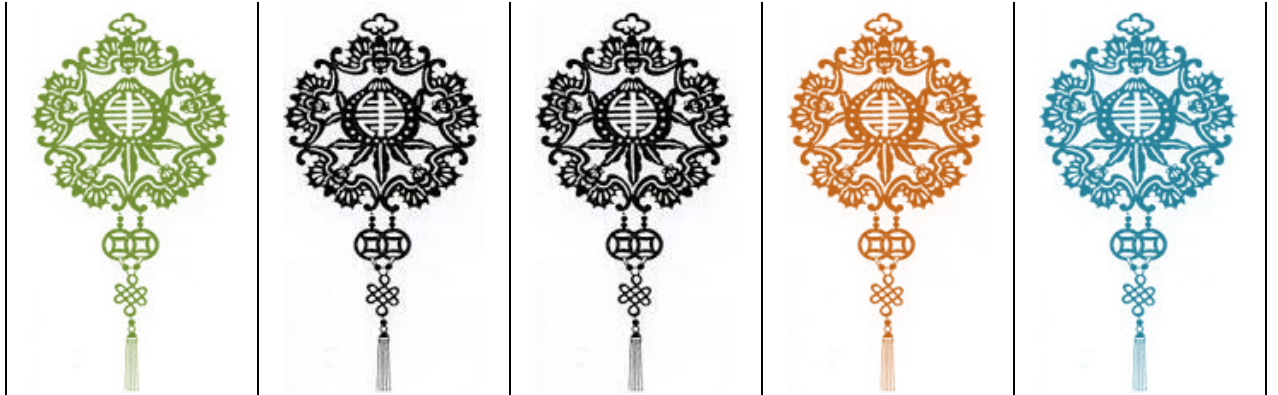
青將太乙長生奉鎮

監赤將百善羅奉鎮

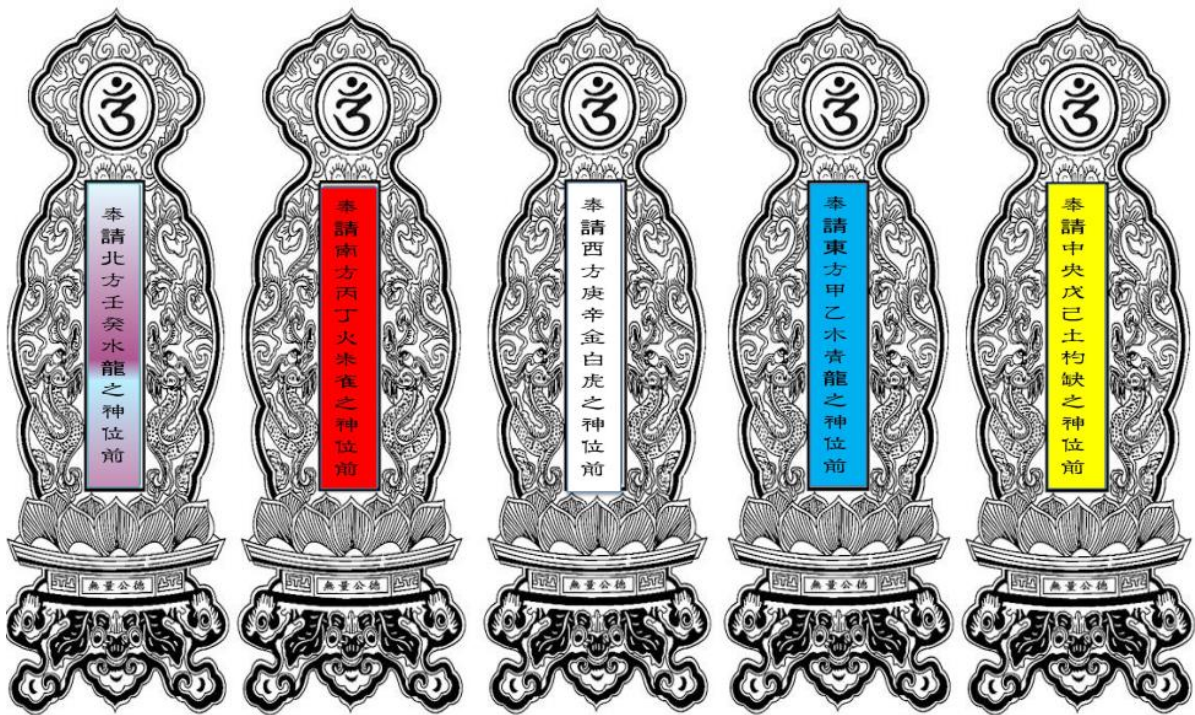
白將白蛇天色奉鎮

黑將里義太將軍奉鎮

黃將天羅鏗金伸奉鎮



ĐỘNG THÔ BÀI VỊ



LỄ VẬT

1. Trái cây	<i>ngũ quả/ phần</i>	
2. Hoa lay ơn	<i>bó</i>	
3. Nhang rồng phụng	<i>bộ</i>	
4. Đèn cầy	<i>ly</i>	
5. Gạo hũ	<i>hũ</i>	
6. Muối hũ	<i>hũ</i>	
7. Trà pha sẵn	<i>ly</i>	
8. Rượu chai	<i>chai</i>	
9. Nước chai	<i>chai</i>	
10. Tiền vàng	<i>bộ</i>	
11. Bánh kẹo	<i>phần</i>	
12. Trầu cau	<i>phần</i>	
13. Chè	<i>chén</i>	
14. Xôi	<i>đĩa</i>	
15. Cháo trắng	<i>chén</i>	
16. Bộ tam sên	<i>bộ(1 cua/ hoặc 5 tôm, thịt, trứng luộc)</i>	
17. Gà luộc	<i>con</i>	
18. Heo quay	<i>con / đĩa</i>	
19. Bánh bao	<i>đĩa</i>	
20. Ly sứ		
21. Chén sứ		
22. Đũa		
23. Muỗng sứ		
24. Bình hoa		
25. Lư nhang		

KHOA CÚNG THỔ CÔNG

Thần linh thổ địa tảo phủ hương phụng hiến, cúng giàng. Chư Thánh chúng, tín chủ đầu thành, nghênh triệu thỉnh. Nguyên kỳ thần lực giáng hoa duyên.

Các chân phương ngung sinh hoan hỷ. Khuôn phù gia trạch bảo bình an, phúc thọ vĩnh miên miên,

Thiết dĩ đàn duyên sơ khảo, tịnh cúng phu trần, duy bài biện chi trang nghiêm, khứng vãng lai chi uế chược, bằng tư pháp thủy phần bỉ trần lao, tịnh uế chân ngôn, cần đương trì tụng.

*Như Lai công đức thủy, danh vị cam lộ tương
Nhất trích sái đàn tràng, cấu uế tất thanh tịnh
Ấn bắc để tra, thiên thần la na địa tra sa hạ (7 lần)*

Thiết dĩ thần chủ, cung bằng ngũ phận dĩ tiềm thông, nhất khí huyền hư dụng cách, nhất tâm nhi biến đạt phu trần đẳng chúc lễ sám thổ công, dục môg thần lực dĩ hộ trì, ngưỡng vọng uy linh nhi chứng giám.

Tư thời,..... tiết hữu, *tín chủ* Tinh kỷ trì vì, doanh cư thử trạch, mỗi niệm quá du, vũ cử tá doanh, vi can cấm kỵ, thức khởi công động thổ; xúc phạm thần minh, viên trần nương sấm, chi nghi, ngưỡng tích bình an chi khánh.

Do thị kim nguyệt cát nhật, thỉnh mạnh mạnh pháp sư tựu vu gia sử, tu thuyết kỳ an khánh trạch, lễ sám thổ công, thỉnh phúc duyên sinh pháp đàn, nhất duyên tuân hành khoa phạm, tuyên diễn chân ngôn, nguyện tứ uy quang, giảng lâm pháp tịch, triệu thỉnh chân ngôn cần đương trì tụng.

*Dĩ thử linh thanh thân triệu thỉnh
Ngũ phương địa chủ nguyên văn tri
Nguyện bằng tam bảo lực gia trì
Nguyện tại kim thời lai giang phó
Nam mô bộ bộ đế ly giá ly đá ly đất đa nga đá gia (7 lần)*

Thượng lai nghinh thỉnh chân ngôn tuyên dương dĩ kính chúng đẳng kiến thành thượng hương nghinh thỉnh.

* **Nhất tâm phụng thỉnh.** Mệnh thừa Thiên Đế, trực thuộc địa tư, bảo phương ngung, trạch sả chi chung. Chấn cương giới môn đình chi ngoại. Cung duy Ngũ Phương, Ngũ Đế, Vạn Phúc phu nhân cấp bản xứ thần linh tảo phủ, tinh chư quyền thuộc.
Duy nguyện bất chi kiến thỉnh, lân mẫn hữu tình chứng minh công đức.

* **Nhất tâm phụng thỉnh.** Trục tư địa chủ, vị trấn phương ngung, kỷ cương lý chi ngũ phân, tác thần kỳ chi chúa tể.

Cung duy:

Đông phương, cứu di quân;

Nam phương bất luyện quân;

Tây phương lục tuất quân,

Bắc phương ngũ hóa quân,

Trung ương tam thái quân.

Thổ hầu thổ bá quân, thổ mãnh, thổ trọng, thổ khảm, thổ khang, thổ lý, thổ tôn, thổ gia quyền thuộc.

Duy nguyện, đồng thừa pháp lực, vận thần uy, đáng phó hương duyên thụ tư cúng dàng.

* **Nhất tâm phụng thỉnh.** Quyền tư lục hợp vị liệt tứ duy, khứ hung ác chi tha phương, tập chinh tường ư thủ giới, Cung duy ngũ phương thổ công, địa chủ thổ phủ thần kỳ, Thanh Long Bạch Hổ, Chu Tước, Huyền Vũ thần, cứu cung bách quái, tảo thủ thần linh, cấm kỵ đảng thần nhất thiết uy linh.

Duy nguyện, uy quang bất sả, giáng phó đàn duyên thụ tư cúng dàng.

Thượng lại triệu thỉnh trần ngôn tuyên dương dĩ kính, giáo hữu an tọa chân ngôn trì tụng.

Thần đức tòng không lai giáng hạ

Khoát nhiên tâm nguyệt thính gia đà

Tùy phương ứng hiện biến quang minh

Giáng phó gia đường /hương đàn an vị tọa,

Ấn tra ma sa hạ (3 lần)

- An tọa chân ngôn tuyên dương dĩ kính, năng linh cúng cụ, nhất nhất vô biên, thượng hiển thánh từ, phủ thủy lập thụ, tán chủ kiến thành thượng hương phụng hiến.

chú biến thực cam lộ :.

Nam mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha. Án, Tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, Ta bà ha.

Vô lượng nhân duyên nhất thiết cúng

Phổ thí pháp giới chư quần sinh

Nhược dĩ hương hoa phổ cúng dàng,

Duy năng thành tựu phật công đức.

* Án nga nga năng tam bà phiệt nhật la hộc (3 lần)

Thượng lai hiển cúng công đức, dĩ chu kim hữu số văn cần đương tuyên đọc (đọc số xong).

Thượng lai văn số tuyên đọc dĩ chu, ngưỡng vọng thán từ phủ thủy thái lập, kim hữu số văn dụng bằng hỏa hóa.

Án bạt đà lô lê chi linh sa hạ (7 lần)

(Nếu cúng dàng được thì thắp thêm năm ngọn đăng. Nếu không cúng thì lễ tạ hết nếu cúng thì bạch tiếp đường dưới)

Hiển đăng – Đăng phụng hiến, cúng dàng địa phủ tối u linh, tín chủ kiền tương. Đăng phụng hiến, Kim thời bảo diên Chiêu Quang minh, Trạch chủ bảo an linh. Đại Thánh phổ quang minh vương Bồ Tát.

* Phù đăng giả, phan hoa quan ảnh, đăng chúc giao huy hình như bắc đẩu chi quang minh, thể tựa nam tinh chi nãi diệu, thần tiên viên đồ, tầm ảnh nhi lai hiển thánh giao quang bình cầu nhi trí, dĩ thử vô sở nguyện nhi tất tòng dĩ thử hữu sở nhi tất ứng. Thị tịch thanh phong, thấu lộ thụ đắc môn, bá tiên giả dĩ lai lâm, thiết linh quan nhi chứng giám, cung đối thần minh, đồng thanh tuyên tán.

- Cẩn trì thử đẳng, cúng dàng **Đông Phương** thanh đế thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ, thổ gia quyền thuộc phụ nguyện.

Mộc đức huy đẳng diệu trấn phương

Bỉnh trừ tai ách chí vinh xương

Thanh long tuất mậu an đông vị

Tòng bách kiên trình bảo thọ trường

Đăng trúc dĩ nhiên kiến thành báỉ hiến.

-Cẩn trì thử đẳng cúng dàng **Nam Phương** xích đế, công địa chủ, phủ linh kỳ, thổ gia quyền thuộc phụ nguyện.

Hoàng hoàng hỏa Đức chiếu Nam phương

Chu tước đường tiền nghiệm chính dương.

Xích đế thổ công ngọ vị.

Đăng chúc dĩ nhiên kiến thành báỉ hiến.

- Cẩn trì thử đẳng cúng dàng **Tây Phương** bạch đế, công địa chủ, phủ linh kỳ, thổ gia quyền thuộc phục nguyện

Phúc tinh thuận chữ diệu đoài phương

Kim đức huy đẳng an dậu vị

Hộ phù nhân vật dĩ khang cường,

Đăng chúc dĩ nhiên kiến thành báỉ kiến

- Cẩn trì thử đẳng cúng dàng **Bắc Phương** hắc đế, thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ thổ gia quyền phục nguyện.

Hắc tinh thủy đức chiếu thần linh

Đăng tận hung tà quỷ yêu hình

Huyền vũ nguy nguy an khảm vị

Khuông phù trạch xã bảo bình an.

Đăng chúc dĩ nhiên kiến thành báỉ hiến

* Cẩn trì thử đẳng, cúng dàng **Trung Ương** Hoàng đế, thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ, thổ gia quyền thuộc phục nguyện.

Trung ương thổ khí trấn trung đình,

*Vạn cổ trường tồn nhạc độc hình,
Bất nạn tứ phương huy thổ đức
Bảo phù gia trạch vinh khang linh,*
+ Đăng chúc dĩ nhiên kiên thành bái hịch.

* Thị tịch nhiên thử giả đẳng, giả thượng triết thiên cung, bảo điện hạ cùng,
địa phủ ư quan, phạm hữu hôn mê, tất giai chiếu diệu, ngã vị đẳng chủ, y
bằng thánh giáo, nhiên điểm minh đẳng, khả dĩ khứ tai ách chi tiềm tiêu,
khả dĩ trợ phúc, tinh chi lãng diệu, do lục quang minh, bất biến, u hiển lan
thông, bất bằng ngã phật chi linh quang, hạt sử mê đồ chi phổ chiếu, giáo
hữu phổ cúng dàng chân ngôn cần đương trì tụng

*Vô lượng nhân duyên nhất thiết cúng,
Phổ thí pháp giới chư quân sinh,
Nhược dĩ minh đẳng thân cúng dàng,
Duy năng thành tựu phật công đức.*

Ấn nga nga năng tam bà phạ phiệt nhật la hộc (7 lần)

Nam mô phổ cúng dàng Bồ tát ma ha tát (3 lần)

Nam mô tiêu tai giáng kết tường Bồ tát ma ha tát (3 lần)

SỚ CÚNG VỚT ĐẤT

(Hoàng Thiên giáng phúc)

Phục dĩ.

Hoàng Thiên giáng phúc quảng khai quyền thật chi môn, Hậu Thổ hưng
duyên phổ tế dương cư chi hộ, tam đồ thấu triết cửu hữu văn tri.

Sớ vị : Việt Nam Quốc, xứ gia cư
phụng Phật thượng hương hiến cúng động
thổ kiến tạo.

Kim thần tín

chủ
.....

Thổ Thần liệt vị phủ thủy chiếu giám.

Ngôn niệm : Phao sanh thổ trạch hoạch xứ nhân luân, tịch hoàng thiên cái tải chi ân lại Hậu Thổ bao hàm chi đức, cổ hoàng trị thể viên đương dã xứ, huyết cư cán thị hóa dân tự hữu điều lương thư đồng, sào gia chế tác y thượng cổ chi quy trình, lỗ thị hưng công giáo hạ dân chi cư xứ, tòng tiền bốc trúc ký ninh thiệp ư phương ngung, tự hậu kinh doanh khủng mạo thiên thu cấm kỵ, hoặc phục thi ẩn nặc thần tự tán nhi quý tự mê, hoặc cổ khí đình lưu địa bất linh nhi bất kiệt, dĩ trí quần tà đề kích quốc quý giao xâm, trịch hỏa phao thi sao đăng bồn ảnh, dục kỳ thổ trạch dĩ an ninh kiên trượng Phật từ nhi siêu bạt, tự giả thần duy niên, nguyệt, nhật, tiết giới thiên, Gia cư khai hành pháp sự ư trung, đặc thiết an ủy Long thần các hồi trấn ư phương ngung, dĩ vệ phò ư trạch kim tắc đàn nghi chỉnh túc, phỉ lễ vu trần cần cù sở vấn.

Nhất tâm bái thỉnh

Thừa Thiên Hiệu Pháp Khai hoàng Hậu Thổ Nguyên Quân, Hoàng Thiên Hậu Thổ Tôn Thần, Thổ Phủ chơn Hoàng Đại Đế, Thổ Phủ Cửu luật Đế Quân, Thổ Hoàng Địa Kỳ Tử Anh Phu Nhân, Thái Huyền Dạ Quang Phu Nhân, Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, Nam Cực Trường Sanh Đại Đế, Đông Cực thanh hoa Đại Đế, Tam Hà Cửu giang Đại Đế, Âm Phủ Ngũ Đạo Tướng Quân, Thái Giám Bạch Mã Tôn Thần, Kim niên Hành Khiển Đại Vương, Thái Tuế Chí Đức Tôn Thần, Đương Cảnh Thành Hoàng Đại Vương, Bốn Xứ Thổ Địa Chánh Thần, Khôn Ly Thổ Hỏa Nhị Vị Tiên Nương, Ngũ Hành Liệt Vị Tiên Nương, Lịch Đại Tiên Sư Tôn Thần, Đông Trù Tư Mạng Táo Quân, Ngũ Phương Thổ Công Tôn Thần, Ngũ Phương Long Thần Thổ Địa Trú Trạch Thần Quan, Thập Bát Long Trạch Liệt Vị Tướng Quân, Gia Đường Hương Hỏa Liệt Vị Oai Linh, Bốn Thổ Thổ Địa Phước Đức Tài Thần, Lai Sơn Khứ Thủy Long Mạch Thủy Đạo Thần Quan, Ngũ Chủ Ngung Chi Thần, Môn Thừa Hộ Ủy Bát Quái Cửu Cung Thần Quan, Thanh Long Bạch Hổ Châu Tước huyền Võ Câu Trần Đằng Xà Thần Quan, Thổ Thần liệt vị nhất thiết oai linh đồng thủy chiếu giám, cộng giáng cát tường.

Phục nguyện : Hoàng Thiên giáng phúc, phước lưu vĩnh viễn vô cùng, Hậu Thổ thi ân, ân giáng miên miên bất tận, gia môn thanh cát trưởng ấu hàm an, tự Đông Tây Nam Bắc chi tài, nạp Xuân Hạ Thu Đông chi lợi. Ngưỡng lại Tôn Thần liệt vị phò trì chi đại lực dã cần sở.

Tuế thứ Bát thập nhất, Ất Tị chi niên , nguyệt ,
nhật - cát thời.

Đệ tử chúng đẳng hòa nam, thượng sớ.

TẤU ĐỘNG THỔ

Cộng hòa XHCN Việt Nam, năm thứ.....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm.....)âm lịch

Chúng con cúi rạp trước bài vị, lòng thành cầu nguyện Trục Phù Sứ Giả tới vào giờ, ngày....., tháng....., năm vì chúng con có việc muốn khẩn cầu.

Chúng con bao gồm

ở

theo suy đoán của các thuật sĩ, chúng con đã lựa chọn được thời gian tốt lành và phương tốt lành, rất có lợi cho việc xây dựng nhà để, nhưng không dám tự động tiến hành nên phải nhờ vào Trục Phù Sứ Giả, đem theo lời khẩn của chúng con theo nén hương thơm, thay mặt cho chúng con cầu khẩn các bậc Cao Chân tam giới và tứ phủ, Thánh hiền thập phương, Tinh đẩu Thượng thiên, Thần Linh thập nhị cung, Địa chủ minh sư ngũ phương, Phúc Đức vãng lai trong hư, các vị Thần Tiên và Môn Quan trú tại Đạo Thích nhị gia, 6 vị Thần Sát cai quản tỉnh và tảo hiện việc truyền giáo, mong được các vị giáng lâm. Khẩn cầu các bậc Thánh nhân tạm thời dõng cung, lên xe cưỡi ngựa, cưỡi mây đạp gió đến công trường chúng con. Nếu được các vị giáng lâm, chúng con được dung rượu tế lễ 3 lần.

(rót 1 chén rượu)

Chén rượu tế lễ thứ nhất vừa được rót, Thánh đạo giáng lâm, chúng con tâu một khúc nhạc đón chào (đánh một hồi chuông). Phúc khí mà các ngài ban lớn như trời đất, ân phúc mà chúng con có được sâu như biển cả. Chúng con còn phải nhờ vào thánh đạo phổ giáng ân tình của nhân gian.

(rót thêm 1 chén rượu)

Chén rượu tế lễ thứ 2 là để Thần và người cùng chung vui, Thần Tiên ban phát ân trạch và ánh sáng muôn nơi, cho chúng con được hưởng lộc tước. Kính lễ chén rượu thứ 2 này, chúng con mong được vĩnh viễn diệt trừ tai ương, có được nhiều phúc lớn và điềm lành, vạn thọ vô cương.

(rót thêm 1 chén rượu)

Chén rượu tế lễ thứ 3, chúng con cầu mong từ nay gia đình/ tộc/ công ty luôn được hòa thuận, mọi người trong luôn được an khang. Cầu mong được các vị Thánh hiền ban phát ân trạch, để công việc buôn bán, sản xuất của chúng con được may mắn và phát đạt.

Chúng con đã dâng xong 3 chén rượu, sau đây xin tiếp tục dâng hương, hoa, đèn, nước, trầu, hoa quả đồ ăn; 7 thứ lễ này khá đầy đủ, chúng con không dám dâng quá nhiều. Tín đồ chúng con chỉ mong sau khi thực hiện xong nhà, cả gia đình/ công ty/ chúng con sẽ gặp nhiều vận may, công thành danh toại, sản xuất, kinh doanh được thuận lợi, dồi dào, tiền của sung túc.

Chúng con cầu xin

Thứ Nhất được giàu có,

Thứ Nhì được trường thọ, việc công, việc tư đều được thuận lợi, gia thế vinh hiển, gia đình thịnh vượng, hỏa hoạn và cướp bóc đều bị tiêu trừ, mọi việc đều may mắn, 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông không phải gặp Thủy lôi truân. Trong 8 tiết Lập Xuân, Xuân Phân, Lập Hạ, Hạ Chí, Lập Thu, Thu

Phân, Lập Đông, Đông Chí thường có được sự phù hộ của Địa Thiên thái, chúng con không phạm vào bất cứ một kết cấu nào có Hung Sát tiền ẩn, các vị thần đều được vui vẻ, ra sức ban phát cho chúng con những điều lành, quanh năm được mọi sự như ý . Cầu mong cho những người thợ xây khi làm việc đều có những tâm trí thoải mái, ánh mắt luôn được tinh thông, nhạy bén, sử dụng đồ vật nhanh nhẹn và khéo léo. Chúng con cầu mong được nhờ cậy vào phép lực của thần linh, mong được các vị ra sức phù hộ . Chúng con không giám lưu giữ thánh giá quá lâu, nay xin được hóa tiền vàng để dâng lên các Ngài. Khi các Ngài đến chúng con đã dâng rượu đón mừng, nay các Ngài đi chúng con lại dâng rượu lễ tạ .
(rót thêm vào 3 chén rượu)

Chúng con có chút cầu mong nhỏ rằng, các vị Thánh Tiên khi hồi cung sẽ lại ban phát cho chúng con được tiền tài.

Thiên khai địa tịch

Cát nhật lương thần

Hoàng đế đích tử tôn

Khởi tạo tân gia/nhà xưởng.... (tiên sư giá tạo, tiên hợp âm dương)

Hung thần thoái vị, Ác sát tiềm tàng , Thử phòng kiến lập, Vĩnh viễn cát xương

Chúng con chỉ mong sau khi các ngài hồi cung sẽ như Rồng, Phượng trở về sào, huyết có thể phù hộ cho con cháu có thêm của cải gia nghiệp phát đạt
Có câu thơ:

“Nhất tranh truy hưởng Thiên môn, vạn thiên Thánh hiền tả hữu phân

Thiên sát đả quy thiên thượng khứ, Địa sát tiềm quy Địa lý tàng.

Đại hạ Thiên gian sinh phú quý, toàn gia bách hàng ích nhi tôn.

Kim Quỹ xao xứ chư Thần hô, Ác Sát Hung Thần cấp tốc ôn”

CẤT NỐC

1. Sắm lễ cất nóc nhà

- + Một con gà.
- + Một đĩa xôi/ bánh chưng.
- + Một đĩa muối.
- + Một bát gạo.
- + Một bát nước.
- + Nửa lít rượu trắng, bao thuốc, lạng chè.
- + Một bộ quần áo Quan Thần Linh, mũ, hia tất cả màu đỏ, kiếm trắng.
- + Một bộ đỉnh vàng hoa, năm lễ vàng tiền.
- + Năm cái oản đỏ, năm lá trầu, năm quả cau.
- + Năm quả tròn, chín bông hoa hồng đỏ.

2.SỞ THƯỢNG LƯƠNG

(Hoàng Thiên giáng phúc)

Phục dĩ.

Hoàng Thiên giáng phúc quảng khai quyền thật chi môn, Hậu Thổ hưng duyên phổ tế dương cư chi hộ, tam đồ thấu triệt cứu hữu văn tri.

Sớ vị : Việt Nam Quốc, tỉnh.....

.....gia cư phụng Phật thượng hương hiến cúng THƯỢNG LƯƠNG trung tâm gia kiến tạo.

Kim thần tín chủ, sinh niên.

Thổ Thần liệt vị phủ thùy chiếu giám.

Ngôn niệm : Phao sanh thổ trạch hoạch xứ nhân luân, tịch hoàng thiên cái tải chi ân lại Hậu Thổ bao hàm chi đức, cổ hoàng trị thể viên đương dã xứ, huyết cư cán thị hóa dân tự hữu điều lương thư đồng, sào gia chế tác y thượng cổ chi quy trình, lỗ thị hưng công giáo hạ dân chi cư xứ, tòng tiền bốc trúc ký ninh thiếp ư phương ngưng, tự hậu kinh doanh khủng mạo thiên thu cấm kỵ, hoặc phục thi ẩn nặc thần tự tán nhi quỷ tự mê, hoặc cố khí đình lưu địa bất linh nhi bất kiệt, dĩ trí quần tà đề kích quắc quỷ giao xâm, trịch hỏa phao thi sao đăng bôn ảnh, dục kỳ thổ trạch dĩ an ninh kiên trượng Phật từ nhi siêu bạt, tư giả thần duy niên, nguyệt,.....

*nhật, tiết giới thiên, trọng mạng thiên lưu/ tự gia khai hành pháp sự ư trung, đặc
thiết an ủy Long thần các hồi trấn ư phương ngưng, dĩ vệ phò ư gia trạch kim tắc đàn nghi chỉnh
túc, phỉ lễ vu trần cần cụ số văn.*

Nhất tâm bái thỉnh

Thừa Thiên Hiệu Pháp Khai hoàng Hậu Thổ Nguyên Quân, Hoàng Thiên Hậu Thổ Tôn Thần, Thổ
Phủ chơn Hoàng Đại Đế, Thổ Phủ Cửu luật Đế Quân, Thổ Hoàng Địa Kỳ Tử Anh Phu Nhân, Thái
Huyền Dạ Quang Phu Nhân, Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, Nam Cực Trường Sanh Đại Đế, Đông Cực
thanh hoa Đại Đế, Tam Hà Cửu giang Đại Đế, Âm Phủ Ngũ Đạo Tướng Quân, Thái Giám Bạch Mã
Tôn Thần, Kim niên Hành Khiển Đại Vương, Thái Tuế Chí Đức Tôn Thần, Đương Cảnh Thành
Hoàng Đại Vương, Bốn Xứ Thổ Địa Chánh Thần, Khôn Ly Thổ Hỏa Nhị Vị Tiên Nương, Ngũ Hành
Liệt Vị Tiên Nương, Lịch Đại Tiên Sư Tôn Thần, Đông Trù Tư Mệnh Táo Quân, Ngũ Phương Thổ
Công Tôn Thần, Ngũ Phương Long Thần Thổ Địa Trú Trạch Thần Quan, Thập Bát Long Trạch
Liệt Vị Tướng Quân, Gia Đường Hương Hỏa Liệt Vị Oai Linh, Bốn Thổ Thổ Địa Phước Đức Tài
Thần, Lai Sơn Khứ Thủy Long Mạch Thủy Đạo Thần Quan, Ngũ Chủ Ngung Chi Thần, Môn Thừa
Hộ Ủy Bát Quái Cửu Cung Thần Quan, Thanh Long Bạch Hổ Châu Tước huyền Võ Câu Trần Đẳng
Xà Thần Quan, Thổ Thần liệt vị nhất thiết oai linh đồng thù chiếu giám, cộng giáng cát tường.

Phục nguyện : Hoàng Thiên giáng phước, phước lưu vĩnh viễn vô cùng, Hậu Thổ thi ân, ân giáng
miền miền bất tận, gia môn thanh cát trường ấu hàm an, tụ Đông Tây Nam Bắc chi tài, nạp Xuân
Hạ Thu Đông chi lợi. Ngưỡng lại Tôn Thần liệt vị phò trì chi đại lực đã cần số.

Tuế thứ thất thập chi niên nguyệt , nhật cát thời.

Đệ tử chúng đẳng hòa nam, thượng số.

KHÁNH TRẠCH

LỄ VẬT

	Tẩy uế	Phật	An trạch (bếp+thổ công)	Thiên đài (ngoài trời)	Thí thực phóng sinh (ngoài trời)	Cộng
Gừng đâm nhỏ	1					1 chút đâm nhỏ
Hoa hồng	1		5			6 bông
Hương	1	3	2	1	1	8 thẻ
Hoa tươi		1	2	1	1	5 bó (25 bông)
Trái cây		1	2	1	1	5 đĩa (25 quả)
Xôi trắng			1	1	1	3 đĩa
Chân giò heo luộc			1			1 chân
Rượu trắng			1	1		2 chai
Cua biển			1			1 con luộc chín
Trứng vịt luộc			3			3 quả luộc để vỏ
Thịt lợn luộc			1	1		2 miếng
Chén đựng		5	5	5	5	20 cái
Nước sôi chai	1	1	2	1	1	6 chai
Bia lon			10			10 lon
Nước ngọt			5			5 lon
Thuốc lá			2	1	1	4 bao
Trà gói			2	1		3 gói
Nến		2	4	2	3	11 nến cốc
Vàng đỏ			2	2		6 hộp
Ngựa 5 màu, hia, mũ....			5			5 con
Tiền vàng			50	5	12	67
Đĩa để tiền vàng			4	1	1	6 cái
Cháo					12	12 đội nhỏ
Nổ					12	bao
Oản			5		5	15cái
Mía chặt ngắn					1	1 cây chặt ngắn 20 cm
kẹo					1	1 gói
Chim phóng sinh					10	

BÀI CÚNG- KHÁNH TRẠCH

Nhất thiết cung kính tín lễ thường trụ Tam bảo

Quy mệnh kinh cương kết giới chủ

A Mật Lợi đế đại minh vương

Bất vi bản thệ hộ đàn tràng

Bỉnh xích yêu ma vô chướng ngại

Ấn hô lô hô lô để sắt tra để sắt bàn đà bàn bàn đà a mật nhị đế ô hồng sắt loa (3 biến).

Nghiêm túc đạo tràng đại bi pháp thủy ,nhuận chiêm bát đức thanh tịnh thập phương ngưỡng bằng đại chúng đồng thanh phụng tụng án bạt chiết la sa di hồng bát da na (3 biến)

* **Thiết dĩ :** Đàn tràng ký khiết, thánh chúng tương lâm an trấn ngũ phương, dâng trừ chủ uế. Phụng thỉnh A Mật Lợi đại đế, khu trừ tà túy chi bang tiêu, cung bằng Quân Trà Lợi Minh Vương diệt yêu phân chi tuyến đồng cúng dường,

Tư thần Việt nam quốc..... Tín chủ
mỗ..... tiết lự hung công động thổ, kết
cấu gia đường, dục trừ hung nghiệt dĩ tiềm tiêu, viên thiết đàn nghi nhi
nhương tạ

Cẩn thủ kim nguyệt, cát nhật; mỗ gia thỉnh mệnh pháp sư tự vu mỗ xứ, tu
thiết kỳ an khánh trạch phần sãi sát thổ pháp đàn nhất diên tuần hành khoa
pháp, tuyên diễn nghi văn, phần âm khởi sứ kim trung chấn động ư sơn
xuyên, pháp lạc ô thới ngọc kê, tiêm kinh ư thiện địa, thiết nự chư phương
cấm kỳ thử sứ Long thần linh vô phổ úy chí tâm tất hữu gia trì chi lực, tiêu
trừ chư khí, tán tận hung ương giáo hữu án túy thổ địa chân ngôn đương trì
tụng.

Thổ địa thần linh tuân phật sắc .

Bất vi phạm hộ đàn tràng .

Nhã kim phúng tụng hộ gia trì.

Thử sứ cảm thông sinh hoan sinh hoan hỉ

Nam mô tam mẫu đà một đà năm, án độ rô địa vĩ tát bà ha (3 lần)

* **Thiết dĩ:** Đàn duyên thiện khả cung nghinh hiền thánh dĩ lai lâm, pháp sự nghiêm trần tất tịch danh hương chi biến đạt, dĩ kim phần hương kiền thành cúng dàng thập phương Tam Bảo, Tứ Phủ, Vạn Linh tất trượng chân hương phổ đồng cúng dàng.

Tư cứ, Việt

Nam.....
.....(địa chỉ)

Tư thần tín chủ:..... thê..... thiết nự hưng công
động thổ kết cấu thổ đường dực trừ hung nghiệp dĩ tiềm tiêu viên thiết đàn
nghỉ nhi nhượng tạ, cẩn thủ kim nguyệt cát nhật thỉnh mạnh pháp sư tựu
vu gia gia sứ, tu thiết kỳ an khánh trạch phần sài, sát thổ pháp đàn, nhất
duyên tuân hành khoa phạm tiên diễn nghi văn, kỳ gia trạch dĩ bình an sử
hung linh chi diễn giáo hữu nhiên hương chân ngôn cẩn đương trì tụng.

Dục đạt chư tôn trình cúng dàng,

Tiên bằng ngũ phận biểu tình kiền

Thánh phạm hướng cách dĩ nan thông,

Trương thử chân ngôn than cúng dàng

Nam mô tam mẫu đá một đà năm án phạ nhật na vạt ra hạ (3 lần)

Thiết dĩ : Hương đăng chỉnh túc, đàn giới tinh nghiêm, ân cần nhất niệm chi phạm tình, triệu tập vạn linh chi thánh chúng. Kim tắc pháp chuyên dĩ hiện, phần sái tuyên dương, ngưỡng vọng uy quang lâm pháp tịch, giáo hữu triệu thỉnh chân ngôn cẩn đương trì tụng.

Dĩ thử linh thanh thân triệu thỉnh

*Chư tôn hiển thánh nguyện khai chi
Nhất bằng bí ngữ triệu thập phương,
Thị nhật kim thời lai giáng phó*

Nam mô bộ bộ đế lị già đá đất ngu đá gia (3 lần)
Thượng lai triệu thỉnh chân ngôn tuyên dương dĩ kính chúng đẳng kiến
thành, thượng hương bái thỉnh.

* **Nhất tâm phụng thỉnh**, Tam Thân viên mãn vạn đức trang nghiêm, nguyện
lực sinh lợi tâm tế khổ, thập phương vô lượng thường trụ bảo nhất thiết chư
Phật.

Duy nguyện: Tư bi bất xả, giáng phó đàn duyên chứng minh công đức; hương
hoa thỉnh.

* **Nhất tâm phụng thỉnh**, Thiện hoa phụng tục bách bảo nghiêm thân, dương
chi phát tán tận hưng ương, cam lộ sái thời trừ nhiệt não, đại từ đại bi cứu
khổ cứu nạn linh cảm ngũ bách danh Quán Thế âm bồ tát Ma Ha Tát.

Duy nguyện: phàm thỉnh hữu đảo, thánh đức thù từ giáng phó đạo tràng
chứng minh công đức; hương hoa thỉnh .

***Nhất tâm phụng thỉnh**, Phụng Thiên tế thể thừa phật giáng ma, Uế Tích
Kim Cương, Mật Tích Kim Cương, Đại Dũng Mãnh Kim Cương, Yết La Minh
Vương, Cát Lợi Minh Vương, Chấp Trá Minh Vương, Phần Lộ Minh Vương,
Quyền Minh Vương, Đan Minh Vương, Câu Minh Vương, Nhất Thiết Minh
Vương, Tịch Chư Quyển Thuộc Minh Vương.

Duy nguyện: Bình trừ tà khí diệt yêu ma, giáng phó đạo tràng chứng
minh công đức; hương hoa thỉnh .

* **Nhất tâm phụng thỉnh**, Hộ trì Phật pháp, giáng phục ma quân, Đông phương ĐÊ ĐẦU LẠI SA THIÊN VƯƠNG, Nam phương TỖ LẬU LẶC XOA THIÊN VƯƠNG, Tây phương TỖ LẬU BẮC XOA THIÊN VƯƠNG, Bắc phương TỖ LẬU MÔN THIÊN VƯƠNG, Thượng phương ĐẠO LỢI THIÊN VƯƠNG, Hạ phương CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG, Trung cung DU BÌNH TÁN CHÍ ĐẠI TƯỚNG QUÂN.

Duy nguyện: trượng thừa phật lực, trấn nghịch tà khâm phụng thiên, uy thượng thiên ác quỷ, giáng phó hương duyên chứng minh công đức; hương hoa thỉnh.

* **Nhất tâm phụng thỉnh**, Uy nghiêm cự trắc, diệu chí nan lương, hộ chính pháp dĩ hưng long, đấng tà ma nhi nhiếp phục, tổ pháp đấu chiến thắng Phật, Tề Thiên Đại Thánh, diễn giáo Thiên tôn, tổ sư Thiên tôn phù giáo, phụng nguyện đại pháp Thiên sư đô thiên Đại thánh, thùy giáo Thiên tôn, tam giới phổ am Quan tướng, nhất thiết uy linh, tổ sư, tông sư liệt vị.

Duy nguyện: thủ trì bảo kiếm, hàng phục tà tinh giáng phó hương duyên chứng minh công đức; hương hoa thỉnh.

***Nhất tâm phụng thỉnh**, Uy phong lẫm liệt. kinh khí hoàn toàn. Đại thánh A Kỳ Ni thiên tử. Bộ mi thánh quân, yêu canh thiên tử, Thôi tốc thần Vĩ Lang đại tướng, Hồ Sà Nhị Thần Đô Thiên đại tướng, tạt tiếp chân nhân, bát phương uy lực Ngũ Đức thần quân.
Duy nguyện: khu trừ quỷ mị, trảm diệt yêu nhân, giáng phó hương duyên chứng minh công đức; hương hoa thỉnh.

***Nhất tâm phụng thỉnh**, Đông phương Giáp Ất Mộc, bát thập nhất thần quân, Nam phương Bính Đinh Hỏa lục thập tứ thần quân, Tây phương Canh Tân Kim, tứ thập cửu thần quân; Bắc phương Nhâm Quý Thủy, tam thập lục thần quân, Trung ương Mậu Kỷ Thổ, nhị thập ngũ thần quân, Thanh Long Bạch Hổ

thần quân, Chu Tước Huyền Vũ thần quân, Phi Liêm đại sát thần quân, nguyệt du Nguyệt Sát thần quân, nhất bạch nhị hắc tam bích tứ lục, ngũ hoàng, lục bạch thất sích bát bạch cửu tử thần quân.

Duy nguyện: bình trừ bình hung ác, tích tập ching tường giáng phó hương duyên chứng minh công đức.

*** Nhất tâm phụng thỉnh,** Đương niên hành khiển Thổ địa chính thần Tư Mạnh Táo Phủ Thần Thổ Công Táo Phổ môn thừa hộ úy tinh táo long quân nhất thiết thần quân.

Duy nguyện: khuông phù gia nội giám sát dân chung thụ tử cúng dàng; hương hoa thỉnh .

***Nhất tâm phụng thỉnh,** Thượng lai nghinh thỉnh, ký hạ quang lâm giáng phó đàn tràng, an tọa chân ngôn cần đương trì tụng.

Thánh đức tòng không lai giáng phó gia đà.

Thoát nhiên tâm nguyện thỉnh gia đà.

Duy năng thành tựu phật công đức.

Nguyện giáng đàn tràng an vị tọa.

Ấn tra ma na sa ha (3 biến)

An tọa chân ngôn tuyên dương dĩ kính dĩ kim chúng đẳng kiền cụ trai nhi lý đương phụng hiến,

Ấn, phạ nhật na ma ha (7 biến)

Vô lượng nhân duyên nhất thiết cúng,

Phổ thí pháp giới chư chúng sinh,

Duy năng thành tựu phật công đức.

Nguyện giáng đàn tràng an vị tọa.

An nga nga năng tam bà phụ phiệt nhật na học (7 biến)

* Khể thủ hòa nam chư thánh chúng, chư nữ thần tướng chứng linh quan, thần thông quảng đại khả uy quang, giám sát tứ thời kỳ đảo số kim thời khái thỉnh hựu số tuyên dương hạnh đối uy quang, cung duy từ thính cần đương hạnh đối uy quang, cung duy từ thính cần đương tuyên đọc.

(đọc số)

Thượng lai văn số tuyên đọc dĩ chu số phật thánh tiến dụng bằng hoả hóa;

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh.

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tướng hành thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành thức. Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc, thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo. Vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố. Bồ đề tát đồa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư Phật, y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề.

Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chân thật bất hư.

Cổ thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

Ấn bát đà nô chỉ nô sa hạ (7 hoặc 10 biến)

Phục dĩ : nhất phù nhất chú bằng thiên tướng chỉ thần công, vạn pháp vạn linh, tịch địa tư chi uy lực, kim tắc hương tiền bảo tửu phụng hiến kim bôi, tịch nhiên bất kiến kỳ hình, kiến nhi mặc chi kỳ trạng, vân sa dũng lượng âm dương biến hóa dĩ thăng đẳng phong vương bên đà tịnh hỏa, dịch phiến nhi tấn tốc các hoàn kỳ vị mẫu đảo khô viên, hữu hành trì tất giai quả tại, phục nguyện bá uy bá đức, phù trì nhân vật dĩ bình ai, lai phúc lai tường, bảo hộ gia môn nhi cát khánh vị thử thượng lương tất duyên niên, thập phương tam thể phật, chư tôn bồ tát ma ha tát ma ha tát ma ha bát nhã ba la mật .

Thượng lai hiến cúng công đức vô ngần lương nhân khế thủ hòa nam tam tôn thánh chúng.

KHOA CÚNG THỔ CÔNG

Thần linh thổ địa tảo phủ hương phụng hiến, cúng giàng chư thánh chúng, tín chủ đầu thành, nghinh triệu thỉnh.

Nguyên kỳ thần lực giáng hoa duyên.

Các chân phương ngung sinh hoan hỷ.

Khuông phù gia trạch bảo bình an,

phúc thọ vĩnh miên miên,

Thiết dĩ đàn duyên sơ khải, tịnh cúng phu trần, duy bài biện chi trang nghiêm, khứng vãng lai chi uế chược, bằng tư pháp thủy phần bỉ trần lao, tịnh uế chân ngôn, cần đương trì tụng.

Như lai công đức thủy, danh vị cam lộ tương

Nhất trích sái đàn tràng, cấu uế tất thanh tịnh

Ấn bắc để tra, thiên thần la na địa tra sa hạ (7 lần)

Thiết dĩ thần chủ, cung bằng ngũ phận dĩ tiềm thông, nhất khí huyền hư dụng

cách, nhất tâm nhi biến đạt phu trần đẳng trúc lễ sám thổ công, dục môg thần lực dĩ hộ trì, ngưỡng vọng uy linh nhi chứng giám

Tư thời tiếthữu **tín chủ** tinh kỷ trì vì, doanh cư thử trạch, mỗi niệm quá du, vũ cử tá doanh, vi can cấm kỵ, thức *khởi công động thổ*, xúc phạm thần minh, viên trần nhượng sấm, chi nghi, ngưỡng tích bình an chi khánh, do thị kim nguyệt cát nhật, thỉnh mạnh mạnh pháp sư tự vu gia sử, tu thuyết kỳ an khánh trạch, lễ sám thổ công, thỉnh phúc duyên sinh pháp đàn, nhất duyên tuân hành khoa phạm, tuyên diễn chân ngôn, nguyện tứ uy quang giáng lâm pháp tịch, triệu thỉnh chân ngôn cần đương trì tụng.

*Dĩ thử linh thanh thân triệu thỉnh
Ngũ phương địa chủ nguyên văn chi
Nguyện bằng tam bảo lực gia trì
Nguyện tại kim thời lai giang phó*
Nam mô bộ bộ đế lý giá lý đá lý đất đa nga đá gia (7 lần)

Thượng lai nghinh thỉnh chân ngôn tuyên dương dĩ kính chúng đẳng kiên thành thượng hương nghinh thỉnh.

* **Nhất tâm phụng thỉnh** mệnh thừa thiên đế trúc thuộc địa tư, bảo phương ngung, trạch sả chi chung. Chấn cương giới môn đình chí ngoại. Cung duy ngũ phương ngũ đế, vạn phúc phu nhân cập bản sử thần linh tảo phủ, tinh chư quyền thuộc.

Duy nguyện bất chi kiến thỉnh, lân mẫn hữu tình chứng minh công đức.

* **Nhất tâm phụng thỉnh.** Trúc tư địa chủ, vị trấn phương ngung, kỷ cương lý chi ngũ phân, tác thần kỳ chi chúa tể.

Cung duy, đông phương, cửu di quân, Nam phương bất luyện quân, tây phương lục tuất quân, bắc phương ngũ hóa quân, trung ương tam thái quân,

thổ hầu thổ bá quân, thổ mãnh thổ trọng, thổ khảm thổ khang, thổ lý, thổ tôn, thổ gia quyền thuộc.

Duy nguyện, đồng thừa pháp lực, vận thần uy, đáng phó hương duyên thụ tư cúng dàng.

* **Nhất tâm phụng thỉnh.** Quyền tư lục hợp vị liệt tứ duy, khứ hung ác chi tha phương, tập chinh tường ư thử giới, cung duy ngũ phương thổ công, địa chủ thổ phủ thần kỳ, thanh long bạch hổ, chu tước huyền vũ thần, cửu cung bái quái, táo thủ thần linh, cấm kỵ đẳng thần nhất thiết uy linh. *Duy nguyện, uy quang bất sả, giáng phó đàn duyên thụ tư cúng dàng. Thượng lại triệu thỉnh trần ngôn tuyên dương dĩ kính, giáo hữu an tọa chân ngôn trì tụng.*

Thần đức tòng không lai giáng hạ
Khoát nhiên tâm nguyệt thính gia đà
Tùy phương ứng hiện biến quang minh
Giáng phó gia đường an vị tọa,
Ấn tra ma sa hạ (3 lần)

An tọa chân ngôn tuyên dương dĩ kính, năng linh cúng cụ, nhất nhất vô biên, thượng hiến thánh từ, phủ thủy lập thụ, tán chủ kiến thành thượng hương phụng hiến (chú biến thực cam lộ).

*Vô lượng nhân duyên nhất thiết cúng
Phổ thí pháp giới chư quần sinh
Nhược dĩ hương hoa phổ cúng dàng,
Duy năng thành tựu phật công đức.*

* Ấn nga nga năng tam bà phiệt nhật la hộc (3 lần)

- Thượng lai hiến cúng công đức, dĩ chu kim hữu số văn cần đương tuyên đọc (đọc số xong).

- Thượng lai văn số tuyên đọc dĩ chu, ngưỡng vọng thần từ phủ thùy thái lập, kim hữu số văn dụng bằng hỏa hóa.

Ấn bặt đà lô lô chi linh sa hạ (7 lần)

(Nếu cúng dàng được thì thắp thêm năm ngọn đăng. Nếu không cúng thì lễ tạ hết nếu cúng thì bạch tiếp đường dưới)

Hiển đăng – Đăng phụng hiển, cúng dàng địa phủ tối u linh, tín chủ kiền tương. Đăng phụng hiển, Kim thời bảo diên Chiêu Quang minh, Trạch chủ bảo an linh. Đại Thánh phổ quang minh vương bồ tát.

* Phù đăng giả, phan hoa quan ảnh, đăng chúc giao huy hình như bắc đầu chi quang minh, thể tựa nam tinh chi nãi diệu, thần tiên viên đồ, tầm ảnh nhi lai hiển thánh giao quang bình cầu hữu nhi tất ứng. Thị tịch thanh phong, thấu lộ thụy đặc môn, bá tiên giả dĩ lai lâm, thiết linh quan nhi chứng giám, cung đối thần minh, đồng thanh tuyên tán.

Cẩn trì thử đăng, cúng dàng **Đông Phương Thanh Đế** thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ, thổ gia quyền thuộc phụ nguyện.

*Mộc đức huy đăng diệu **chấn** phương*

Bính trừ tai ách chí vinh sương

***Thanh Long** tuất mậu an **Đông** vị*

Tòng bách kiên trinh bảo thọ trường

Đăng trúc dĩ nhiên kiến thành bá hiển.

Cẩn trì thử đăng, cúng dàng **Nam Phương Xích Đế** thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ, thổ gia quyền thuộc phụ nguyện. Hoàng hoàng hỏa Đức chiếu Nam phương

***Chu Tước** đường tiền nghiêm chính dương.*

*Bĩnh trừ tai ách chí vinh sương
Xích đế thổ công an ngọ vị.
Đăng chúc dĩ nhiên kiên thành báỉ hiến.*

Cẩn trì thử đẳng, cúng dàng **Tây Phương Bạch Đế**, thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ, thổ gia quyền thuộc phục nguyên
*Phúc tinh thuận chữ diệu Đòai phương
Kim đức huy đẳng an dậu vị
Hộ phù nhân vật dĩ khang cường,
Đăng chúc dĩ nhiên kiên thành báỉ hiến*

- Cẩn trì thử đẳng cúng dàng **Bắc Phương Hắc Đế**, thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ thổ gia quyền phục nguyên.
*Hắc tinh Thủy Đức chiếu thần linh
Đẳng tận hung tà quỷ yêu hình
Huyền Vũ nguy nguy an khảm vị
Khuông phù trạch xã bảo bình an.
Đăng chúc dĩ nhiên kiên thành báỉ hiến*

* Cẩn trì thử đẳng, cúng dàng **Trung Ương Hoàng Đế**, thổ công địa chủ, thổ phủ linh kỳ thổ gia quyền thuộc phục nguyên.
*Trung ương thổ khí trấn trung đình,
Vạn cổ trường tồn nhạc độc hình,
Bất nạn tứ phương huy Thổ Đức
Bảo phù gia trạch vinh khang linh,
+ Đăng chúc dĩ nhiên kiên thành báỉ hiến.*

* Thị tịch nhiên thử giả đẳng, giả thượng triết nhiên cung, bảo điện hạ cùng, địa phủ ư quan, phạm hữu hôn mê, tất giai chiếu diệu, ngã vị đẳng chủ, y bằng thánh giáo, nhiên điểm minh đẳng, khả dĩ khứ tai ách chi tiềm tiêu, khả dĩ trợ phúc, tinh chi lăng diệu, do lự quang minh, bất biến, u hiển lan thông, bất

bằng ngã phạt chi linh quang, hạt sử mê đồ chi phổ chiếu, giáo hữu phổ cúng
dàng chân ngôn cần đương trì tụng.

*Vô lượng nhân duyên nhất thiết cúng,
Phổ thí pháp giới chư quân sinh,
Nhược dĩ minh đăng thân cúng dàng,
Duy năng thành tựu Phật công đức.*

Án nga nga năng tam bà phạt phiệt nhật la hộc (7 lần)
Nam mô phổ cúng dàng Bồ tát ma ha tát (3 lần)
Nam mô tiêu tai giáng kết tường Bồ tát ma ha tát (3 lần)

SỚ CÚNG VỚT ĐẤT

(Hoàng Thiên giáng phúc)

Phục dĩ.

Hoàng Thiên giáng phúc quảng khai quyền thật chi môn, Hậu Thổ hưng duyên
phổ tế dương cư chi hộ, tam đồ thấu triệt cửu hữu văn tri.

Sớ vị : Việt Nam Quốc, tỉnh,

tín chủ mỗ cấp cư phụng

Phật thượng hương hiến cúng

Thần liệt vị phủ thù chiếu giám.

Ngôn niệm : Phao sanh thổ trạch hoạch xứ nhân luân, tịch hoàng thiên cái tải
chi ân, lại Hậu Thổ bao hàm chi đức, cổ hoàng trị thể viên đương dã xứ, huyết
cư cán thị hóa dân tự hữu điều lương thư đồng, sào gia chế tác y thượng cổ chi
quy trình, lỗ thị hưng công giáo hạ dân chi cư xứ, từng tiền bốc trúc ký ninh
thiếp ư phương ngưng, tự hậu kinh doanh khùng mạo thiên thu cấm kỵ, hoặc
phục thi ẩn nặc thần tự tán nhi quỷ tự mê, hoặc cố khí đình lưu địa bất linh nhi
bất kiệt, dĩ trí quần tà đề kích quắc quỷ giao xâm, trịch hỏa phao thi sao đăng
bôn ảnh, dục kỳ thổ trạch dĩ an ninh kiên trọng Phật từ nhi siêu bạt, tư giả
thần duy cát nguyệt tiết giới ĐÔNG thiên, tự tộc khai hành pháp sự ư trung, đặc
thiết an ủy Long thần các hồi trấn ư phương ngưng, dĩ vệ phò ư QUÁN trạch kim
tắc đàn nghi chỉnh túc, phỉ lễ vu trần cần cụ sớ văn.

Nhất tâm bách thỉnh : Thừa Thiên Hiệu Pháp Khai hoàng Hậu Thổ Nguyên Quân, Hoàng Thiên Hậu Thổ Tôn Thần, Thổ Phủ chơn Hoàng Đại Đế, Thổ Phủ Cửu luật Đế Quân, Thổ Hoàng Địa Kỳ Tử Anh Phu Nhân, Thái Huyền Dạ Quang Phu Nhân, Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, Nam Cực Trường Sanh Đại Đế, Đông Cực thanh hoa Đại Đế, Tam Hà Cửu giang Đại Đế, Âm Phủ Ngũ Đạo Tướng Quân, Thái Giám Bạch Mã Tôn Thần, Kim niên Hành Khiển Đại Vương, Thái Tuế Chí Đức Tôn Thần, Dương Cảnh Thành Hoàng Đại Vương, Bốn Xứ Thổ Địa Chánh Thần, Khôn Ly Thổ Hỏa Nhị Vị Tiên Nương, Ngũ Hành Liệt Vị Tiên Nương, Lịch Đại Tiên Sư Tôn Thần, Đông Trù Tư Mạng Táo Quân, Ngũ Phương Thổ Công Tôn Thần, Ngũ Phương Long Thần Thổ Địa Trú Trạch Thần Quan, Thập Bát Long Trạch Liệt Vị Tướng Quân, Gia Đường Hương Hỏa Liệt Vị Oai Linh, Bốn Thổ Thổ Địa Phước Đức Tài Thần, Lai Sơn Khứ Thủy Long Mạch Thủy Đạo Thần Quan, Ngũ Chủ Ngung Chi Thần, Môn Thừa Hộ Ủy Bát Quái Cửu Cung Thần Quan, Thanh Long Bạch Hổ Châu Tước huyền Võ Câu Trần Đằng Xà Thần Quan, Thổ Thần liệt vị nhất thiết oai linh đồng thùy chiếu giám, cộng giáng cát tường. Phục nguyện : Hoàng Thiên giáng phúc, phúc lưu vĩnh viễn vô cùng, Hậu Thổ thi ân, ân giáng miên miên bất tận, tộc môn thanh cát trường ấu hàm an, tụ Đông Tây Nam Bắc chi tài, nạp Xuân Hạ Thu Đông chi lợi. Ngưỡng lại Tôn Thần liệt vị phò trì chi đại lực dã cần sơ.

Tuế thứ thất thập THẤT , TÂN SỬU chi niên, THẬP nguyệt, TAM nhật, cát thời. Đệ tử chúng đẳng hòa nam, thượng sớ.